

BỘ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM ĐÚNG-SAI KHỎI 11

NĂM HỌC 2023-2024

BÀI 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CÁCH MẠNG TƯ SẢN

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 15. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1. Đọc đoạn trích sau đây:

“Ở Pháp, vương quyền là đỉnh cao của lâu đài phong kiến và chuyên chế. Nhà vua luôn có quyền hành chuyên chế và vô hạn; ... quyết định mọi công việc đối nội và đối ngoại của quốc gia. Triều vua Lu-I XVI là một sự chuyên chế cao độ. Theo những “mật lệnh có ấn vua” nhằm khủng bố nhân dân, hàng trăm người bị bắt, bị tù đầy ở các nơi trong nước”.

(A. Man-phờ-rét, *Đại Cách mạng Pháp 1789*, NXB Khoa học, 1965, tr.18-19)

- a. Chính sách cai trị của nhà nước phong kiến chuyên chế gây bất mãn cho nhân dân.
- b. Sự tồn tại của nhà nước quân chủ lập hiến gây bất mãn cho tầng lớp quý tộc mới.
- c. Mâu thuẫn giữa đẳng cấp thứ ba với đẳng cấp tăng lữ và quý tộc ngày càng sâu sắc.
- d. Tình hình chính trị ở Pháp dưới triều vua Lu-I XVI khủng hoảng trầm trọng.

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Chế độ phong kiến, với chỗ dựa là tầng lớp quý tộc và Giáo hội Anh, ngày càng cản trở sự kinh doanh làm giàu của tư sản và quý tộc mới. Dưới thời vua Sác – lơ I (từ năm 1625), nhiều thứ thuế mới được đặt ra, nhà nước nắm độc quyền thương mại và thu thuế thuyền bè, duy trì nhiều đặc quyền phong kiến, đời sống nhân dân càng thêm cơ cực. Mâu thuẫn giữa tư sản, quý tộc mới với các thế lực phong kiến phản động được biểu hiện qua những cuộc xung đột giữa Quốc hội với nhà vua.

- a. Tư sản và quý tộc mới ở Anh bị cản trở làm giàu do sự chèn ép của chế độ phong kiến.
- b. Vua Sác – lơ I ban hành một số chính sách giúp nước Anh ổn định đời sống chính trị.
- c. Mâu thuẫn giữa Quốc hội với nhà vua diễn ra trên nhiều mặt nhưng chủ yếu là kinh tế.
- d. quần chúng nhân dân, tư sản và quý tộc mới ở Anh có khả năng kinh doanh làm giàu.

Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Nguyên nhân trực tiếp bùng nổ cách mạng xoay quanh vấn đề tài chính, khi Sác – lơ I triệu tập Quốc hội (4-1640) nhằm tăng thuế, để có tiền chi cho việc đàn áp cuộc nổi dậy của người Xcôt-len ở miền Bắc nước Anh. Quốc hội, gồm đa số là quý tộc mới và tư sản, không phê duyệt các khoản thuế mới do vua đặt ra, kịch liệt công kích chính sách bạo ngược của nhà vua và đòi quyền kiểm soát quân đội, tài chính và Giáo hội. Sác – lơ I định dùng vũ lực đàn áp Quốc hội, song đã bị quần chúng nhân dân phản đối quyết liệt. Bị thất bại, Sác – lơ I chạy lên phái Bắc Luân Đôn, tập hợp lực lượng phong kiến chuẩn bị phản công”.

- a. Vấn đề tài chính là nguyên nhân trực tiếp làm bùng nổ cách mạng tư sản Anh.
- b. Mục đích của vua Sác – lơ I triệu tập Quốc hội nhằm vay tiền và ban hành thuế mới.
- c. Các giai cấp ở nước Anh đều bất bình khi vua Sác – lơ I dùng vũ lực đàn áp nhân dân.
- d. Quần chúng ở Anh đã ủng hộ quý tộc và tư sản việc kiểm soát tài chính, quân đội.

Câu 4. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Do kinh tế phát triển, nhu cầu trao đổi giữa các thuộc địa ngày càng tăng. Cùng với sự tiến bộ của hệ thống giao thông và thông tin liên lạc, một thị trường thống nhất dần hình thành ở Bắc Mỹ. Sự phát triển kinh tế của các thuộc địa làm cho Bắc Mỹ trở thành nơi cạnh tranh đối với Anh. Vì vậy, bằng mọi biện pháp, Chính phủ Anh đã cấm Bắc Mỹ sản xuất nhiều loại hàng công nghiệp, cấm mở

doanh nghiệp, cấm đem máy móc và thợ lành nghề từ Anh sang, đồng thời ban hành chế độ thuế khóa nặng nề... Những chính sách đó đã làm tổn hại đến quyền lợi của nhân dân thuộc địa, gây nên sự phản ứng mạnh mẽ trong mọi tầng lớp nhân dân”.

- a. Kinh tế của các thuộc địa ở Bắc Mỹ chưa thoát khỏi sự ảnh hưởng của thực dân Anh.
- b. Chính phủ Anh ra nhiều lệnh cấm vô lí đối với nhân dân các thuộc địa ở Bắc Mỹ.
- c. Thực dân Anh ban hành nhiều chính sách vô lí nhằm độc quyền ở châu Mỹ.
- d. Mâu thuẫn giữa quần chúng nhân dân Bắc Mỹ với thực dân Anh đang dần hình thành.

Câu 5. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“*Tuyên ngôn Độc lập* là một văn kiện có ý nghĩa lịch sử trọng đại. Lần đầu tiên, các quyền con người và quyền công dân được chính thức công bố trước toàn thể nhân loại. Nguyên tắc về chủ quyền của nhân dân được đề cao như một sự thách thức đối với thực dân Anh ở Bắc Mỹ cũng như chế độ quân chủ chuyên chế đang thống trị khắp lục địa châu Âu. Nhưng tuyên ngôn cũng không đề cập đến việc xóa bỏ chế độ nô lệ cùng việc bóc lột giai cấp công nhân và nhân dân lao động”.

- a. Đây là bản Tuyên ngôn độc lập tuyên bố sự thành lập Hợp chúng quốc Mỹ.
- b. Lần đầu tiên có bản Tuyên ngôn đề cập đến quyền con người là bất khả xâm phạm.
- c. Bản Tuyên ngôn ở Mỹ đã làm chế độ phong kiến thế giới bị lung lay dữ dội.
- d. Bản Tuyên ngôn ở Mỹ đã giúp quần chúng nhân dân được nhiều quyền lợi tốt hơn.

Câu 6. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Về tình hình chính trị, đến cuối thế kỉ XVIII, nước Pháp vẫn duy trì chế độ quân chủ chuyên chế (đứng đầu vua Lu – I XVI). Xã hội chia thành ba đẳng cấp: *Tầng lữ, quý tộc và Đẳng cấp thứ ba*. Hai đẳng cấp đầu tuy chỉ chiếm số ít trong dân cư, nhưng được hưởng mọi đặc quyền, đặc lợi, không phải nộp thuế, có nhiều bổng lộc và giữ những chức vụ cao trong chính quyền, quân đội và Giáo hội. Do vậy, họ muốn duy trì quyền lực của phong kiến và không muốn thay đổi chế độ chính trị”.

- a. Thế kỉ XVIII, Pháp vẫn là nước phong kiến lạc hậu do vua Lu-I XVI đứng đầu.
- b. Xã hội Pháp ngoài đẳng cấp tầng lữ, đẳng cấp thứ ba còn có đẳng cấp quý tộc mới.
- c. Mâu thuẫn giữa ba đẳng cấp ở Pháp chủ yếu là về kinh tế và địa vị chính trị.
- d. Dự báo nước Pháp sắp diễn ra một cuộc cách mạng giữa quý tộc và đẳng cấp thứ ba.

Câu 7. Đọc đoạn tư liệu sau:

“Trào lưu tư tưởng ở Pháp vào thế kỉ XVIII được gọi là trào lưu *Triết học Ánh sáng*, tiêu biểu à Mông – te – xki – ơ, Vôn – te, Rút – xô. Các ông đã kịch liệt phê phán sự thối nát của chế độ phong kiến và nhà thờ Ki – tô giáo, đưa ra những lí thuyết về việc xây dựng nhà nước mới. Những quan điểm tiến bộ của Triết học Ánh sáng đã tấn công và hệ tư tưởng của chế độ phong kiến, dọn đường cho cuộc cách mạng xã hội bùng nổ”.

- a. Triết học Ánh sáng là trào lưu tư tưởng chống lại phong kiến và nhà thờ ở Pháp.
- b. Những nhà Triết học Ánh sáng đã chủ trương xây dựng mô hình kinh tế mới.
- c. Những tư tưởng của Triết học Ánh sáng đã giúp thúc đẩy xã hội Pháp tiến lên.
- d. Ba nhà Triết học Ánh sáng ở Pháp đã đề xuất xây dựng nhà nước lập hiến mới.

Câu 8. Đọc đoạn tư liệu sau:

“Cuối tháng 8-1789, ở nước Pháp Quốc hội Lập hiến đã thông qua bản *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền* với khẩu hiệu nổi tiếng: “Tự do – Bình đẳng – Bác ái”. Tuyên ngôn gồm 17 điều, thừa nhận quyền tự do, bình đẳng của con người và khẳng định chủ quyền của nhân dân, đồng thời tuyên bố quyền sở hữu là quyền thiêng liêng và bất khả xâm phạm”.

- a. Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền thừa nhận về quyền tự do, bình đẳng và quyền sở hữu của con người.
- b. Bản Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền ở Pháp được công bố bởi giai cấp tư sản công thương.
- c. Khẩu hiệu “Tự do – Bình đẳng – Bác ái” thể hiện khát vọng và ý chí của nhân dân Pháp về quyền con người.
- d. Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền đã xây dựng cho nước Pháp thiết chế xã hội mới, hiện đại hơn.

Câu 9. Đọc đoạn tư liệu sau:

“Cuối thế kỉ XVIII, Pháp vẫn là một nước nông nghiệp. Công cụ và phương thức canh tác thô sơ, lạc hậu, năng suất thu hoạch rất thấp. Dân cư chủ yếu sống bằng nghề nông. Nông dân nhận ruộng đất của lãnh chúa để cày cấy và phải nộp địa tô hết sức nặng nề, phải thực hiện mọi nghĩa vụ phong kiến với lãnh chúa. Đời sống nông dân ngày càng khốn quẫn bởi sự bóc lột đến cùng cực của lãnh chúa phong kiến và Giáo hội. Nạn đói thường xuyên xảy ra”.

- a. Cuối thế kỉ XVIII, ngành kinh tế công nghiệp, ngoại thương là chủ yếu ở nước Pháp.
- b. Nông dân Pháp bị ba tầng áp bức là lãnh chúa, tư sản, địa chủ phong kiến.
- c. Công cụ trong sản xuất nông nghiệp ở nước Pháp thế kỉ XVIII vẫn lạc hậu, thô sơ.
- d. Nông dân ở Pháp cuối thế kỉ XVIII phải chịu cảnh đóng địa tô cao, thuế nặng nề.

Câu 10. Cho bảng dữ kiện về một số mục tiêu của các cuộc cách mạng tư sản ở Tây Âu và Bắc Mỹ thời cận đại:

Cách mạng tư sản	Mục tiêu
Anh	Tầng lớp quý tộc mới và tư sản đấu tranh chống chế độ phong kiến lập nhà nước mới, mở đường kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển.
13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ	Nhân dân 13 thuộc địa hướng đến mục tiêu giải phóng dân tộc, lập nên quốc gia mới thống nhất thị trường dân tộc.
Pháp	Nhân dân Pháp mong muốn lật đổ chế độ quân chủ chuyên chế xây dựng nhà nước dân chủ tư sản, phát triển kinh tế tư bản chủ nghĩa.

- a. Ở Anh tầng lớp quý tộc và tư sản đã liên kết đấu tranh chống chế độ phong kiến để xác lập nhà nước do dân bầu ra.
- b. Ở Tây Âu và Bắc Mỹ có mục tiêu đấu tranh chung là lật đổ chế độ quân chủ chuyên chế, gạt bỏ những trở ngại trên con đường xác lập và phát triển của chủ nghĩa tư bản.
- c. Các cuộc cách mạng tư sản ở Tây Âu và Bắc Mỹ đều hướng đến thành lập nhà nước dân chủ tư sản với tầng lớp quý tộc mới và tư sản thay nhau cầm quyền.
- d. Ở Tây Âu và Bắc Mỹ hướng đến mục tiêu đấu tranh để mở rộng sự phát triển kinh tế hàng hóa, cải tiến kỹ thuật.

Câu 11. Cho bảng dữ kiện về một số nhiệm vụ của các cuộc cách mạng tư sản ở Tây Âu và Bắc Mỹ thời cận đại:

Cách mạng tư sản	Nhiệm vụ
Cách mạng tư sản Anh	xóa bỏ tính chuyên chế phong kiến, thống nhất thị trường dân tộc; xác lập nền dân chủ tư sản.

Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ	giành độc lập dân tộc, thống nhất thị trường dân tộc, hình thành quốc gia dân tộc; xác lập nền dân chủ tư sản, đảm bảo các quyền tự do chính trị, tự do kinh doanh và tư hữu tài sản.
Cách mạng tư sản Pháp	hình thành thị trường dân tộc thống nhất; Chống ngoại xâm và nội phản, bảo vệ độc lập dân tộc và chính quyền cách mạng; xác lập nền dân chủ tư sản; xóa bỏ chế độ đẳng cấp, ban hành các quyền tự do, bình đẳng; đảm bảo quyền tư hữu về ruộng đất cho nông dân.

- a. Các cuộc cách mạng tư sản ở Tây Âu và Bắc Mỹ thời cận đại chỉ thực hiện một nhiệm vụ chung là nhiệm vụ dân tộc điển hình.
- b. Giành độc lập dân tộc, xóa bỏ tình trạng phong kiến cát cứ, thống nhất thị trường và hình thành quốc gia dân tộc là nhiệm vụ dân tộc của các cuộc cách mạng tư sản cận đại.
- c. Xóa bỏ tính chất chuyên chế phong kiến, xác lập nền dân chủ tư sản, ban bố các quyền dân chủ tư sản là nhiệm vụ dân chủ chung của cách mạng tư sản ở Tây Âu và Bắc Mỹ.
- d. Các cuộc cách mạng tư sản ở Tây Âu và Bắc Mỹ thời cận đại chỉ thực hiện một nhiệm vụ chung là nhiệm vụ dân chủ điển hình.

Câu 12. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Lãnh đạo các cuộc cách mạng tư sản là lực lượng mới, có tư tưởng dân chủ tiến bộ, là bộ phận có thể lực trong xã hội. Đó là giai cấp tư sản (hoặc quý tộc tư sản hóa) như trong Cách mạng tư sản Anh, Đức, Nhật Bản hoặc là giai cấp tư sản công thương như ở Mỹ, Pháp. Thời kỳ sau, có những cuộc cách mạng mang tính chất tư sản do giai cấp vô sản lãnh đạo (cách mạng ở nước Nga đầu thế kỉ XX). Một số nhà lãnh đạo tiêu biểu của các cuộc cách mạng tư sản như Ô. C rô - oen (Anh), G. Oa – sin – ton (Bắc Mỹ), M. Rô – be – spie (Pháp), ...”.

- a. Cách mạng tư sản Anh diễn ra dưới sự lãnh đạo của liên minh tư sản và quý tộc mới, song vai trò quan trọng lại thuộc về quý tộc mới.
- b. Đoạn tư liệu đề cập các cuộc cách mạng tư sản đều do giai cấp tư sản lãnh đạo, đều có tư tưởng dân chủ tiến bộ, có thể lực trong xã hội.
- c. Ở Nga cách mạng tư sản diễn ra có nét khác biệt về giai cấp lãnh đạo so với các nước Tây Âu và Bắc Mỹ.
- d. Giai cấp lãnh đạo cách mạng tư sản ở Tây Âu và Bắc Mỹ không có sự khác biệt với giai cấp lãnh đạo của cách mạng ở nước Nga.

Câu 13. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Động lực của cách mạng tư sản bao gồm các giai cấp và tầng lớp đối lập với chế độ phong kiến (nông dân, công nhân, bình dân thành thị, tiểu tư sản, ...). Ở Bắc Mỹ còn có cả nô lệ da đen và những người da đỏ. Họ là lực lượng chính tham gia cách mạng tư sản để lật đổ chế độ phong kiến hoặc thực dân, giành những quyền lợi về chính trị, kinh tế, xã hội”.

- a. Các cuộc cách mạng tư sản đều có lực lượng đông đảo mọi thành phần tầng lớp nhân dân tham gia.
- b. Quần chúng nhân dân đóng vai trò quyết định trong quá trình phát triển, là động lực chủ yếu từng bước đưa cách mạng tư sản đạt đến đỉnh cao.
- c. Ở một số nơi như Bắc Mỹ và Anh, tham gia cách mạng tư sản còn có cả nô lệ da đen và những người da đỏ.

d. Ở nhiều cuộc cách mạng tư sản, quần chúng nhân dân còn giữ vai trò là lãnh đạo cách mạng và thực hiện chức năng quản lý xã hội.

Câu 14. Đọc đoạn tư liệu sau:

“Các cuộc cách mạng tư sản đều giành thắng lợi, lật đổ chế độ phong kiến, thực dân và thiết lập chế độ tư bản chủ nghĩa. Do điều kiện lịch sử ở mỗi nước khác nhau nên mức độ thắng lợi của các cuộc cách mạng tư sản cũng khác nhau. Cách mạng tư sản Anh đã lật đổ chế độ quân chủ chuyên chế, thiết lập chế độ quân chủ lập hiến. Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ đã lật đổ sự thống trị của thực dân Anh, giành độc lập dân tộc. Cách mạng tư sản Pháp đã lật đổ chế độ phong kiến, thiết lập chế độ cộng hòa”.

a. Các cuộc cách mạng tư sản đều đã xóa bỏ được tàn dư của chế độ phong kiến, thiết lập nhà nước dân chủ tư sản ở mức độ khác nhau.

b. Các cuộc cách mạng tư sản dù đạt được kết quả thắng lợi ở mức độ khác nhau song đều là những cuộc cách mạng mang tính triệt để ở mỗi nước.

c. Các cuộc cách mạng tư sản thắng lợi đều đã mở đường cho kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển mau chóng ở các nước tiến hành cách mạng.

d. Các cuộc cách mạng tư sản thắng lợi trong đó cuộc chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ được đánh giá là đạt kết quả to lớn nhất.

Câu 15. Cho bảng dữ kiện về ý nghĩa của các cuộc cách mạng tư sản ở Tây Âu và Bắc Mỹ thời cận đại:

Cách mạng tư sản	Ý nghĩa
Cách mạng tư sản Anh	Cách mạng tư sản Anh đặt dấu mốc cho sự xác lập chủ nghĩa tư bản ở Anh, thiết lập chế độ quân chủ lập hiến. Vì vậy, cuộc cách mạng này có ý nghĩa to lớn đối với sự phát triển của xã hội loài người trong buổi đầu chuyển từ chế độ phong kiến sang chế độ tư bản.
Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ	Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ đã giải phóng nhân dân các thuộc địa Anh khỏi ách thực dân, đưa đến sự thành lập nhà nước tư sản đầu tiên ở ngoài châu Âu, thúc đẩy phong trào giải phóng dân tộc ở khu vực Mỹ La – tinh phát triển và có ảnh hưởng tích cực đến phong trào giành độc lập ở nhiều nơi trên thế giới vào cuối thế kỉ XVIII đầu thế kỉ XIX.
Cách mạng tư sản Pháp	Cách mạng tư sản Pháp đã lật đổ và xóa bỏ mọi tàn dư của chế độ phong kiến. Nông dân được giải phóng, vấn đề ruộng đất được giải quyết; những cản trở đối với công thương nghiệp bị xóa bỏ, ...tạo điều kiện cho chủ nghĩa tư bản phát triển. Cách mạng tư sản Pháp đã làm cho chế độ phong kiến bị lung lay trên khắp châu Âu. Cách mạng tư sản Pháp đã mở ra thời đại mới: thời đại thắng lợi và củng cố của chủ nghĩa tư bản ở các nước Âu – Mỹ.

a. Cuộc cách mạng tư sản Anh có ý nghĩa to lớn trong lịch sử thế giới vì đã khiến chế độ phong kiến bị lung lay khắp ở châu Âu.

b. Cuộc cách mạng tư sản Pháp được đánh giá là cuộc cách mạng có ý nghĩa to lớn nhất vì đã lật đổ và xóa bỏ mọi tàn dư của chế độ phong kiến chuyên chế.

- c. Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ thắng lợi đã ảnh hưởng rộng lớn đến phong trào giành độc lập ở Á – Phi – Mỹ La-tinh cuối thế kỉ XVIII đầu thế kỉ XIX.
- d. Các cuộc cách mạng tư sản đều mang một ý nghĩa lớn lao vì đã mở ra một thời kỳ mới: thời kỳ thắng lợi và củng cố của chủ nghĩa tư bản trên phạm vi toàn thế giới.



VUI LÒNG TẢI XUỐNG BẢN WORD ĐỂ SỬ DỤNG ĐẦY ĐỦ NỘI DUNG

ĐÁP ÁN BÀI 1

Câu hỏi	Đáp án a	Đáp án b	Đáp án c	Đáp án d
1	Đ	S	S	Đ
2	Đ	S	Đ	S
3	Đ	Đ	S	S
4	Đ	Đ	S	S
5	Đ	Đ	S	S
6	Đ	S	Đ	S
7	Đ	S	Đ	S
8	Đ	S	Đ	S
9	S	S	Đ	Đ
10	S	Đ	S	Đ
11	S	Đ	Đ	S
12	Đ	S	Đ	S
13	Đ	Đ	S	S
14	Đ	S	Đ	S
15	S	Đ	Đ	S

GV LÀM BÀI 1: THẦY NGUYỄN NGỌC HÙNG

BÀI 2: SỰ XÁC LẬP VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX, các nước tư bản Âu – Mĩ bước sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, gắn liền với việc mở rộng quyền lực và tầm ảnh hưởng thông qua hoạt động xâm lược thuộc địa bằng vũ lực hoặc các phương thức khác”

VUI LÒNG TẢI XUỐNG BẢN WORD ĐỂ SỬ DỤNG ĐẦY ĐỦ NỘI DUNG

(Sách giáo khoa Lịch sử 11, Bộ Cánh diều, tr.14)

- Cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX, các nước tư bản chủ nghĩa chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa.
- Các nước đế quốc xâm lược thuộc địa bằng nhiều phương thức khác nhau.
- Chủ nghĩa đế quốc bước sang giai đoạn độc quyền vào cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX.
- Dùng vũ lực là cách duy nhất để xâm chiếm thuộc địa.

Câu 2: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Bằng tham vọng và sức mạnh quân sự vượt trội, đặc biệt là lực lượng hải quân, đến cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX, thực dân Anh đã lần lượt xâm chiếm nhiều thuộc địa trên thế giới. Bức tranh biếm họa “Người khổng lồ Rốt – đơ” trên một tạp chí ở Anh năm 1892 miêu tả tham vọng của Xe – xin Rốt – đơ – một ông trùm khai thác mỏ và chính trị gia người Anh – về việc xây dựng một tuyến đường sắt và điện báo kết nối các thuộc địa của Anh ở châu Phi”

(Sách giáo khoa Lịch sử 11, Bộ Cánh

diều, tr.15)

- a. Đoạn trích phản ánh quá trình giành giật thuộc địa giữa hai đế quốc Anh và Pháp.
- b. Cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX, Anh là nước có hệ thống thuộc địa rộng lớn nhất thế giới.
- c. Khu vực châu Phi là thuộc địa duy nhất của thực dân Anh.
- d. Bức tranh biếm họa “Người khổng lồ Rốt – đơ” thể hiện tinh thần đấu tranh của nhân dân châu Phi.

Câu 3: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Một bộ phận rất nhỏ, thậm chí chỉ là 1% dân số nhưng lại chiếm giữ phần lớn của cải, tư liệu sản xuất, kiểm soát tới $\frac{3}{4}$ nguồn tài chính, tri thức và các phương tiện thông tin đại chúng chủ yếu và do đó chi phối toàn bộ xã hội. Đây là nguyên nhân sâu xa dẫn đến phong trào “99 chống lại 1” diễn ra ở Mỹ đầu năm 2011 và nhanh chóng lan rộng ở nhiều nước tư bản”

(Sách giáo khoa Lịch sử 11, Bộ Chân trời sáng tạo,

tr.18)

- a. Đoạn trích phản ánh một trong những thách thức mà nước Mỹ hiện nay phải đối mặt.
- b. Đoạn trích cho thấy tình trạng phân hóa giàu nghèo ở nước Mỹ diễn ra sâu sắc.
- c. Đoạn trích phản ánh các mặt tích cực và hạn chế của nước Mỹ nói riêng và chủ nghĩa tư bản hiện đại nói chung
- d. Đoạn trích thể hiện toàn bộ mâu thuẫn xã hội sâu sắc ở Mỹ hiện nay.

Câu 4: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Đến cuối thế kỉ XIX, các nước phương Tây đã cơ bản hoàn thành việc xâm lược và đặt ách thống trị của mình ở châu Á (trừ Nhật Bản và Xiêm). Ấn Độ bị thực dân Anh xâm lược, trở thành nước thuộc địa. Trung Quốc bị các nước đế quốc xâm lược, xâu xé, trở thành nước nửa thuộc địa nửa phong kiến. Ở khu vực Đông Nam Á, phần lớn các nước đều trở thành thuộc địa của thực dân phương Tây”

(Sách giáo khoa Lịch sử 11, Bộ Cánh diều, tr.14)

- a. Đến cuối thế kỉ XVIII, hầu hết các nước châu Á đã trở thành thuộc địa của thực dân phương Tây.
- b. Xiêm là quốc gia duy nhất ở khu vực Đông Nam Á giữ được độc lập tương đối.
- c. Ấn Độ trở thành “miếng bánh béo bở” bị các nước đế quốc xâu xé.
- d. Cuối thế kỉ XIX, Trung Quốc đã trở thành nước thuộc địa nửa phong kiến.

Câu 5: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Đầu thế kỉ XX, các tổ chức độc quyền ở Pháp, Mỹ, Anh chỉ chiếm khoảng 1% tổng số xí nghiệp toàn thế giới nhưng lại chiếm hơn $\frac{3}{4}$ tổng số máy hơi nước và động cơ điện, số lượng công nhân; tổng số sản phẩm làm ra chiếm gần một nửa so với toàn thế giới”

(Sách giáo khoa Lịch sử 11, Bộ Kết nối tri thức với cuộc sống,

tr.16)

- a. Các tổ chức độc quyền chỉ được hình thành ở Mỹ.
- b. Các tổ chức độc quyền đã chi phối sự phát triển của toàn bộ nền kinh tế thế giới.
- c. Các tổ chức độc quyền ở Pháp, Mỹ, Anh chiếm tỉ lệ gần như tuyệt đối số sản phẩm làm ra trên toàn thế giới.
- d. Chủ nghĩa tư bản chuyển từ tự do cạnh tranh sang độc quyền gắn liền với sự ra đời và phát triển của các tổ chức độc quyền.

ĐÁP ÁN BÀI 2

Câu hỏi	Đáp án a	Đáp án b	Đáp án c	Đáp án d
Câu 1	Đ	Đ	S	S
Câu 2	S	Đ	S	S
Câu 3	Đ	Đ	S	S
Câu 4	S	Đ	S	Đ
Câu 5	S	S	S	Đ

GV LÀM BÀI 2:

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Bằng tham vọng và sức mạnh quân sự vượt trội, đặc biệt là lực lượng hải quân, đến cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX, thực dân Anh đã lần lượt xâm chiếm nhiều thuộc địa trên thế giới. Bức tranh biếm họa “Người khổng lồ Rốt - đơ” trên một tạp chí ở Anh năm 1892 miêu tả tham vọng của Xe-xin Rốt - đơ – một ông trùm khai thác mỏ và chính trị gia người Anh - về việc xây dựng một tuyến đường sắt và điện báo kết nối các thuộc địa của Anh ở châu Phi”

(Sách giáo khoa Lịch sử 11, Bộ Cánh diều, tr.15)

- a. Đoạn tư liệu trên phản ánh quá trình giành giật thuộc địa giữa hai đế quốc Anh và Pháp.
- b. Cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX, Anh là nước có hệ thống thuộc địa rộng lớn nhất thế giới.
- c. Khu vực châu Phi là thuộc địa duy nhất của thực dân Anh.
- d. Bức tranh biếm họa “Người khổng lồ Rốt-đơ” phản ánh quá trình đầu hàng của các nước châu Phi trước sự xâm lược của thực dân Anh.

Câu 2: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Một bộ phận rất nhỏ, thậm chí chỉ là 1% dân số nhưng lại chiếm giữ phần lớn của cải, tư liệu sản xuất, kiểm soát tới $\frac{3}{4}$ nguồn tài chính, tri thức và các phương tiện thông tin đại chúng chủ yếu và do đó chi phối toàn bộ xã hội. Đây là nguyên nhân sâu xa dẫn đến phong trào “99 chống lại 1” diễn ra ở Mỹ đầu năm 2011 và nhanh chóng lan rộng ở nhiều nước tư bản”

(Sách giáo khoa Lịch sử 11, Bộ Chân trời sáng tạo, tr.18)

- a. Đoạn trích phản ánh một trong những thách thức mà nước Mỹ hiện nay phải đối mặt.
- b. Đoạn trích cho thấy tình trạng phân hóa giàu nghèo ở nước Mỹ diễn ra sâu sắc.
- c. Đoạn trích phản ánh các mặt tích cực và hạn chế của nước Mỹ nói riêng và chủ nghĩa tư bản hiện đại nói chung.
- d. Con số 99 trong cụm từ: *phong trào “99 chống lại 1”* chỉ cuộc đấu tranh của 99 dân nghèo Mỹ diễn ra vào năm 2011.

Câu 3: Cho bảng dữ kiện sau về diện tích, dân số các nước đế quốc và thuộc địa năm 1914.

Đối tượng Đế quốc	Chính quốc		Thuộc địa		Tổng cộng	
	Diện tích (triệu km ²)	Dân số (triệu người)	Diện tích (triệu km ²)	Dân số (triệu người)	Diện tích (triệu km ²)	Dân số (triệu người)
Anh	0,3	46,5	33,5	393,5	33,8	440,0
Nga	5,4	136,2	17,4	33,2	22,8	169,4

Pháp	0,5	39,6	10,6	55,5	11,1	95,1
Đức	0,5	64,9	2,9	12,3	3,4	77,2

(Sách giáo khoa Lịch sử 11, Bộ Cánh diều, tr.15)

- Trong số các nước được thống kê, Nga là nước có diện tích thuộc địa đứng thứ hai.
- Pháp có diện tích thuộc địa gấp hơn 5 lần của Đức.
- Anh là nước có hệ thống thuộc địa rộng lớn nhất thế giới.
- Diện tích thuộc địa của Anh nhiều hơn cả diện tích thuộc địa của Nga, Pháp, Đức cộng lại.

Câu 4: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX, các nước tư bản Âu -Mĩ bước sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, gắn liền với việc mở rộng quyền lực và tầm ảnh hưởng thông qua hoạt động xâm lược thuộc địa bằng vũ lực hoặc các phương thức khác”

(Sách giáo khoa Lịch sử 11, Bộ Cánh diều, tr.14)

- Cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX, các nước tư bản chủ nghĩa chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa.
- Các nước đế quốc xâm lược thuộc địa bằng nhiều phương thức khác nhau.
- Chủ nghĩa đế quốc ra đời gắn liền với chính sách mở rộng và duy trì quyền kiểm soát hoặc ảnh hưởng đối với các quốc gia hay dân tộc yếu hơn ở châu Âu và châu Mĩ.
- Sử dụng sức mạnh quân sự là phương thức xâm lược thuộc địa chủ yếu của các nước tư bản châu Âu.

Câu 5: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Đầu thế kỉ XX, các tổ chức độc quyền ở Pháp, Mĩ, Anh chỉ chiếm khoảng 1% tổng số xí nghiệp toàn thế giới nhưng lại chiếm hơn $\frac{3}{4}$ tổng số máy hơi nước và động cơ điện, số lượng công nhân; tổng số sản phẩm làm ra chiếm gần một nửa so với toàn thế giới”

(Sách giáo khoa Lịch sử 11, Bộ Kết nối tri thức với cuộc sống, tr.16)

- Các tổ chức độc quyền chỉ được hình thành ở các nước Anh, Pháp, Mĩ.
- Đoạn trích là một minh chứng cho thấy các tổ chức độc quyền đã chi phối sự phát triển của toàn bộ nền kinh tế thế giới.
- Các tổ chức độc quyền ở Pháp, Mĩ, Anh chiếm tỉ lệ gần như tuyệt đối số sản phẩm làm ra trên toàn thế giới.
- Chủ nghĩa tư bản chuyển từ tự do cạnh tranh sang độc quyền gắn liền với sự ra đời và phát triển của các tổ chức độc quyền.

Câu 6: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Đến cuối thế kỉ XIX, các nước phương Tây đã cơ bản hoàn thành việc xâm lược và đặt ách thống trị của mình ở châu Á (trừ Nhật Bản và Xiêm). Ấn Độ bị thực dân Anh xâm lược, trở thành nước thuộc địa. Trung Quốc bị các nước đế quốc xâm lược, xâu xé, trở thành nước nửa thuộc địa nửa phong kiến. Ở khu vực Đông Nam Á, phần lớn các nước đều trở thành thuộc địa của thực dân phương Tây”

(Sách giáo khoa Lịch sử 11, Bộ Cánh diều, tr.14)

- Đến cuối thế kỉ XVIII, hầu hết các nước châu Á đã trở thành thuộc địa của thực dân phương Tây.
- Xiêm là quốc gia duy nhất ở khu vực Đông Nam Á giữ được độc lập trước sự xâm lược của thực dân phương Tây.
- Ấn Độ trở thành thuộc địa của nhiều nước đế quốc.

d. Cuối thế kỉ XIX, Trung Quốc từ một quốc gia phong kiến độc lập đã trở thành nước thuộc địa nửa phong kiến.

Câu 7. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Trong những năm gần đây, trừ Trung Quốc ra thì tất cả những nơi còn trống chỗ trên Trái Đất đều bị các cường quốc ở châu Âu và Bắc Mỹ chiếm cả,... Vì phải hoạt động gấp: nước nào chưa có phần thì có thể chẳng bao giờ có được nữa và có thể không được tham dự vào cuộc bóc lột thế giới theo một quy mô khổng lồ, cuộc bóc lột này sẽ là một trong những sự việc căn bản của thế kỉ sắp đến - thế kỉ XX. Chính vì thế cho nên toàn thể châu Âu và châu Mỹ mới đây đều điên cuồng đi bành trướng thuộc địa và thực hành “chủ nghĩa đế quốc”. Chủ nghĩa này là đặc điểm nổi bật nhất của thời kì cuối thế kỉ XIX”.

(Trích SBT lịch sử 11- Cánh diều)

a. Đoạn tư liệu đề cập đến hoạt động đẩy mạnh xâm lược thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX.

b. Các nước đế quốc đẩy mạnh xâm lược thuộc địa vì thuộc địa là thị trường đầu tư và tiêu thụ hàng hoá, đem lại nguồn lợi nhuận khổng lồ.

c. Sự hình thành những liên minh độc quyền quốc tế của bọn tư bản chia nhau thế giới.

d. Việc các cường quốc tư bản chủ nghĩa lớn nhất đã chia xong đất đai trên thế giới.

Câu 8. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Thời kì xác lập chủ nghĩa tư bản là thời kì tự do cạnh tranh của chủ nghĩa tư bản. Chủ nghĩa đế quốc được hình thành trong những năm cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX. Trong khoảng ba thập kỉ cuối thế kỉ XIX việc sử dụng những nguồn năng lượng mới và sự tiến bộ về khoa học - kĩ thuật đã thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa. Cùng với sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế, quá trình cạnh tranh gay gắt, làm cho những xí nghiệp vừa và nhỏ bị phá sản, dẫn đến sự tập trung tư bản và sản xuất, hình thành nên các tổ chức độc quyền”.

(Sách Bài tập- Kết nối tri thức)

a. Sự phát triển của tổ chức độc quyền đã tạo ra cơ sở của bước chuyển của chủ nghĩa tư bản từ tự do cạnh tranh sang độc quyền.

b. Chủ nghĩa đế quốc được hình thành trong những năm cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX

c. Trong những năm cuối thế kỉ XIX- đầu thế kỉ XX, quá trình xâm lược thuộc địa của các nước đế quốc đã hình thành các công ty độc quyền

d. Trong những năm cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, sự phát triển nhanh chóng của chủ nghĩa tư bản kéo theo nhu cầu ngày càng cao về hàng hoá xa xỉ

Câu 9. Đọc đoạn tư liệu sau đây: “Chủ nghĩa tư bản là một hệ thống kinh tế dựa trên quyền sở hữu tư nhân đối với tư liệu sản xuất và hoạt động sản xuất vì lợi nhuận. Các đặc điểm đặc trưng của chủ nghĩa tư bản bao gồm: tài sản tư nhân, tích lũy tư bản, lao động tiền lương, trao đổi tự nguyện, một hệ thống giá cả và thị trường cạnh tranh. Trong nền kinh tế thị trường tư bản, việc điều hành và đầu tư được quyết định bởi chủ sở hữu tài sản”.

(Theo wikipedia)

a. Đoạn tư liệu trên đã khái quát những đặc trưng cơ bản nhất của Chủ nghĩa tư bản.

b. Trong xã hội tư bản chủ nghĩa, nền kinh tế được điều hành bởi một tổ chức, nhằm phát huy quyền dân chủ của người dân, đặt quyền lợi chung của nhân dân lên trên.

c. Hệ thống kinh tế của Chủ nghĩa tư bản được quyết định và điều hành chủ yếu bởi các cá nhân nắm giữ tài sản và tư liệu sản xuất.

d. Quan hệ sản xuất cơ bản trong xã hội tư bản là quan hệ giữa chủ tư bản (người nắm giữ tài sản, tư liệu sản xuất) với người làm thuê.

Câu 10. Quan sát hình ảnh **sau** và đưa ra nhận xét:



(Sgk Lịch sử 11 – Bộ Cánh diều)

- a. Bức tranh trên phản ánh sự phát triển và lộng hành của các tổ chức độc quyền ở Mỹ
- b. Là bức tranh nghệ thuật nổi tiếng tái hiện lại cuộc sống của người dân châu Âu thời **trung** đại dưới sự thống trị của chế độ phong kiến).
- c. Bức tranh phản ánh tình cảnh người dân và thực tế xã hội Mỹ trong thời kì chủ nghĩa tư bản chuyển từ tự do cạnh tranh sang độc quyền.
- d. Một bức tranh cảnh báo an toàn cho người dân của một vườn quốc gia bảo vệ động vật hoang dã ở Mỹ.

Câu 11. Đọc đoạn tư liệu sau đây: "Việc tìm thấy những mỏ vàng, mỏ bạc ở châu Mỹ, việc biến người dân bản xứ thành nô lệ, việc chôn vùi họ vào các hầm mỏ hoặc tuyệt diệt họ đi, những buổi đầu của cuộc chinh phục và cướp bóc ở **Đông Ấn**, việc biến châu Phi thành một vùng đất cấm thương mại dành riêng cho việc săn bắt người da đen, đây là những biện pháp tích lũy nguyên thủy có tính chất báo hiệu bình minh của thời đại **tư bản chủ nghĩa**"

(*Chủ nghĩa trọng thương – Karl Marx – Winkipedia*)

- a. Việc cướp bóc thuộc địa và săn bắt buôn bán nô lệ da đen là nền tảng tài chính duy nhất để hình thành nên Chủ nghĩa tư bản.
- b. Việc hợp tác khai thác chia sẻ lợi ích từ tài nguyên khoáng sản giữa người châu Mỹ với người ở các châu lục khác đã xuất hiện những mâu thuẫn. Từ đó nảy sinh các cuộc chiến tranh và cướp bóc nô lệ.
- c. Một trong những đặc trưng cơ bản của Chủ nghĩa tư bản **là** xâm chiếm thuộc địa và buôn bán nô lệ.
- d. Châu Mỹ, Ấn Độ và châu Phi là những đối tượng chủ yếu trong hành trình bành trướng xâm lược và cướp bóc của Chủ nghĩa tư bản.

Câu 12. Quan sát bảng số liệu về sự thay đổi của các chỉ số kinh tế từ 1929 đến 1932 ở các nước tư bản: Hoa Kỳ, Anh, Pháp, Đức.

	Hoa Kỳ	Anh	Pháp	Đức
Sản xuất công nghiệp	-46%	-23%	-24%	-41%
Giá sỉ	-32%	-33%	-34%	-29%
Ngoại thương	-70%	-60%	-54%	-61%
Thất nghiệp	+ 607%	+ 129%	+ 214%	+ 232%

(Jerome Blum, Rondo Cameron, Thomas G. Barnes, *The European world: a history* (2nd ed 1970) 885 pp, Wikipedia)

- Với sự ra đời của máy móc thay thế sức lao động của con người, từ 1929- 1933, tình trạng thất nghiệp của các nước tư bản tăng nhanh.
- Từ 1929 - 1933, nền kinh tế của các nước tư bản, trong đó điển hình là Mỹ, Anh, Pháp, Đức lâm vào khủng hoảng trầm trọng.
- Đức là quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề nhất từ khủng hoảng kinh tế 1929 - 1933.
- Thời điểm đó, Mỹ là nước có nền kinh tế lớn nhất thế giới, và cũng là quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của cuộc đại khủng hoảng.

Câu 13. Khi phân tích về chủ nghĩa tư bản, C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n khẳng định: “Chủ nghĩa tư bản, với tư cách là phương thức sản xuất được hình thành và thay thế phương thức sản xuất phong kiến trong lịch sử, là chế độ kinh tế - xã hội tiến bộ hơn nhiều so với các chế độ kinh tế - xã hội trước đó. Đặc biệt, nhờ vận dụng hiệu quả quy luật của kinh tế thị trường, giai cấp tư sản trong quá trình thống trị chưa đầy một thế kỷ “đã tạo ra những lực lượng sản xuất nhiều hơn và đồ sộ hơn lực lượng sản xuất của tất cả các thế hệ trước kia gộp lại”

(<https://www.tapchicongsan.org.vn/media-story>)

- Chủ nghĩa tư bản là phương thức sản xuất tiên bộ, đã đem lại lực lượng sản xuất to lớn chưa từng có trong lịch sử.
- Chủ nghĩa tư bản là phương thức sản xuất kế tiếp, thay thế cho xã hội nguyên thủy.
- Một trong những kinh nghiệm, bài học thành công của Chủ nghĩa tư bản là vận dụng hiệu quả quy luật của kinh tế thị trường.
- Trong xã hội Chủ nghĩa tư bản, không có giai cấp thống trị, mọi hoạt động kinh tế, sản xuất và hưởng thụ đều mang tính công bằng, dân chủ.

Câu 14. Đọc đoạn tư liệu sau đây: “Chủ nghĩa đế quốc là chủ nghĩa tư bản độc quyền; Chủ nghĩa đế quốc là chủ nghĩa tư bản ăn bám; Chủ nghĩa đế quốc là chủ nghĩa tư bản thối nát; Chủ nghĩa đế quốc là chủ nghĩa tư bản “giấy chết”, là giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản. Chủ nghĩa đế quốc là đêm trước, phòng chờ của cuộc cách mạng xã hội của giai cấp vô sản. Điều này đã được xác nhận từ năm 1917, trên quy mô toàn thế giới”.

(*Chủ nghĩa đế quốc là giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản – Lênin*)

- Chủ nghĩa tư bản phát triển đến giai đoạn cao (độc quyền) đã bộc lộ đầy đủ những bản chất của nó: ăn bám, bóc lột, thối nát.

- b. Chủ nghĩa tư bản chắc chắn sẽ sụp đổ, “giấy chết” hoàn toàn. Sẽ không còn một nước nào lựa chọn và đi theo chủ nghĩa tư bản.
- c. Từ năm 1917, các cuộc cách mạng của giai cấp vô sản sẽ diễn ra, và Chủ nghĩa tư bản ở một số nước sẽ chỉ là “đêm trước” của cuộc cách mạng xã hội.
- d. “giấy chết” ở đây là sự giãy chết về mặt hình thái kinh tế xã hội, tức là Chủ nghĩa tư bản đang bước vào thời kỳ tự phủ định mình, nó sẽ tạo ra những tiền đề khách quan cho sự ra đời một hình thái kinh tế xã hội mới.

Câu 15. Đọc đoạn tư liệu sau đây: “Chủ nghĩa tư bản hiện đại là chủ nghĩa tư bản văn minh, đề cao tính nhân văn, là chủ nghĩa tư bản có ý thức (khác hẳn với CNTB tự do cạnh tranh); trong đó, ngoài mục tiêu tìm kiếm lợi nhuận, còn có cơ chế để giải quyết hài hòa lợi ích của các bên có liên quan như nhà nước, nhà tư bản, người lao động, xã hội”

(Wikipedia - <https://kmacle.duytan.edu.vn/Home/ArticleDetail/vn/101/924/quan-niem-ve-chu-nghia-tu-ban-hien-dai>)

- a. Chủ nghĩa tư bản hiện đại mang bản chất khác hẳn với Chủ nghĩa tư bản thời kì tự do cạnh tranh.
- b. Chủ nghĩa tư bản không hướng tới việc tìm kiếm lợi nhuận cá nhân của nhà tư bản, mà nó hướng tới những yếu tố nhân văn, đặt quyền lợi người lao động lên trên hết.
- c. Chủ nghĩa tư bản hiện đại vẫn chú trọng việc tìm kiếm lợi nhuận cho các nhà tư bản. Bên cạnh đó nó còn giải quyết hài hòa lợi ích cho người lao động và xã hội.
- d. Chủ nghĩa tư bản có nhiều tiềm năng, ngày càng tự điều chỉnh để thích nghi theo hướng tích cực, văn minh.

Đáp án bài 2:

Câu hỏi	Nhận định a	Nhận định b	Nhận định c	Nhận định d
Câu 1	S	Đ	S	S
Câu 2	Đ	Đ	S	S
Câu 3	Đ	S	Đ	Đ
Câu 4	Đ	Đ	S	Đ
Câu 5	S	Đ	S	Đ
Câu 6	Đ	Đ	S	S
Câu 7	Đ	Đ	S	Đ
Câu 8	Đ	Đ	S	S
Câu 9	Đ	S	Đ	Đ
Câu 10	Đ	S	Đ	S
Câu 11	S	S	Đ	Đ
Câu 12	S	Đ	S	Đ
Câu 13	Đ	S	Đ	S

GV LÀM BÀI 2: VŨ THỊ YẾN

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Ngày 1-5-1931, toà nhà Em-pai-ơ Xơ-tây được khai trương tại đại lộ số 5, thành phố Niu Y-oóc (Mỹ), trên nền cũ vốn là bất động sản của tầng lớp quý tộc địa phương. Với chiều cao 381 mét, toà nhà này là biểu tượng cho sự phồn vinh của Niu Y-oóc cũng như sự phát triển của nền

kinh tế tư bản chủ nghĩa. Tuy vậy, hàng thập kỉ sau đó, nhiều khu vực trong toà nhà vẫn để trống, không có khách thuê, do hậu quả của cuộc Đại suy thoái 1929 – 1933 – cuộc khủng hoảng kinh tế trầm trọng nhất trong lịch sử chủ nghĩa tư bản.

- Toà nhà Em-pai-ơ Xơ-tây, thuộc thành phố Niu Y-oóc (Mỹ) là bất động sản của tầng lớp quý tộc địa phương.
- Toà nhà Em-pai-ơ Xơ-tây là biểu tượng cho sự ổn định và hòa bình của Niu Y-oóc
- Do hậu quả của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929 – 1933), nở ra đầu tiên ở Mỹ, tòa nhà vẫn để trống hàng thập kỉ sau đó.
- Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929 – 1933) là sự kiện đánh dấu sự xác lập và phát triển của chủ nghĩa tư bản.

a. Đ b. S c. Đ d. S

Câu 2: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Trong giai đoạn 1861 – 1865, ở Mỹ diễn ra cuộc nội chiến giữa Liên bang miền Bắc và Liên minh miền Nam. Chiến thắng của Liên bang miền Bắc đã tăng cường vai trò của chính phủ liên bang, đồng thời đặt dấu chấm hết cho chế độ nô lệ ở Mỹ. Khoảng 4 triệu nô lệ được giải phóng. Con đường phát triển tư bản chủ nghĩa ở Mỹ trở nên mở rộng.

- Giai đoạn 1861 – 1865, ở Mỹ diễn ra cuộc nội chiến giữa Liên bang miền Bắc và Liên minh miền Nam.
- Liên minh miền Nam giành chiến thắng trong cuộc nội chiến (1861 – 1865).
- Cuộc nội chiến (1861 – 1865), chế độ nô lệ ở Mỹ bị xóa bỏ.
- Chiến thắng của Liên bang miền Bắc, có hàng triệu nô lệ ở Mỹ không được giải phóng.

a. Đ b. S c. Đ d. S

Câu 3: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Đến cuối thế kỉ XIX, các nước phương Tây đã cơ bản hoàn thành việc xâm lược và đặt ách thống trị của mình ở châu Á (trừ Nhật Bản và Xiêm). Ấn Độ bị thực dân Anh xâm lược, trở thành nước thuộc địa. Trung Quốc bị các nước đế quốc xâm lược, xâu xé, trở thành nước nửa thuộc địa nửa phong kiến. Ở khu vực Đông Nam Á, phần lớn các nước đều trở thành thuộc địa của thực dân phương Tây.

- Thực dân Anh xâm lược Ấn Độ và Ấn Độ trở thành nước thuộc địa của thực dân Anh.
- Cuối thế kỉ XIX, các nước phương Tây đã cơ bản hoàn thành việc xâm lược và đặt ách thống trị của mình ở Nhật Bản và Xiêm.
- Trung Quốc bị nhiều nước đế quốc xâm lược, xâu xé, trở thành nước nửa thuộc địa nửa phong kiến.
- Ở khu vực Đông Nam Á, phần lớn các nước đều giữ được nền độc lập tương đối.

a. Đ b. S c. Đ d. S

Câu 4: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Bằng tham vọng và sức mạnh quân sự vượt trội, đặc biệt là lực lượng hải quân, đến cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX, thực dân Anh đã lần lượt xâm chiếm nhiều thuộc địa trên thế giới. Bức tranh biếm họa “Người khổng lồ Rốt-đơ” trên một tạp chí ở Anh năm 1892 miêu tả tham vọng của Xe-xin Rốt-đơ – một ông trùm khai thác mỏ và chính trị gia người Anh – về việc xây dựng một tuyến đường sắt và điện báo kết nối các thuộc địa của Anh ở Châu Phi.

- Cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX, thực dân Anh có hệ thống thuộc địa lớn nhất trên thế giới.
- Bức tranh biếm họa “Người khổng lồ Rốt-đơ” xuất bản trong tạp chí Mỹ (1892).

- c. Xe-xin Rốt-đơ là một ông trùm khai thác mỏ và chính trị gia người Anh trong giai đoạn cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX
- d. Tham vọng của Xe-xin Rốt-đơ là xây dựng một tuyến đường sắt và đường thủy kết nối các thuộc địa của Anh ở Châu Phi.

a. Đ b. S c. Đ d. S

Câu 5: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Việc sử dụng lò Bét-xơ-me và lò Mác-tanh đánh dấu một bước cách mạng trong ngành luyện kim, đưa sản lượng thép tăng từ 250 nghìn tấn năm 1870 lên 28,3 triệu tấn năm 1900. Nhờ đó, thép được sử dụng rộng rãi trong sản xuất như chế tạo máy, đường ray, tàu biển, các công trình xây dựng....”.

(Vũ Dương Ninh, Nguyễn Văn Hồng, Đại cương Lịch sử thế giới cận đại, Tập 1, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1997, tr.266)

- a. Việc sử dụng lò Bét-xơ-me và lò Mác-tanh đã đưa sản lượng thép tăng nhanh ở Châu Âu.
- b. việc chế tạo máy, đường ray là mốc đánh dấu một bước cách mạng trong ngành luyện kim.
- c. Mốc đánh dấu một bước cách mạng trong ngành luyện kim là sử dụng lò Bét-xơ-me và lò Mác-tanh.
- d. Thép được không được sử dụng rộng rãi trong hầu hết các ngành sản xuất đương thời.

a. Đ b. S c. Đ d. S

Câu 6: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

- “- Sự tập trung sản xuất và tư bản đạt tới một mức độ phát triển cao khiến nó tạo ra những tổ chức độc quyền có một vai trò quyết định trong sinh hoạt kinh tế.
- Sự hợp nhất tư bản ngân hàng với tư bản công nghiệp và trên cơ sở “tư bản tài chính” đó, xuất hiện một bọn đầu sỏ tài chính.
- Việc xuất khẩu tư bản, khác với việc xuất khẩu hàng hoá, đã có một ý nghĩa quan trọng đặc biệt.
- Sự hình thành những liên minh độc quyền quốc tế của bọn tư bản chia nhau thế giới.
- Việc các cường quốc tư bản chủ nghĩa lớn nhất đã chia nhau xong đất đai trên thế giới”.

(Lê-nin, Toàn tập, Tập 27, NXB Sự thật, Hà Nội, 1961, tr.402)

- a. Một trong những đặc điểm của chủ nghĩa tư bản độc quyền là xuất hiện các tổ chức độc quyền.
- b. tổ chức độc quyền là sự liên minh giữa các giai cấp tư sản và chủ nô để thu lợi nhuận cao.
- c. Sự hợp nhất tư bản ngân hàng với tư bản công nghiệp tạo nên “tư bản tài chính”
- d. Các cường quốc tư bản chủ nghĩa bắt đầu xâm lược, phân chia thuộc địa trên thế giới.

a. Đ b. S c. Đ d. S

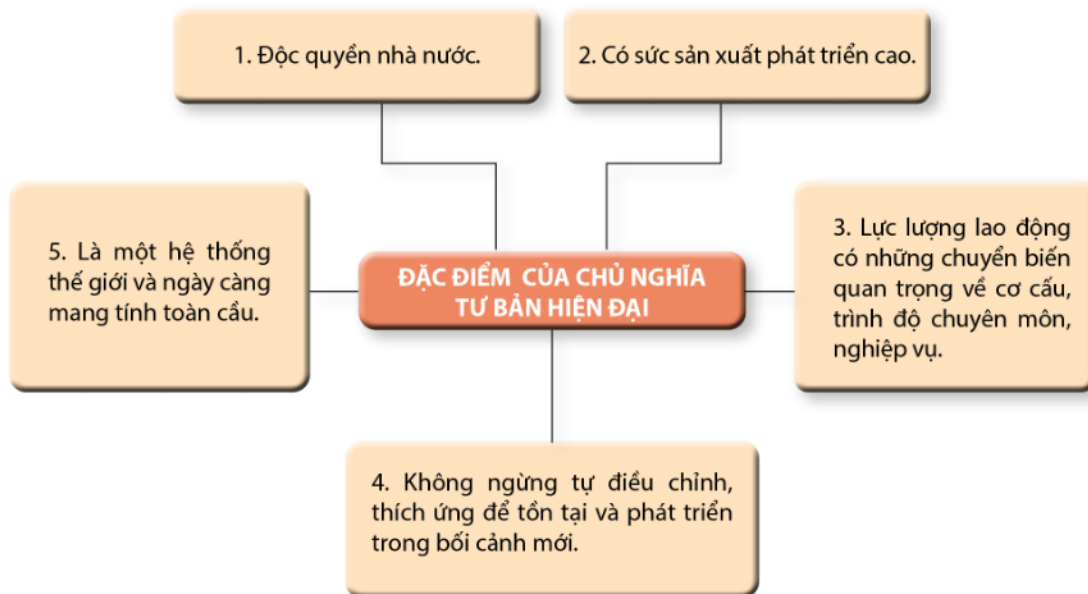
Câu 7: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Bức tranh biếm họa “Quyền lực của các tổ chức độc quyền ở Mỹ” nói về một con mãng xà khổng lồ, trên mình có từ monopoly (độc quyền), có đuôi rất dài quấn chặt vào Nhà Trắng (nơi ở và làm việc của tổng thống Mỹ – đại diện cho quyền lực của nhà nước tư bản Mỹ), đang há to miệng đe dọa nuốt chửng người dân. Bức tranh thể hiện quyền lực của các tổ chức độc quyền Mỹ câu kết chặt chẽ và chi phối nhà nước tư sản.

- a. Hình ảnh con mãng xà khổng lồ là biểu tượng quyền lực của các tổ chức độc quyền Mỹ.
- b. Nữ thần Tự do đại diện người dân, tinh thần Mỹ nắm quyền lực tòa nhà quốc hội Mỹ.
- c. Các tổ chức độc quyền Mỹ câu kết chặt chẽ và chi phối nhà nước tư sản.
- d. Tổ chức độc quyền không thể chi phối đến nhà nước và nhân dân Mỹ.

a. Đ b. S c. Đ d. S

Câu 8: Quan sát sơ đồ sau đây:



H đồ đặc điểm của chủ nghĩa tư bản hiện đại

- a. Chủ nghĩa tư bản hiện đại là chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước, thể hiện sự kết hợp giữa tiềm lực kinh tế của các tổ chức độc quyền tư nhân với sức mạnh chính trị của nhà nước tư sản.
- b. “Chủ nghĩa tư bản hiện đại” là thuật ngữ để chỉ giai đoạn đầu của chủ nghĩa tư bản độc quyền.
- c. Chủ nghĩa tư bản hiện đại có sức sản xuất phát triển cao trên cơ sở những thành tựu của cách mạng khoa học – công nghệ hiện đại.
- d. Sau chiến tranh thế giới thứ nhất, chủ nghĩa tư bản chuyển sang thời kì mới gọi là chủ nghĩa tư bản hiện đại.

a. Đ b. S c. Đ d. S

Câu 9: Quan sát sơ đồ sau đây:

VUI LÒNG TẢI XUỐNG BẢN WORD ĐỂ SỬ DỤNG ĐẦY ĐỦ NỘI DUNG



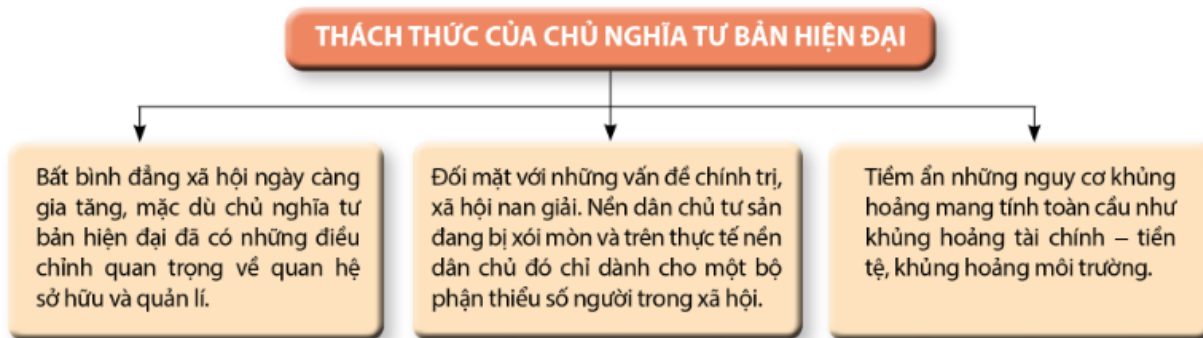
Sơ đồ tiềm năng của chủ nghĩa tư bản hiện đại

- a. Chủ nghĩa tư bản hiện đại có ưu thế trong việc sử dụng những thành tựu của cách mạng khoa học – công nghệ hiện đại.

- b. Chủ nghĩa tư bản hiện đại không có bề dày kinh nghiệm và phương pháp quản lí kinh tế.
- c. Chủ nghĩa tư bản hiện đại có khả năng tự điều chỉnh để tồn tại và phát triển.
- d. Trong tương lai, các nước tư bản phát triển trở thành trung tâm kinh tế, tài chính thế giới.

a. Đ b. S c. Đ d. S

Câu 10: Quan sát sơ đồ sau đây:



Sơ đồ thách thức của chủ nghĩa tư bản hiện đại

- a. Thách thức của chủ nghĩa tư bản hiện đại là sự gia tăng bất bình đẳng ngày càng cao.
- b. Cuộc khủng hoảng năng lượng gây nhiều tác động tích cực đến các nước tư bản .
- c. Chủ nghĩa tư bản luôn phải đối mặt với những cuộc khủng hoảng mang tính toàn cầu.
- d. chủ nghĩa tư bản hiện đại đã đoạn tuyệt với chế độ áp bức, bóc lột và bất công.

a. Đ b. S c. Đ d. S

GV LÀM BÀI 2: NGUYỄN HƯƠNG

BÀI 3: SỰ HÌNH THÀNH LIÊN BANG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA XÔ VIẾT

Phần II: câu trắc nghiệm đúng sai

Học sinh đọc tư liệu giới thiệu, chọn đáp án đúng hoặc sai vào trước mỗi phương án a,b,c,d.

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Tháng 2-1917 (theo lịch Nga), Đảng Bôn-sê-vích đã lãnh đạo nhân dân làm cách mạng lật đổ chế độ Nga Hoàng, bầu ra các Xô viết – chính quyền của công nhân, nông dân và binh lính. Giai cấp tư sản cũng thành lập Chính phủ lâm thời. Nước Nga xuất hiện cục diện hai chính quyền đại diện cho lợi ích các giai cấp khác nhau, vấn đề hòa bình và ruộng đất vẫn chưa được giải quyết”.

(Trích sgk lịch sử 11 Cánh Diều, trang 20)

- a.Cách mạng tháng Hai đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Bôn-sê-vích.
- b.Chính phủ lâm thời tư sản là chính quyền duy nhất ra đời sau cách mạng tháng Hai.
- c. Sau cách mạng tháng Hai, chế độ Nga Hoàng đã bị sụp đổ.
- d.Vấn đề hòa bình và ruộng đất chưa được giải quyết là nguyên nhân đưa tới cách mạng tháng Mười.

a.Đ b.S c.Đ d.S

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Tháng 10-1917 (theo lịch Nga), Lê-nin và Đảng Bôn-sê-vích đã lãnh đạo các Xô viết làm cách mạng tháng Mười. Ngay trong đêm cách mạng thành công (25-10), Đại hội Xô viết toàn Nga lần thứ II họp, tuyên bố xóa bỏ bộ máy của Chính phủ lâm thời và thành lập chính phủ Xô viết, do Lê-

nin đứng đầu. Tiếp đó, ngày 26-10, Đại hội Xô viết toàn Nga đã thông qua “sắc lệnh hòa bình” và “sắc lệnh ruộng đất” do Lê-nin soạn thảo”.

(Trích sgk lịch sử 11 Cánh Diều, trang 21)

- a. Cách mạng tháng Mười là cuộc cách mạng nối tiếp sau cách mạng tháng Hai ở Nga.
- b. Đại hội Xô viết toàn Nga lần thứ II họp sau khi cách mạng thắng lợi 1 ngày.
- c. Lê-nin là người đứng đầu chính phủ Xô Viết mới được thành lập.
- d. Đại hội Xô viết toàn Nga lần thứ II là đại hội đánh dấu sự sụp đổ của chính phủ tư sản và sự ra đời của Xô viết Nga.

a.Đ b.S c.Đ d.Đ

Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Năm 1920, để bảo vệ thành quả cách mạng tháng Mười, nước Nga Xô Viết và các nước cộng hòa Xô viết đồng minh với nhau và đánh bại kẻ thù chung. Đến năm 1922, nước Nga Xô Viết và các nước cộng hòa Xô viết đồng minh có sự phát triển không đồng đều về kinh tế, văn hóa, chính trị. Trong khi Nga là nước có nền kinh tế công nghiệp tương đối phát triển, các nước khác vẫn trong tình trạng nông nghiệp lạc hậu. Các nước cộng hòa Xô viết cũng chưa có sự thống nhất về các chính sách phát triển kinh tế, văn hóa, giáo dục... Điều đó đặt ra yêu cầu phải hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau để cùng phát triển”.

(Trích sgk lịch sử 11 Cánh Diều, trang 21)

- a. Năm 1920, nước Nga Xô Viết và các nước cộng hòa Xô viết đã đánh bại kẻ thù chung là liên quân 14 nước và các lực lượng chống đối trong nước.
- b. nước Nga Xô Viết và các nước cộng hòa Xô viết có sự phát triển đồng đều về kinh tế, văn hóa, chính trị.
- c. Nga là nước có nền kinh tế công nghiệp rất phát triển và đạt nhiều thành tựu to lớn nhờ thực hiện chính sách kinh tế mới.
- d. Sự phát triển không đồng đều về mọi mặt cũng như chưa có sự thống nhất về các chính sách phát triển là cơ sở hình thành Liên bang CHXHCN Xô viết năm 1922.

a.Đ b.S c.S d.Đ
VUI LÒNG TẢI XUỐNG BẢN WORD ĐỂ SỬ DỤNG ĐẦY ĐỦ NỘI DUNG

Câu 4. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Đại hội lần thứ nhất các Xô viết toàn Liên bang họp ở Mát-xcơ-va (12-1922) đã nhất trí thông qua bản tuyên bố thành lập Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô Viết dựa trên cơ sở sự tự nguyện của các nước cộng hòa Xô viết. Năm 1924, bản hiến pháp đầu tiên của Liên Xô được thông qua, hoàn thành quá trình thành lập nhà nước Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô Viết”.

(Trích sgk lịch sử 11 Cánh Diều, trang 21)

- a. Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô Viết được thành lập tại Đại hội lần thứ nhất các Xô viết toàn Liên bang (12-1922).
- b. Sự ra đời của Liên Xô bắt nguồn từ nguyên tắc tự quyết và có chính sách cưỡng chế của nước Nga.
- c. Năm 1924, bản hiến pháp đầu tiên và duy nhất của Liên Xô đã được thông qua.
- d. Năm 1924 đánh dấu quá trình thành lập nhà nước Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô Viết được hoàn thành.

a.Đ b.S c.S d.Đ

Câu 5. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Bốn nước cộng hòa Xô viết đầu tiên gia nhập Liên Xô là nga, Bê-lô-rút-xi-a,Úc-crai-na, và Ngoại Cáp-ca-dơ. Từ năm 1922 đến năm 1940 có thêm 11 nước cộng hòa gia nhập Liên Xô”.

(Trích sgk lịch sử 11 Cánh Diều, trang 21)

- a. Liên Xô là tên viết tắt của Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô Viết.
- b. Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô Viết bao gồm nước Nga và Bê-lô-rút-xi-a,Úc-crai-na, và Ngoại Cáp-ca-dơ.
- c. Bốn nước cộng hòa Xô viết đầu tiên gia nhập Liên Xô là nga, Bê-lô-rút-xi-a,Úc-crai-na, và Ngoại Cáp-ca-dơ.
- d. Tính đến nay, Liên Xô có thêm 11 nước cộng hòa gia nhập.

a.Đ b.S c.Đ d.S

Câu 6. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Liên Xô là nhà nước chuyên chính vô sản đầu tiên, đã tỏ ra sức mạnh phi thường. Ngay từ khi mới thành lập, Liên Xô chẳng những đập tan được bọn phản cách mạng trong nước, mà còn đánh thắng cuộc can thiệp vũ trang của 14 nước đế quốc, chưa đầy 30 năm sau lại đánh thắng hoàn toàn bọn phát xít Đức – Ý – Nhật, chẳng những bảo vệ được nhà nước Xô Viết mình mà còn góp phần to lớn giải phóng nhiều nước khác, cứu cả loài người khỏi ách nô lệ của chủ nghĩa phát xít”.

(Hồ Chí Minh, *Cách mạng tháng Mười vĩ đại mở ra con đường giải phóng cho các dân tộc*, trích trong: Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Tập 15, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà nội, 2011, tr.388 – 389)

- a. Liên Xô là nhà nước chuyên chính vô sản duy nhất trên thế giới.
- b. Vừa mới ra đời Liên Xô đã đánh thắng cuộc can thiệp vũ trang của liên quân 14 nước đế quốc.
- c. Liên Xô đánh thắng phát xít Nhật ở châu Á là điều kiện khách quan thuận lợi để nhân dân Việt Nam giành thắng lợi trong Cách mạng tháng Tám năm 1945.
- d. Cứu cả loài người thoát khỏi ách nô lệ chủ nghĩa phát xít là trách nhiệm của Liên Xô.

a.S b.Đ c.Đ d.S

Câu 7. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Liên Xô là nhà nước chuyên chính vô sản đầu tiên, đã tỏ ra sức mạnh phi thường. Ngay từ khi mới thành lập, Liên Xô chẳng những đập tan được bọn phản cách mạng trong nước, mà còn đánh thắng cuộc can thiệp vũ trang của 14 nước đế quốc, chưa đầy 30 năm sau lại đánh thắng hoàn toàn bọn phát xít Đức – Ý – Nhật, chẳng những bảo vệ được nhà nước Xô Viết mình mà còn góp phần to lớn giải phóng nhiều nước khác, cứu cả loài người khỏi ách nô lệ của chủ nghĩa phát xít”.

(Hồ Chí Minh, *Cách mạng tháng Mười vĩ đại mở ra con đường giải phóng cho các dân tộc*, trích trong: Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Tập 15, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà nội, 2011, tr.388 – 389)

- a. Liên Xô là nhà nước chuyên chính vô sản đầu tiên trên thế giới.
- b. Liên Xô đã đánh bại thù trong giặc ngoài sau khi vừa thành lập.
- c. Chưa đầy 30 năm sau, Liên Xô bị sụp đổ trong tay chủ nghĩa phát xít.
- d. Sự ra đời của Liên Xô chẳng những có ý nghĩa to lớn đối với nhân dân Liên Xô mà cả đối với nhân loại thế giới.

a.Đ b.Đ c.S d.Đ

Câu 8. Học sinh đọc bảng tư liệu về ý nghĩa ra đời của Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô Viết.

Đối với Liên Xô

- Đánh dấu sự sụp đổ hoàn toàn của đế quốc Nga và Chính phủ lâm thời của giai cấp tư sản; xác lập chế độ xã hội chủ nghĩa trên toàn lãnh thổ Liên Xô rộng lớn.
- Thể hiện quyền dân tộc tự quyết, sự liên minh đoàn kết của các nước cộng hòa Xô viết đồng minh; làm thất bại ý đồ và hành động chia rẽ của các thế lực thù địch trong và ngoài nước.
- Tạo nên sức mạnh tổng hợp để nhân dân Liên Xô tập trung vào xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ đất nước., chiến thắng ngoại xâm.

- a. Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô Viết ra đời đánh dấu sự sụp đổ hoàn toàn của đế quốc Nga và Chính phủ lâm thời của giai cấp tư sản. **Đ**
- b. Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô Viết ra đời thể hiện được sức mạnh nước lớn của Nga với các nước cộng hòa Xô viết đồng minh. **S**
- c. Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô Viết ra đời đã đập tan âm mưu chia rẽ của các thế lực thù địch trong và ngoài nước. **Đ**
- d. Sự ra đời của Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô Viết là tiền đề quan trọng để phát huy sức mạnh tổng hợp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ đất nước., chiến thắng ngoại xâm. **Đ**

GV LÀM BÀI 3: HIỀN LÊ

BÀI 3 LỊCH SỬ 11

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây

Tháng 2 – 1917 (theo lịch Nga), Đảng Bôn-sê-vích đã lãnh đạo nhân dân làm cách mạng lật đổ chế độ Nga Hoàng, bầu ra các Xô Viết – chính quyền của công nhân, nông dân và binh lính. Giai cấp tư sản cũng thành lập chính phủ lâm thời. Nước Nga xuất hiện cục diện hai chính quyền đại diện cho lợi ích của các giai cấp khác nhau, vấn đề hòa bình và ruộng đất vẫn chưa được giải quyết.

(Sách giáo khoa Lịch sử 11, Bộ Cánh diều, tr.20)

- a. Lãnh đạo cách mạng tháng Hai ở nước Nga là giai cấp tư sản.
- b. Nước Nga trở thành nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới sau cách mạng tháng Hai.
- c. Xô Viết và Chính phủ tư sản lâm thời đều có mục tiêu và quyền lợi khác nhau.
- d. Sau cách mạng tháng Hai có hai chính quyền song song tồn tại là Nga Hoàng và Chính phủ tư sản lâm thời.

a – S, b – S, c – Đ, d - S

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây

Tháng 10 năm 1917 (theo lịch Nga), Lê nin và Đảng Bôn-sê-vích đã lãnh đạo các Xô Viết làm Cách mạng tháng Mười. Ngay trong đêm cách mạng thành công (25/10), Đại hội Xô Viết toàn Nga lần II họp, tuyên bố xóa bỏ bộ máy của chính phủ lâm thời và thành lập Chính phủ Xô Viết, do Lê-nin đứng đầu. Tiếp đó, ngày 26-10, Đại hội Xô Viết toàn Nga đã thông qua “Sắc lệnh hòa bình” và “Sắc lệnh ruộng đất” do Lê nin soạn thảo.

(Sách giáo khoa Lịch sử 11, Bộ Cánh diều, tr.21)

- a. Cách mạng tháng 10 – 1917 ở Nga đã chấm dứt tình trạng hai chính quyền song song tồn tại ở Nga sau cách mạng tháng Hai.
- b. Thành công của cách mạng tháng Mười đã đưa nước Nga đi theo con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội.
- c. Thắng lợi của cách mạng tháng Mười đã lập nên nhà nước chuyên chính vô sản duy nhất trên thế giới.
- d. Cách mạng tháng Mười Nga đã lật đổ được chế độ phong kiến do Nga Hoàng đứng đầu.

a- Đ, b – Đ, c – S, d – S

Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau đây

"Sự ra đời của Liên bang Xô viết là một sự kiện quan trọng. Sức mạnh của Nhà nước Xô viết được củng cố và tăng cường. Đồng thời, đó là thắng lợi của chính sách dân tộc theo chủ nghĩa Lê-nin, của tình hữu nghị anh em giữa các dân tộc trong quốc gia công nông đầu tiên trên thế giới. Lần đầu tiên trong lịch sử, loài người tiến bộ đã được thấy một con đường giải phóng đúng đắn vấn đề dân tộc, đó là thủ tiêu mọi bất bình đẳng dân tộc và xây dựng một cộng đồng anh em giữa các dân tộc".

(Nguyễn Anh Thái chủ biên, *Lịch sử thế giới hiện đại*, NXB Giáo dục, Hà Nội,

2006, tr 46 – 47)

- a. Sự ra đời của Liên bang Xô Viết đã chứng minh học thuyết Mác – Lê nin là đúng đắn, khoa học.
- b. Sự ra đời của Liên bang Xô Viết đã đánh dấu chế độ xã hội chủ nghĩa được xác lập trên toàn lãnh thổ Liên Xô rộng lớn.
- c. Liên bang Xô Viết ra đời đã xác lập mô hình nhà nước kiểu mới đối lập với mô hình nhà nước tư bản chủ nghĩa.
- d. Liên bang Xô Viết được thành lập dựa trên cơ sở hợp tác xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

a – Đ, b – Đ, c – Đ, d - S

Câu 4: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Đến năm 1922, nước Nga Xô viết và các nước cộng hòa Xô viết đồng minh có sự phát triển không đồng đều về kinh tế, văn hóa, chính trị. Trong khi Nga là nước có nền kinh tế công nghiệp tương đối phát triển (nhờ thực hiện chính sách Kinh tế mới), các nước khác vẫn trong tình trạng nông nghiệp lạc hậu. Các nước cộng hòa Xô viết cũng chưa có sự thống nhất về các chính sách phát triển kinh tế, văn hóa, giáo dục,... Điều đó đặt ra yêu cầu phải hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau để cùng phát triển"

(*Sách giáo khoa Lịch sử 11*, Bộ Cánh diều, tr.21)

- a. Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết được thành lập năm 1922 trong bối cảnh kinh tế nước Nga và các nước Xô viết khác có sự phát triển tương đối đồng đều
- b. Một trong những nguyên nhân thúc đẩy sự thành lập Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết là do nhu cầu hợp tác, giúp đỡ nhau để cùng phát triển
- c. Trước khi thành lập Liên bang Xô viết, các nước cộng hòa Xô viết đã có sự thống nhất bước đầu về các chính sách phát triển
- d. Năm 1922, kinh tế nước Nga phát triển là do thực hiện chính sách Kinh tế mới do Lê – nin đề xướng

a. S, b. Đ, c. S, d. Đ

Câu 5: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Liên Xô, nhà nước chuyên chính vô sản đầu tiên, đã tỏ ra có sức mạnh phi thường. Ngay từ khi mới thành lập, Liên Xô chẳng những đập tan được bọn phản cách mạng trong nước, mà còn đánh thắng cuộc can thiệp vũ trang của 14 nước đế quốc, chưa đầy 30 năm sau lại đánh thắng hoàn toàn

bọn phát xít Đức – Ý – Nhật, chẳng những bảo vệ được Nhà nước Xô viết mình mà còn góp phần to lớn giải phóng nhiều nước khác, cứu cả loài người khỏi ách nô lệ của chủ nghĩa phát xít”

(Sách giáo khoa Lịch sử 11, Bộ Cánh diều, tr.22)

- a. Liên Xô là một trong những nhà nước chuyên chính vô sản đầu tiên trên thế giới
- b. Nhà nước Liên Xô bắt đầu tỏ ra có sức mạnh phi thường từ sau khi đánh bại phát xít
- c. Việc Liên Xô đánh thắng phát xít đã tạo điều kiện cho nhiều nước khác đứng lên tự giải phóng
- d. Đoạn trích đã tóm tắt quá trình thành lập Liên bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết

a. S, b. S, c. Đ, d. S

Câu 6. Đọc đoạn tư liệu sau đây

“Quá trình thành lập Liên bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô Viết phù hợp với lợi ích chung của các dân tộc trên đất nước Xô Viết. Sức mạnh của tình đoàn kết và sự hợp tác, giúp đỡ giữa các dân tộc tạo điều kiện cho sự phát triển nhanh chóng về kinh tế, xã hội của tất cả các nước Cộng hòa, đồng thời tăng cường vị thế của Liên Xô trên trường quốc tế. Sự thành lập Liên Xô dưới sự chỉ đạo của Lê nin đã mở ra con đường giải quyết đúng đắn vấn đề dân tộc trên đất nước Xô Viết trên cơ sở bình đẳng và giúp đỡ lẫn nhau”.

SGK Lịch Sử 11, bộ Kết nối tri thức, tr.21

- a. Liên Xô là một liên bang bao gồm nhiều nước cộng hòa theo chế độ tư bản chủ nghĩa.
- b. Cơ sở thành lập Liên Xô là bình đẳng giữa các dân tộc và giúp đỡ lẫn nhau.
- c. Sự thành lập Liên Xô là sự ra đời của nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới.
- d. Liên Xô ra đời đã tạo tiền đề cho sự ra đời của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới.

a – S, b – Đ, c – Đ, d - Đ

GV LÀM BÀI 3: NHUNG NGUYỄN

BÀI 4: SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TỪ SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI ĐẾN NAY.

PHẦN II. TRẮC NGHIỆM LỰA CHỌN ĐÚNG - SAI.

Thí sinh đọc đoạn tư liệu và lựa chọn Đúng - Sai trong các phương án a,b,c,d.

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây.

Thắng lợi của Hồng quân Liên Xô trong việc tiêu diệt chủ nghĩa phát xít ở Châu Âu tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân các nước Đông Âu nổi dậy giành chính quyền, thành lập nhà nước dân chủ nhân dân. Sau khi thành lập chính quyền dân chủ nhân dân, các nước Đông Âu hoàn thành việc thực hiện nhiệm vụ của cách mạng dân chủ nhân dân: tiến hành cải cách ruộng đất, quốc hữu hoá các nhà máy, xí nghiệp của tư bản, thực hiện các quyền tự do, dân chủ...

(Trích SGK sử 12 trang 23 - Bộ sách kết nối tri thức).

- a. Khi chiến tranh thế giới thứ hai đang diễn ra quyết liệt thì các nước Đông Âu đã có ý tưởng thành lập nhà nước dân chủ nhân dân.(S)
- b. Việc tiêu diệt chủ nghĩa phát xít của Hồng quân Liên Xô là điều kiện khách quan dẫn đến thành công của các nước Đông Âu trong công cuộc cải cách ruộng đất.(S)
- c. Quốc hữu hoá các nhà máy, xí nghiệp của tư bản là một trong các nhiệm vụ của cuộc cách mạng dân chủ nhân dân ở Đông Âu.(Đ)

d. Thể chế nhà nước dân chủ nhân dân của các nước Đông Âu được thành lập sau chiến tranh thế giới thứ hai.(Đ)

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây.

Thắng lợi của Hồng quân Liên Xô trong việc tiêu diệt chủ nghĩa phát xít ở Châu Âu tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân các nước Đông Âu nổi dậy giành chính quyền, thành lập nhà nước dân chủ nhân dân.

Một loạt các nước Đông Âu được thành lập: Cộng hoà nhân dân Ba Lan (1944), Cộng hoà nhân dân Ru-ma-ni (1944), Cộng hoà Hung-ga-ri (1945), Cộng hoà Tiệp Khắc (1945), Liên bang Cộng hoà dân chủ nhân dân Nam Tư (1945), Cộng hoà nhân dân An-ban-ni (1945), Cộng hoà Bun-ga-ri (1946), Cộng hoà dân chủ Đức (1949).

(Trích SGK sử 12 trang 22 - Bộ sách kết nối tri thức).

a. Sau chiến tranh thế giới thứ hai sự ra đời của các nhà nước dân chủ nhân dân Đông Âu đánh dấu Chủ nghĩa xã hội được xác lập và trở thành hệ thống trên toàn thế giới.(S)

b. Năm 1945 có nhiều nước quốc gia ở Đông Âu được thành lập nhất.(Đ)

c. Thắng lợi của Hồng quân Liên Xô trong việc tiêu diệt chủ nghĩa phát xít ở Châu Âu là điều kiện tiên quyết đối với sự thành lập các nước Đông Âu.(Đ)

d. Sự ra đời của các nước dân chủ nhân dân Đông Âu không phải là kết quả khách quan của những điều kiện quốc tế và trong nước trong thời kì chiến tranh thế giới thứ hai.(S)

Câu 3. Bảng về một số thành tựu công cuộc xây dựng CNXH từ 1991 đến nay.

Quốc gia/Khu vực	Thành tựu
Việt Nam	- Năm 1986 Việt Nam tiến hành công cuộc đổi mới đất nước. Những thành tựu to lớn về kinh tế, chính trị, xã hội khẳng định con đường đi lên CNXH phù hợp với thực tiễn Việt Nam.
Lào	- Từ năm 1986, Lào thực hiện đường lối đổi mới toàn diện theo định hướng XHCN.
Cu-ba	- Từ năm 1991, Cu-ba thực hiện cải cách kinh tế từng bước có chọn lọc. Việc Cu-ba kiên trì con đường xây dựng CNXH là nguồn động viên, cổ vũ phong trào đấu tranh bảo vệ độc lập, chủ quyền dân tộc.

(Trích SGK sử 12 trang 22 - Bộ sách kết nối tri thức).

a. Từ năm 1986 đến nay công cuộc đổi mới của ba nước Việt Nam, Lào, Cu-ba đạt nhiều thành tựu rực rỡ.(Đ)

b. Trước khi tiến hành đổi mới Việt Nam, Lào, Cu-ba phải chịu chính sách cấm vận kéo dài của các nước Phương Tây.(S)

c. Những thành tựu của công cuộc đổi mới ở Việt Nam, Lào, Cu-ba khẳng định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội là phù hợp với thực tiễn và xu thế thời đại.(Đ)

d. Trên thế giới hiện nay chỉ có ba quốc gia Việt Nam, Lào, Cu-ba tiến theo CNXH.(S)

Câu 4. Đọc đoạn tư liệu sau đây.

Thắng lợi của cách mạng Cu Ba năm 1959, nước Cộng hoà Cu - ba được thành lập. Chính phủ cách mạng đã tiến hành những cải cách dân chủ trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội. Từ năm 1961, Cu-ba bước vào thời kì xây dựng xã hội chủ nghĩa. Mặc dù phải đối mặt với nhiều khó

khẩn, thách thức, đặc biệt là chính sách cấm vận của Mỹ, nhưng nhân dân Cu - ba vẫn kiên định đi theo con đường chủ nghĩa xã hội.

(Trích SGK sử 12 trang 24 - Bộ sách kết nối tri thức).

a. Ngày 1/1/1959, Nước Cộng hoà Cu- ba thành lập là kết quả thắng lợi của cuộc đấu tranh chống chế độ độc tài thân Mỹ. (Đ)

b. Sau khi thành lập, nước Cộng hoà Cu - ba bắt tay ngay vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. (S)

c. Những thành tựu của Cu - ba trong công cuộc xây dựng CNXH là nguồn cổ vũ các nước Mỹ-La-tinh đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội. (S)

d. Chính sách cấm vận của Mỹ không cản trở được công cuộc xây dựng CNXH ở Cu-ba.(Đ)

Câu 5. Bảng về một số sự kiện của chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu và Liên Xô

Thời gian	Sự kiện
Từ những năm 80	- Các nước Đông Âu lâm vào thời kì suy thoái, khủng hoảng kinh tế, xã hội trầm trọng.
Cuối những năm 80	- Chế độ chủ nghĩa xã hội tan rã ở các nước Đông Âu.
Tháng 12 -1991	- Nhà nước Liên bang Xô viết tan rã, chấm dứt chế độ XHCN ở Liên Xô sau hơn 70 năm tồn tại.

(Trích SGK sử 12 trang 24 - Bộ sách kết nối tri thức).

a. Sau khi Liên Xô sụp đổ kéo theo chế độ chủ nghĩa xã hội tan rã ở các nước Đông Âu.(S)

b. Sự tan rã của nhà nước Liên bang Xô viết đã chấm dứt chế độ XHCN ở Liên Xô. (Đ)

c. Sự sụp đổ của chế độ CNXH ở Liên Xô và các nước Đông Âu đánh dấu sự sụp đổ của hệ thống CNXH trên toàn thế giới. (S)

d. Từ sự sụp đổ của Chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và các nước Đông Âu để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu cho Việt Nam.(Đ)

Câu 6. Đọc đoạn tư liệu sau đây

Sau chiến tranh thế giới thứ hai, chủ nghĩa xã hội từ phạm vi một nước đã trở thành một hệ thống thế giới, trải dài từ châu Âu sang châu Á, lan tới vùng biên Ca-ri-bê thuộc khu vực Mỹ-la-tinh. Các nước xã hội chủ nghĩa ngày càng phát triển và lớn mạnh, có vị trí quan trọng trên thế giới.

(Trích SGK sử 12 trang 24 - Bộ sách kết nối tri thức).

a. Hệ thống chủ nghĩa xã hội trên thế giới được hình thành sau chiến tranh thế giới thứ hai.(Đ)

b. Sau chiến tranh thế giới thứ hai trong quan hệ quốc tế chỉ tồn tại duy nhất hệ thống XHCN. (S)

c. Những thành tựu của các nước XHCN đã khẳng định tính ưu việt của CNXH .(Đ)

d. Sự lớn mạnh của hệ thống XHCN đã làm thất bại hoàn toàn âm mưu thiết lập trật tự thế giới đơn cực của Mỹ sau chiến tranh thế giới thứ hai.(S)

Câu 7. Đọc đoạn tư liệu sau đây

Ngày 1-1-1959, cách mạng Cu-ba thành công, nhân dân và các chiến sĩ cách mạng yêu nước Cu-ba, dưới sự lãnh đạo của lãnh tụ Phi-đen Ca-xơ-rô, đã lật đổ chế độ độc tài Ba-ti-xta, thiết lập Nhà nước công nông đầu tiên ở Tây bán cầu, đưa "hòn đảo tự do" bước vào kỷ nguyên mới, độc lập, tự do và tiến lên chủ nghĩa xã hội. Sự ra đời và tồn tại của Nhà nước Cu-ba xã hội chủ nghĩa đã cổ vũ, khích lệ các dân tộc bị áp bức trên thế giới đẩy mạnh cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc.

(Trích Báo nhân dân số ra ngày 18 tháng 4 năm 2021)

- Sau khi lật đổ chế độ độc tài thân Mỹ Ba-ti-xta, cách mạng Cu-ba thành công, nước Cộng hoà Cu-ba ra đời.(Đ)
- Sự ra đời và tồn tại của Nhà nước Cu-ba xã hội chủ nghĩa đã tạo tiền đề cho các nước trong khu vực Mỹ Latinh đi lên xây dựng Chủ nghĩa xã hội. (S)
- Cu-ba trở thành lá cờ đầu trong phong trào giải phóng dân tộc ở Mỹ Latinh sau chiến tranh thế giới thứ hai. (Đ)
- Chính sách nhượng bộ của chế độ độc tài thân Mỹ tạo điều kiện cho sự ra đời nước cộng hoà Cu-ba.(S)

Câu 8. Bảng về thành tựu của công cuộc cải cách mở cửa ở Trung Quốc

Nội dung	Thành tựu
Tháng 12-1978	- Trung Quốc thực hiện công cuộc cải cách mở cửa.
Về kinh tế	- Quy mô GDP của Trung Quốc từ vị trí thứ tám thế giới (những năm 80 của thế kỉ XX) vươn lên vị trí thứ hai thế giới (từ năm 2010).
Về khoa học, công nghệ	- Phát triển ngành hàng không vũ trụ (phóng được tàu Thần Châu vào không gian).

(Trích SGK sử 12 trang 27 - Bộ sách kết nối tri thức).

- Trung Quốc vươn lên vị trí kinh tế thứ hai thế giới (từ năm 2010) sau Mỹ.(Đ)
- Những thành tựu kinh tế đã đưa Trung Quốc vươn lên bá chủ thế giới trong giai đoạn hiện nay.(S)
- Trung Quốc trở thành quốc gia thứ ba thế giới có tàu và người bay vào không gian vũ trụ.(Đ)
- Thành tựu công cuộc cải cách mở cửa ở Trung Quốc để lại nhiều bài học kinh nghiệm cho Việt Nam.(Đ)

Câu 9. Đọc đoạn tư liệu sau đây

Vào một đêm lạnh giá cuối năm 1991, Liên bang Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Xô viết (Liên Xô) chấm dứt sự tồn tại. Các thế lực tư bản và phản động hý hửng vội vàng có thể kết liễu chủ nghĩa xã hội bằng “chiến thắng không cần chiến tranh”(1) để chủ nghĩa tư bản trở thành “điểm đến cuối cùng của lịch sử”(2)... Sự thật thì hoàn toàn khác hẳn!

(Trích bài viết: “Chủ nghĩa xã hội: Một tất yếu của lịch sử thế giới - Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, ngày 31-12-2021).

- Cuối năm 1991, Liên bang Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Xô viết (Liên Xô) tan rã. (Đ)
- Sự tan rã của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô là sự sụp đổ của một lí tưởng xã hội chủ nghĩa.(S)
- Chủ nghĩa tư bản hiện nay trở thành một cực duy nhất trong quan hệ quốc tế.(S)
- Những thành tựu trong công cuộc đổi mới, cải cách hiện nay của các nước ở châu Á, khu vực Mỹ La-tinh là cơ sở vững chắc chứng minh CNXH có sức sống, triển vọng thực sự trên thế giới.(Đ)

Câu 10. Đọc đoạn tư liệu sau đây

Nguyên nhân dẫn đến sự khủng hoảng và sụp đổ của chủ nghĩa xã hội Đông Âu và Liên Xô là tổng hợp của nhiều yếu tố. Trong đó, nguyên nhân cơ bản bao gồm:

- Do đường lối lãnh đạo của Đảng Cộng sản Liên Xô và các nước Đông Âu mang tính chủ quan, duy ý chí; áp dụng máy móc mô hình kinh tế tập trung, quan liêu, bao cấp trong nhiều năm; chậm đổi mới cơ chế và hệ thống quản lí kinh tế.
- Quá trình cải cách, cải tổ phạm sai lầm nghiêm trọng về đường lối, cách thức tiến hành.

- Hoạt động chống phá của các lực lượng thù địch ở trong nước và các thế lực bên ngoài.
(Trích SGK sử 12 trang 25 - Bộ sách kết nối tri thức).

- a. Sự sụp đổ chủ nghĩa xã hội Đông Âu và Liên Xô do nguyên nhân chủ quan và khách quan.(Đ)
b. Sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội Đông Âu và Liên Xô là sự sụp đổ của hệ thống CNXH trên toàn thế giới. (S)
c. Các nhà lãnh đạo Đảng và nhà nước Liên Xô và các nước Đông Âu phạm nhiều thiếu sót và sai lầm trong quá trình xây dựng CNXH . (Đ).
d. Mô hình CNXH ở Liên Xô và các nước Đông Âu ngay từ khi mới hình thành đã chứa đựng nhiều thiếu sót và sai lầm.(S)

Đáp án bài 4

Câu	Lệnh hỏi	Đáp án (Đ/S)	Câu	Lệnh hỏi	Đáp án (Đ/S)
1	a)	S	6	a)	Đ
	b)	S		b)	S
	c)	Đ		c)	Đ
	d)	Đ		d)	S
2	a)	S	7	a)	Đ
	b)	Đ		b)	S
	c)	Đ		c)	Đ
	d)	S		d)	S
3	a)	Đ	8	a)	Đ
	b)	S		b)	S
	c)	Đ		c)	Đ
	d)	S		d)	Đ
4	a)	Đ	9	a)	Đ
	b)	S		b)	S
	c)	S		c)	S
	d)	Đ		d)	Đ
5	a)	S	10	a)	Đ
	b)	Đ		b)	S
	c)	S		c)	Đ
	d)	Đ		d)	S

GV LÀM BÀI 4 : LÊ ÁNH TUYẾT

BÀI 5 : QUÁ TRÌNH XÂM LƯỢC VÀ CẠI TRỊ CỦA CHỦ NGHĨA THỰC DÂN Ở ĐÔNG NAM Á

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Điểm chung của chính sách thống trị thực dân ở Đông Nam Á là khai thác, vơ vét và bòn rút các quốc gia trong khu vực bằng chính sách thuế khóa đánh vào các tầng lớp nhân dân bản địa, cướp ruộng đất lập đồn điền, bóc lột sức người, khai thác tài nguyên; thông qua khai thác triệt để sản phẩm nông nghiệp, tiếp tục đầu tư để bóc lột lâu dài trong công nghiệp... Vì vậy, cao su, cà phê, chè, lúa gạo là những sản vật đặc trưng của Đông Nam Á được thực dân phương Tây chú ý khai thác từ sớm”

(Lương Ninh (Chủ biên), *Đông Nam Á: Lịch sử từ nguyên thủy đến ngày nay*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2018, tr.337)

- a. Đoạn trích cung cấp thông tin về chính sách khai thác, bóc lột của thực dân phương Tây đối với khu vực Đông Nam Á.
- b. Trong công nghiệp, thực dân phương Tây tìm cách vơ vét, bòn rút các nước Đông Nam Á thông qua việc cướp ruộng đất lập đồn điền.
- c. Những sản vật được coi là thế mạnh của các nước Đông Nam Á được thực dân phương Tây chú ý đầu tư khai thác sớm để thu lợi nhuận cao.
- d. Khai thác tài nguyên thiên nhiên không phải là điểm chung trong chính sách cai trị của thực dân phương Tây ở Đông Nam Á.

a. Đ b. S c. Đ d. S

Câu 2: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Chúng lập ba chế độ khác nhau ở Trung, Nam, Bắc để ngăn cản việc thống nhất nước nhà của ta, để ngăn cản dân tộc ta đoàn kết.

... Chúng ràng buộc dư luận, thi hành chính sách ngu dân. Chúng dùng thuốc phiện, rượu cồn để làm cho nòi giống ta suy nhược.

...Về kinh tế, chúng bóc lột dân ta đến tận xương tủy, khiến cho dân ta nghèo nàn, thiếu thốn, nước ta xơ xác, tiêu điều”.

(Hồ Chí Minh, *Tuyên ngôn Độc lập*, trích trong: Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 4, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.1 – 2)

a. Đoạn trích trong bản Tuyên ngôn Độc lập của Hồ Chí Minh tập trung tố cáo tội ác của phát xít Nhật trong quá trình thống trị Việt Nam.

b. Những tội ác của chính quyền thực dân đối với nhân dân ta được thể hiện toàn diện trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục.

c. Một trong những chính sách cai trị của chính quyền thực dân được nhắc đến trong đoạn trích là chính sách “chia để trị”

d. ...“ràng buộc dư luận”, “chính sách ngu dân”, “dùng thuốc phiện, rượu cồn” là những chính sách và tội ác của chính quyền thực dân trên lĩnh vực chính trị.

a. S b. Đ c. Đ d. S

Câu 3: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Tại Bảo tàng hàng hải ở Ma – lắ – ca (Ma – lai – xi – a), mô hình con tầu Phlo đơ Ma của Bồ Đào Nha bị đắm ở Ma – lắ – ca thu hút sự chú ý của đông đảo khách tham quan. Đây là một trong số những con tầu thuộc hạm thuyền hùng mạnh của thực dân Bồ Đào Nha tấn công xâm lược Vương quốc Ma – lắ – ca, cũng là một thương cảng sầm uất ở Đông Nam Á vào năm 1511. Sự kiện này đã mở đầu cho quá trình xâm lược và thống trị kéo dài nhiều thế kỉ của thực dân phương Tây ở Đông Nam Á.

(*Sách giáo khoa Lịch sử 11*, Bộ kết nối tri thức với cuộc sống, tr.29)

- a. Đoạn trích tập trung phản ánh sự phát triển của du lịch tại thành phố biển Ma – lác – ca
- b. Bồ Đào Nha là nước thực dân phương Tây đầu tiên xâm lược khu vực Đông Nam Á
- c. Thực dân phương Tây bắt đầu quá trình xâm lược khu vực Đông Nam Á từ thế kỉ XV
- d. Một trong những nguyên nhân khiến Bồ Đào Nha xâm lược Ma – lác – ca vì đây là một hải cảng sầm uất ở biển Đông

a. S b. Đ c. S d. Đ

Câu 4: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Chính quyền thực dân thường chia một nước hoặc vùng thuộc địa thành các vùng miền với các hình thức cai trị khác nhau và do đó, dân cư mỗi vùng trong một nước lại chịu nhiều hình thức cai trị khác nhau, tạo ra sự mâu thuẫn giữa họ với nhau để thực dân dễ bề cai trị... Ví dụ, khi thống trị ở Ma-lai-xi-a, Xin-ga-po và Bru-nây, thực dân Anh đã hoà trộn ba khu vực này vào nhau, sau đó chia thành bốn khu vực mới với chế độ cai trị khác nhau.”

(Theo Lương Ninh (Chủ biên), *Lịch sử Đông Nam Á*, NXB Giáo dục, 2005, tr. 233-234)

- a. Đoạn trích tóm tắt quá trình thực dân Anh xâm lược một số quốc gia trong khu vực Đông Nam Á
- b. “Chính quyền thực dân thường chia một nước hoặc vùng thuộc địa thành các vùng miền với các hình thức cai trị khác nhau...” là biểu hiện rõ nét của chính sách “chia để trị”
- c. Chính quyền thực dân chia một nước hoặc vùng thuộc địa thành các vùng miền với các hình thức cai trị khác nhau nhằm mục đích chia rẽ khối đoàn kết dân tộc ở các nước thuộc địa
- d. “Chia để trị” là chính sách cai trị độc đáo, khác biệt của thực dân Anh so với các nước thực dân khác trong quá trình cai trị Đông Nam Á

a. S b. Đ c. Đ d. S

Câu 5: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Thế kỉ XVI, các mặt hàng hương liệu như tiêu, gừng, đinh hương, nhục đậu khấu, trầm hương,...của Đông Nam Á có sức hút mạnh mẽ đối với châu Âu. Bồ Đào Nha là cường quốc đầu tiên chinh phục quốc gia Hồi giáo Ma – lác – ca (năm 1511). Nhanh chóng, người Hà Lan chiếm Ma – lác – ca từ tay người Bồ Đào Nha (năm 1641), thiết lập thành phố Ba – ta – vi – a thông qua công ty Đông Ấn; Tây Ban Nha bắt đầu thực dân hóa Phi – lip – pin từ năm 1542; công ty Đông Ấn Anh chiếm Xin – ga – po, làm cơ sở thương mại chính của người Anh để cạnh tranh với người Hà Lan”.

(Sách giáo khoa *Lịch sử 11*, Bộ chân trời sáng tạo, tr.30)

- a. Đoạn trích phản ánh quá trình xâm nhập của thực dân phương Tây đối với khu vực Đông Nam Á lục địa từ thế kỉ XVI
- b. Phi – lip – pin bị thực dân Tây Ban Nha xâm lược từ giữa thế kỉ XVI
- c. Quốc gia Hồi giáo Ma – lác – ca từng là thuộc địa của Bồ Đào Nha và Hà Lan
- d. Đông Nam Á là khu vực có nguồn hương liệu phong phú, có giá trị cao nên đã nhanh chóng trở thành đối tượng xâm lược của thực dân phương Tây

a. S b. Đ c. Đ d. Đ

Câu 6: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Công cuộc xâm lược Đông Nam Á của thực dân phương Tây diễn ra trong khoảng gần bốn thế kỉ. Từ thế kỉ XVI, bằng nhiều thủ đoạn khác nhau, từ xâm nhập thị trường đến các cuộc chiến tranh xâm lược và cạnh tranh quyết liệt với nhau, đến đầu thế kỉ XX, thực dân phương Tây, các nước thực dân phương Tây đã hoàn thành quá trình thôn tính Đông Nam Á. Đến đầu thế kỉ XX, các nước trong khu vực đều trở thành thuộc địa của chủ nghĩa thực dân, trừ Vương quốc Xiêm giữ được nền độc

lập nhưng bị lệ thuộc nước ngoài về nhiều mặt và trở thành “vùng đệm” giữa khu vực thuộc địa của Anh và Pháp.

- a. Quá trình xâm lược của thực dân phương Tây đối với khu vực Đông Nam Á diễn ra trong thời gian dài, từ thế kỉ XVI đến đầu thế kỉ XX
- b. Chiến tranh xâm lược là hình thức duy nhất các nước thực dân phương Tây sử dụng để xâm lược Đông Nam Á
- c. Đến đầu thế kỉ XX, Xiêm là quốc gia duy nhất khu vực Đông Nam Á giữ được độc lập hoàn toàn trước làn sóng xâm lược của thực dân phương Tây
- d. Trong quá trình xâm lược Đông Nam Á, các nước thực dân phương Tây có sự cạnh tranh quyết liệt với nhau.

a. Đ b. S c. S d. Đ

Câu 7: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Từ năm 1892, Ra – ma V tiến hành cuộc cải cách hành chính. Sau khi cử nhiều đoàn đi nghiên cứu thể chế của một số nước châu Âu, giai cấp thống trị Xiêm coi mô hình nhà nước quân chủ lập hiến của đế quốc Đức là phù hợp với tình hình Xiêm. Vua vẫn là người có quyền lực tối cao trong toàn quốc. Bên cạnh vua có Hội đồng nhà nước đóng vai trò cơ quan tư vấn, khởi thảo luật pháp. Bộ máy hành pháp của triều đình được thay thế bằng Hội đồng Chính phủ gồm 12 bộ trưởng”

(Vũ Dương Ninh, *Lịch sử Vương quốc Thái Lan*, NXB Giáo dục, 1994, tr.92)

- a. Đoạn trích cung cấp thông tin về cải cách của vua Ra – ma V trên tất cả mọi lĩnh vực
- b. Cuộc cải cách hành chính của vua Ra – ma V bắt đầu được tiến hành từ cuối thế kỉ XVIII
- c. Thể chế nhà nước quân chủ lập hiến mà Xiêm xây dựng từ cuộc cải cách của vua Ra – ma V là học tập theo mô hình của phương Tây
- d. Với cải cách của vua Ra- ma V, Hội đồng nhà nước đóng vai trò lập pháp, còn Hội đồng Chính phủ đóng vai trò hành pháp

a. S b. S c. Đ d. Đ

Câu 8. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Kế hoạch biến Xiêm thành khu đệm và khu ảnh hưởng của 2 đế quốc Anh – Pháp được chính thức hóa bằng *thỏa hiệp Luân Đôn* kí ngày 15/1/1896 không có sự tham gia của chính quyền Xiêm. Theo thỏa hiệp này, phía Tây sông Mê Nam thuộc ảnh hưởng của Anh, phía Đông sông Mê Nam thuộc ảnh hưởng của Pháp. Thung lũng sông Mê Nam có thủ đô Băng Cốc ở giữa được tự chủ toàn vẹn. Thỏa hiệp ngăn cấm một trong hai nước Anh – Pháp không được kí một hiệp ước tay đôi nào cho phép nước thứ ba can thiệp vào vùng này.

Với việc kí kết các hiệp ước này, Xiêm đã thực sự trở thành một nước phụ thuộc vào hai đế quốc Anh – Pháp”.

(Vũ Dương Ninh, *Lịch sử thế giới cận đại* NXB Giáo dục, 2003, tr.477)

- a. Đoạn trích cung cấp thông tin việc Xiêm bị biến thành nước phụ thuộc của Anh – Pháp được chính thức hóa bằng *thỏa hiệp Luân Đôn*.
- b. Với *Thỏa hiệp Luân Đôn*, Xiêm đã chính thức thừa nhận việc để Anh – Pháp đặt ách cai trị lên đất nước mình.
- c. Thủ đô Băng Cốc là một khu quân sự chung của cả hai đế quốc Anh - Pháp.
- d. Việc kí *thỏa hiệp Luân Đôn* cho phép nước thứ 3 được can thiệp vào Xiêm để giúp Xiêm giữ được độc lập.

Đáp án: a.Đ b. S c. S d.S

Câu 9. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Trong tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp*, Nguyễn Ái Quốc đã tố cáo chính sách thống trị của thực dân Pháp: “một bên là những người bản xứ.... họ phải đổ mồ hôi, sôi nước mắt trong những lao tác nặng nhọc nhất và bạc bẽo nhất để kiếm sống một cách chật vật và hầu như chỉ bằng sức của họ thôi, để nuôi mọi ngân quỹ của chính quyền. Một bên là những người Pháp và người nước ngoài, họ đều đi lại tự do, tự dành cho mình tất cả các tài nguyên của đất nước, chiếm đoạt toàn bộ xuất nhập khẩu và tất cả các ngành nghề béo bở ,bóc lột trắng tráo trong cảnh đói nát và nghèo khổ của nhân dân”.

(Hồ Chí Minh toàn tập, tập 1 Nhà xuất bản Chính trị quốc gia sự thật, 2011 Trang 12)

- a. Nội dung tư liệu thể hiện lời tố cáo đối với chính sách thống trị của thực dân Pháp ở thuộc địa trong bản án chế độ thực dân Pháp .
- b. Nội dung tư liệu ca ngợi chính sách cai trị của thực dân Pháp góp phần thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ kinh tế các nước thuộc địa.
- c. Đối với nhân dân thuộc địa, cuộc sống của họ dưới chính sách của chính quyền thực dân vô cùng cực khổ và đầy rẫy sự khắc nghiệt.
- d. Đối với người Pháp, họ tự dành cho mình tất cả các đặc quyền, đặc lợi ở thuộc địa ngoại trừ việc có công khai hóa văn minh cho các nước thuộc địa.

Đáp án: a.Đ

b.S

c.Đ

d.S

Câu 10. Cho bảng tư liệu sau

Lĩnh vực	Nội dung
Kinh tế	- Trong công nghiệp. Chính phủ thực hiện chính sách khuyến khích đầu tư vào các ngành công nghiệp, đường sắt. - Trong nông nghiệp năm 1874, Chính phủ Xiêm đã áp dụng biện pháp miễn trừ và giảm thuế nông nghiệp, tạo điều kiện phát triển sản xuất nông nghiệp và khai khẩn đất hoang
Hành chính	Từ năm 1892, Ra-ma V tiến hành cải cách hành chính theo mô hình phương Tây.
Giáo dục	Công tác giáo dục được nhà vua đặc biệt chú trọng. Năm 1898, sau khi đi khảo sát nền giáo dục ở châu Âu, nhà vua cho công bố Chương trình giáo dục đầu tiên.
Ngoại giao	- Ra-ma V tiến hành chuyển công du sang các nước châu Âu nhằm mục tiêu xóa bỏ các hiệp ước bất bình đẳng đã kí trước đó - Chính phủ Xiêm kí các hiệp ước với nội dung đồng ý cắt một số vùng lãnh thổ thuộc ảnh hưởng của Xiêm ở Lào, Cam-pu-chia để bảo vệ nền độc lập của nước mình

- a. Về kinh tế, Xiêm căn bản duy trì phương thức sản xuất phong kiến lạc hậu để kìm hãm sự phát triển đất nước
- b. Về hành chính, học tập và cải cách theo mô hình phương Tây nhằm tiến tới thiết lập thể chế quân chủ lập hiến.
- c. Trong công tác giáo dục, Xiêm đặc biệt chú trọng quan tâm nhằm đưa giáo dục nước ngoài tiếp cận với văn minh Phương Tây.

d. Chính sách ngoại giao linh hoạt mềm dẻo đã giúp Xiêm là quốc gia duy nhất ở Đông Nam Á giữ được nền độc lập.

a.S b.Đ c.Đ d.Đ

Câu 11: Đọc đoạn tư liệu sau

“Vào giữa thế kỉ XIX, Vương quốc Xiêm đứng trước sự đe dọa xâm nhập của thực dân phương Tây. Khác với các nước Đông Nam Á khác, từ năm 1851, vua Mong-kut (Ra-ma IV) đã tiến hành cải cách, chủ trương mở cửa buôn bán với nước ngoài. Đặc biệt, từ năm 1859, dưới thời vua Chu-la-long kon (Ra ma V trị vì từ năm 1868 đến 1910), Xiêm tiến hành hàng loạt cải cách quan trọng về kinh tế, xã hội hành chính giáo dục, ngoại giao....

(Vũ Dương Ninh, *Lịch sử Vương quốc Thái Lan*, NXB Giáo dục, 1994).

- a. Khác với các nước Đông Nam Á khác, Giữa thế kỉ XIX Xiêm không phải đối mặt với sự xâm nhập của Phương Tây.
- b. Vua Ra – ma IV là người rất bảo thủ, thực thi chính sách đóng cửa ngăn cấm hoạt động buôn bán với bên ngoài.
- c. Vua Ra – ma V là người thức thời đã thực thi hàng loạt chính sách cải cách quan trọng về để phát triển đất nước.
- d. khác với chủ trương mở cửa của vua Rama IV, vua Rama V đã thực hiện chính sách “bế quan tỏa cảng” với bên ngoài.

a.S b.S c.Đ d.S

GV LÀM BÀI 5: HOÀNG THỊ DINH

BÀI 6: HÀNH TRÌNH ĐI ĐẾN ĐỘC LẬP DÂN TỘC Ở ĐÔNG NAM Á

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Đúng 10h sáng ngày 17/8/1945, tại Gia – các – ta, lãnh tụ Đảng Dân tộc In – đô – nê – xi – a là Xu – các – nô đã đọc lời tuyên bố: “Chúng tôi, nhân dân In – đô – nê – xi – a, trình trong tuyên bố nền độc lập của In – đô – nê – xi – a”. Bức thông điệp ngắn gọn này là Bản tuyên ngôn độc lập của In – đô – nê – xi – a – quốc gia đầu tiên ở Đông Nam Á đã tuyên bố độc lập sau chiến tranh thế giới thứ hai. Tiếp đó, Việt Nam và Lào cũng lần lượt tuyên bố độc lập vào tháng 9 và 10 - 1945

- a. Ba quốc gia đầu tiên ở Đông Nam Á tuyên bố độc lập là In – đô – nê – xi – a, Việt Nam, Cam – pu – chia.
- b. In – đô – nê – xi – a, Việt Nam, Lào giành chính quyền năm 1945 từ quân phiệt Nhật Bản.
- c. Nhiều nước Đông Nam Á tuyên bố độc lập vào cùng ngày chính phủ Nhật Bản tuyên bố đầu hàng quân Đồng minh vô điều kiện.
- d. Tổ chức lãnh đạo cuộc đấu tranh giành độc lập ở Đông Nam Á đều là các đảng phái chính trị theo khuynh hướng vô sản.

Câu 2: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Tại Tây Ninh, Trương Quyền liên minh với Pu – côm – bô đánh Pháp. Nguyễn Hữu Huân xây dựng căn cứ ở Đồng Tháp Mười, liên kết với A – cha Xoa (Cam – pu – chia) chống Pháp. Ông bị thực dân Pháp bắt, đày ra hải đảo, khi được tha về lại tiếp tục tổ chức lực lượng đánh Pháp dọc

theo các tỉnh Tân An, Mỹ Tho cho đến năm 1875. Tại căn cứ Hòn Chông (Rạch Giá), Nguyễn Trung Trực xây dựng lực lượng mở rộng kháng Pháp khắp vùng Rạch Giá, Kiên Giang...”

(Sách giáo khoa Lịch sử 11, Bộ chân trời sáng tạo, tr.37)

- Đoạn tư liệu cung cấp thông tin về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân Việt Nam tại Bắc Kỳ.
- Một số cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta có liên minh chặt chẽ với phong trào kháng chiến ở Cam – pu – chia.
- Nguyễn Trung Trực đã xây dựng căn cứ ở Tây Ninh và tổ chức lực lượng đánh Pháp ở khắp Tây Ninh, Rạch Giá, Kiên Giang.
- Trương Quyền, Nguyễn Hữu Huân, Nguyễn Trung Trực đã có sự liên kết chặt chẽ, thống nhất với nhau trong quá trình kháng chiến chống Pháp.

Câu 3: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Từ năm 1920 đến năm 1945, nhiều đảng phái và tổ chức chính trị mới đã ra đời ở Đông Nam Á. Tiêu biểu trong số này là Đảng Lập hiến, Việt Nam Quốc dân đảng, Đảng Cộng Sản Đông Dương (Việt Nam, Đông Dương); Đảng Dân tộc, Đảng Cộng sản (In – đô – nê – xi – a); Đảng Tha – khinh, Đảng Cộng sản (Mi – an – ma); Đại hội toàn Mã Lai (Ma – lai – xi – a); Đảng Cộng sản Phi – lip – pin...”

(Sách giáo khoa Lịch sử 11, Bộ cánh diều, tr.37)

- Trong quá trình đấu tranh giành độc lập, nhân dân các nước Đông Nam Á đã thành lập được nhiều tổ chức chính trị và đảng phái theo các khuynh hướng khác nhau.
- Trong quá trình đấu tranh giành độc lập từ 1920 – 1945, Đảng Cộng sản đã được thành lập ở tất cả các nước Đông Nam Á.
- Đảng Dân tộc là một trong những chính đảng cách mạng tiêu biểu của nhân dân Việt Nam và Đông Dương.
- Việt Nam Quốc dân đảng, Đảng Tha – khinh, Đại hội toàn Mã Lai là những đảng phái và tổ chức chính trị tiêu biểu đại diện cho khuynh hướng dân chủ tư sản ở Đông Nam Á.

Câu 4: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Tại Việt Nam, công cuộc Đổi mới (từ năm 1986) thúc đẩy tốc độ tăng trưởng GDP bình quân

7,6%/năm trong giai đoạn 1991 – 2000. Năm 2020, GDP của Việt Nam đạt 343 tỉ USD, đứng thứ tư ở Đông Nam Á và thuộc 40 nền kinh tế lớn nhất thế giới. Từ cuối năm 1986, Lào cũng bước vào quá trình đổi mới, nền kinh tế có nhiều khởi sắc, đời sống nhân dân được cải thiện. Tốc độ tăng trưởng GDP của Lào giai đoạn 2016 – 2020 đạt khoảng 5,8%”

(Sách giáo khoa Lịch sử 11, Bộ cánh diều, tr.40)

- Đoạn trích cung cấp thông tin về một số thành tựu kinh tế của Việt Nam và Lào từ khi tiến hành đổi mới đất nước.
- Cả hai nước Việt Nam và Lào đều tiến hành công cuộc đổi mới đất nước từ năm 1986.
- Từ khi tiến hành công cuộc đổi mới đất nước, tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam luôn cao, đưa Việt Nam trở thành quốc gia có quy mô kinh tế đứng thứ tư châu Á.
- Tốc độ tăng trưởng GDP của Lào giai đoạn 2016 – 2020 cao hơn tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam giai đoạn 1991 – 2000.

Câu 5: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Kể từ năm 1967, tốc độ tăng trưởng GDP của các nước Đông Nam Á luôn đạt mức cao (trừ năm 1998, năm đỉnh điểm của khủng hoảng tài chính châu Á). Từ năm 1999, tốc độ tăng trưởng GDP

cao hơn so với mức trung bình của thế giới. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) trở thành nền kinh tế lớn thứ 5 thế giới với GDP đạt khoảng 3000 tỉ USD từ năm 2018. Dự kiến đến năm 2030 sẽ vượt Đức vươn lên vị trí thứ 4 thế giới với GDP tăng gấp đôi.

- Đoạn tư liệu phản ánh một số thành tựu về kinh tế của các nước Đông Nam Á trong quá trình tái thiết và phát triển đất nước.
- Kể từ năm 1967 đến năm 2018, tốc độ tăng trưởng GDP của các nước Đông Nam Á luôn đạt mức cao và ổn định tuyệt đối.
- Từ năm 2018, ASEAN trở thành nền kinh tế lớn thứ 5 trên thế giới, vượt cả Đức.
- Sau cuộc khủng hoảng tài chính ở châu Á, tốc độ tăng trưởng GDP trung bình của các nước Đông Nam Á cao hơn so với mức trung bình của thế giới.

Câu 6: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Ở Việt Nam, từ năm 1858, khi thực dân Pháp nổ súng tấn công Đà Nẵng, cuộc chiến đấu chống xâm lược của nhân dân Việt Nam làm thất bại kế hoạch “đánh nhanh thắng nhanh” của thực dân Pháp. Các cuộc khởi nghĩa lan rộng ra các tỉnh Nam Kỳ và Bắc Kỳ, thu hút sự tham gia của đông đảo các tầng lớp quần chúng nhân dân với những hình thức đấu tranh phong phú. Thực dân Pháp phải tra qua 26 năm mới áp đặt được nền bảo hộ trên đất nước Việt Nam”

(Sách giáo viên Lịch sử 11, Bộ kết nối tri thức với cuộc sống, tr.91 – 92)

- Khi xâm lược Việt Nam vào nửa cuối thế kỉ XIX, thực dân Pháp đã chọn Đà Nẵng là điểm tấn công đầu tiên.
- Khi xâm lược Việt Nam, thực dân Pháp thực hiện kế hoạch “đánh nhanh thắng nhanh” và đã nhanh chóng hoàn thành xâm lược Việt Nam trong khoảng thời gian ngắn.
- Trong quá trình xâm lược, thực dân Pháp liên tục vấp phải sự kháng cự quyết liệt của các tầng lớp nhân dân Việt Nam.
- Năm 1884, thực dân Pháp đã áp đặt được nền bảo hộ trên đất nước Việt Nam.

Câu 7: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Tại Việt Nam, hơn 80 năm cai trị của chủ nghĩa thực dân đã để lại hậu quả nghiêm trọng. Thực dân Pháp chia Việt Nam làm ba kì với ba chế độ chính trị khác nhau, lập ra nhiều xứ tự trị, làm phức tạp các mối quan hệ vùng miền, tôn giáo, tộc người. Chính sách thuế khóa nặng nề và độc quyền nhiều loại hàng hóa, dịch vụ làm cho nền kinh tế Việt Nam què quặt, nghèo nàn, phụ thuộc vào chính quốc”

(Sách giáo khoa Lịch sử 11, Bộ cánh diều, tr.38)

- Đoạn trích phản ánh những tác động tích cực và tiêu cực của chế độ thực dân đối với Việt Nam.
- Trong quá trình cai trị Việt Nam, thực dân Pháp thi hành nhiều chính sách làm phức tạp thêm các mối quan hệ vùng miền, tôn giáo, tộc người, ngăn cản khối đoàn kết dân tộc ta.
- ... “thuế khóa nặng nề và độc quyền nhiều loại hàng hóa” là chính sách cai trị tàn bạo của thực dân Pháp về mặt chính trị đối với Việt Nam.
- Trong suốt hơn 80 năm dưới ách thống trị của thực dân Pháp, kinh tế Việt Nam tuy độc lập với kinh tế Pháp nhưng phát triển què quặt, nghèo nàn.

ĐÁP ÁN BÀI 6

Câu hỏi	Đáp án a	Đáp án b	Đáp án c	Đáp án d
Câu 1	S	Đ	S	S

Câu 2	S	Đ	S	S
Câu 3	Đ	S	S	Đ
Câu 4	Đ	Đ	S	S
Câu 5	Đ	S	S	Đ
Câu 6	Đ	S	Đ	Đ
Câu 7	S	Đ	S	S

GV LÀM BÀI 6: CÔ NHUNG

BÀI 6 - SỬ 11- CTST – CÔ Nguyễn Thị Thúy Trang

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“...Các nước phương Nam và phương Tây (từ vị trí Trung Quốc) muốn giao thiệp với Trung Quốc “đều phải đi theo con đường Giao Chỉ”. Thuyền buôn và sứ giả các nước Diệp Điều (Gia-va), Thiên (Miến Điện), Thiên Trúc (Ấn Độ), An Tức (I-răng), Đại Tần (Đông La Mã) đều qua lại Giao Châu và coi Giao Châu như một trạm dừng chân quan trọng để rồi sang Trung Quốc”.

A. Trong lịch sử, Việt Nam luôn phải đối phó với nhiều thế lực ngoại xâm và tiến hành nhiều cuộc chiến tranh bảo vệ tổ quốc vì có vị trí địa chiến lược quan trọng.

B. Việt Nam thuộc khu vực Đông Nam Á - khu vực nằm trên trục đường giao thông kết nối châu Á và châu Đại Dương, Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương.

C. Việt Nam là cầu nối giữa Trung Quốc với khu vực Đông Nam Á, giữa Đông Nam Á lục địa và Đông Nam Á hải đảo, giàu tài nguyên khoáng sản, dân cư đông đúc.

D. Việt Nam có vị trí chiến lược quan trọng trên cả đất liền và trên biển nằm trên trục giao thông quốc tế nối từ Đông Bắc Á xuống Đông Nam Á và khu vực Nam Á.

Trả lời:

a.....**Đ**..... b.....**Đ**..... c.....**Đ**..... d.....S.....

Câu 2: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“... Kể từ năm 1967, tốc độ tăng trưởng GDP của các nước Đông Nam Á luôn đạt mức cao (trừ năm 1998, năm đỉnh điểm của khủng hoảng tài chính châu Á). Từ năm 1999, tốc độ tăng trưởng GDP cao hơn so với mức trung bình của thế giới. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) trở thành nền kinh tế lớn thứ năm trên thế giới với GDP đạt khoảng 3000 tỉ USD từ năm 2018.”

(Trích: SGK Lịch sử 11, bộ kết nối tri thức, Tr.41)

A. Thời kỳ đầu sau khi giành độc lập, nhóm 5 nước sáng lập ASEAN tiến hành chiến lược kinh tế hướng nội nhằm xóa bỏ nghèo nàn, lạc hậu, xây dựng nền kinh tế tự chủ.

B. Khi thực hiện chiến lược kinh tế công nghiệp hóa thay thế nhập khẩu, hầu hết các nước ASEAN đều có mậu dịch đối ngoại tăng trưởng nhanh.

C. Việt Nam là một trong những nước thành viên sáng lập ASEAN, đến năm 1995 trở thành con rồng kinh tế của Đông Nam Á.

D. Khi thực hiện chiến lược công nghiệp hóa lấy xuất khẩu làm chủ đạo, năm nước sáng lập ASEAN gặp khó khăn do chi phí sản xuất cao dẫn đến tình trạng thua lỗ, GDP giảm, kinh tế suy thoái, khủng hoảng.

Trả lời:

a.....**Đ**..... b.....S..... c.....S..... d.....S.....

Câu 3: Đọc đoạn tư liệu sau đây :

Chính sách công nghiệp hóa thay thế nhập khẩu, đã giúp các nước sáng lập ASEAN đáp ứng được về cơ bản nhu cầu tiêu dùng của nhân dân, giải quyết nạn thất nghiệp, phát triển các ngành chế biến. Trong giai đoạn 1961 - 1966, thu nhập quốc dân của Thái Lan tăng 7,6%, dự trữ ngoại tệ tăng 15%. Một số vấn đề tôn giáo, sắc tộc từng bước được giải quyết.

Trong những năm 70 của thế kỉ XX, tốc độ tăng trưởng GDP của In-đô-nê-xi-a là 7 - 7,5%, Ma-lai-xi-a là 7,8%, Xin-ga-po trở thành một trong bốn con rồng kinh tế của Châu Á.

Năm 1980, tổng kim ngạch xuất khẩu của Thái Lan, Ma-la-xi-a, Xin-ga-po, In-đô-nê-xi-a, Phi-líp-pin đạt 130 tỉ USD, chiếm 14% tổng kim ngạch ngoại thương của các quốc gia đang phát triển.

(Trích SGK lớp 11 bộ Cánh Diều – 2023, Tr:39)

A. Trong quá trình thực hiện chiến lược kinh tế hướng ngoại từ những năm 60 - 70 của thế kỉ XX, 5 nước sáng lập ASEAN nền kinh tế, xã hội có sự biến đổi to lớn.

B. Từ những năm 50 - 60 của thế kỉ XX, các nước sáng lập ASEAN thực hiện chiến lược kinh tế hướng nội, lấy thị trường trong nước làm chỗ dựa để phát triển kinh tế.

C. Ma-lai-xi-a là quốc gia có diện tích lớn nhất ở Đông Nam Á và đạt tốc độ tăng trưởng cao nhất trong những năm 70 của thế kỉ XX.

D. Cuối thập niên 90 (thế kỉ XX), ASEAN là tổ chức liên kết kinh tế - chính trị lớn nhất hành tinh.

Trả lời:

a.....**D**.....

b.....**D**.....

c.....S.....

d.....S.....

Câu 4. Đọc đoạn tư liệu sau đây :

“Chiến tranh bảo vệ tổ quốc có vai trò quan trọng đối với sự sinh tồn và phát triển của dân tộc Việt Nam. Thắng lợi của những cuộc kháng chiến góp phần bảo vệ vững chắc nền độc lập, giữ gìn bản sắc văn hóa và tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình xây dựng đất nước. Chiến tranh bảo vệ tổ quốc còn có ý nghĩa to lớn trong việc hình thành và nâng cao lòng tự hào, ý thức tự cường và tô đậm những truyền thống tốt đẹp của dân tộc, đồng thời để lại nhiều bài học kinh nghiệm sâu sắc...”

(Trích SGK Lịch sử 11, bộ kết nối tri thức, trang 44 - 45).

A. Chiến tranh bảo vệ tổ quốc là các cuộc chiến tranh mạng tính chính nghĩa, tiến bộ.

B. Chiến tranh bảo vệ tổ quốc góp phần hình thành nên truyền thống yêu nước của dân tộc.

C. Tất cả các cuộc chiến tranh bảo vệ tổ quốc trong lịch sử dân tộc đều giành được thắng lợi.

D. Chiến tranh bảo vệ tổ quốc đã góp phần gìn giữ văn hóa và truyền thống dân tộc Việt Nam.

Trả lời:

a.....**D**.....

b.....**D**.....

c.....S.....

d.....**D**.....

Câu 5:

Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“ Quá trình thái thiết và phát triển ở Đông Nam Á những năm đầu thế kỉ XXI đang chuyển biến tích cực. Tháng 10 năm 2003, Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) được các nhà lãnh đạo ASEAN nhất trí phát triển thành Cộng đồng ASEAN với 3 trụ cột: Cộng đồng An ninh- Chính trị ASEAN (APSC), Cộng đồng Kinh tế (AEC) và Cộng đồng Văn hóa- Xã hội ASEAN (ASCC). Không chỉ gắn kết, liên kết về nội khối, ASEAN còn tích cực mở rộng quan hệ với đối tác bên ngoài, trở

thành một đối tác quan trọng của các nước lớn trong và ngoài khu vực. Đồng thời, tích cực thúc đẩy các nỗ lực thu hẹp khoảng cách để phát triển giữa các quốc gia thông qua các Chương trình công tác thực hiện sáng kiến liên kết ASEAN (IAI)”

(SGK lớp 11 Chân trời sáng tạo, trang 41)

a. ASEAN hiện nay đã phát triển với 3 trụ cột: Cộng đồng An ninh-Chính trị ASEAN (APSC), Cộng đồng Kinh tế (AEC) và Cộng đồng Văn hóa- Xã hội ASEAN (ASCC).

b. ASEAN thúc đẩy thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các quốc gia thông qua chương trình sáng kiến liên kết ASEAN (IAI).

c. ASEAN là một tổ chức liên kết khu vực lớn nhất và ngày càng có vai trò lớn trong quan hệ quốc tế, trở thành đối tác tin cậy của các nước lớn trên thế giới.

d. ASEAN là một tổ chức liên kết khu vực về kinh tế và văn hóa, tích cực mở rộng quan hệ với đối tác là các nước lớn trong và ngoài khu vực.

Trả lời:

a.....Đ.....

b.....Đ.....

c.....S.....

d.....Đ.....

Câu 6:

Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Chúng lập ba chế độ khác nhau ở Trung, Nam, Bắc để ngăn cản việc thống nhất nước nhà của ta, để ngăn cản dân tộc ta đoàn kết.

...chúng ràng buộc dư luận, thi hành chính sách ngu dân.

Chúng dùng thuốc phiện, rượu cồn để làm cho nòi giống ta suy nòi.

Về kinh tế, chúng bóc lột nhân dân ta đến tận xương tủy, khiến cho dân ta nghèo nàn, thiếu thốn, nước xơ xác, tiêu điều”.

(Hồ Chí Minh toàn tập, tập 4, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, trang 2,3)

a. Chế độ thực dân đã lập ba chế độ khác nhau ở Trung, Nam, Bắc để ngăn cản việc thống nhất nước nhà và sự đoàn kết của dân tộc ta.

b. Chúng đầu độc nhân dân ta bằng thuốc phiện, rượu cồn...thi hành chính sách ngu dân.

c. Chế độ thực dân đã tạo điều kiện để cho dân tộc ta được khai sáng văn minh phương Tây và tiếp thu tiến bộ khoa học-kỹ thuật để phát triển đất nước.

d. Chế độ cai trị của chế độ thực dân khiến nhân dân ta nghèo nàn, thiếu thốn....khiến đời sống nhân dân lầm than đau khổ.

Trả lời:

a.....Đ.....

b.....Đ.....

c.....S.....

d.....Đ.....

GV LÀM BÀI 6: CÔ Nguyễn Thị Thúy Trang

BÀI 7: CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (TRƯỚC NĂM 1945

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1:

Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Việt Nam có vị trí chiến lược quan trọng trên cả đất liền và trên biển, nằm trên các trục giao thông quốc tế ở khu vực Đông Nam Á, từ Đông Bắc Á xuống Đông Nam Á và Nam Á, từ Thái Bình Dương sang Ấn Độ Dương. Với vị trí chiến lược ấy, Việt Nam là địa bàn cạnh tranh ảnh hưởng của các cường quốc trên thế giới và khu vực. Từ thời cổ đại, Việt Nam đã thường xuyên phải đối mặt với những cuộc bành trướng của các nước lớn từ phía bắc xuống phía nam, từ phía đông (biển) vào lục địa và tiến hành nhiều cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc.

SGK Lịch sử 11, CTST, trang 43.

a. Việt Nam có vị trí chiến lược quan trọng trên cả đất liền và trên biển, nằm trên các trục giao thông quốc tế ở khu vực Đông Nam Á.

b. Vì có điều kiện thuận lợi về vị trí địa lý và khí hậu nên Việt Nam trở thành nơi để tất cả các nước trên thế giới chú trọng và đầu tư phát triển kinh tế.

c. Việt Nam là quốc gia phải thường xuyên đối mặt với những cuộc xâm lược của các nước lớn từ bắc xuống phía nam, từ phía đông (biển) vào lục địa.

d. Với điều kiện tự nhiên và vị trí chiến lược thuận lợi đã giúp Việt Nam phát triển vững mạnh, tránh khỏi nguy cơ xâm lược của các nước lớn trên thế giới.

Đáp án: a. Đúng

b. Sai

c. Đúng

d. Sai

Câu 2:

Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“ Những cuộc chiến tranh yêu nước đã tạo nên cho dân tộc ta một bản lĩnh kiên cường, một sức sống bền bỉ, mãnh liệt, đã hun đúc nên nhiều truyền thống tốt đẹp tiêu biểu là: lòng yêu nước tha thiết, ý chí độc lập tự chủ mạnh mẽ, tinh thần đoàn kết keo sơn, chí quật cường bất khuất, trí thông minh sáng tạo(...), dân tộc ta hiểu rõ và thấm sâu giá trị thiêng liêng của Độc lập Tự do. Vì thế “ không có gì quý hơn Độc lập Tự do ” sớm thành lẽ sống cao cả, tư tưởng và tình cảm lớn nhất của dân tộc ta.”

(Phan Huy Lê, Một số trận quyết chiến chiến lược trong lịch sử dân

tộc, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2016, trang 11)

a. Cuộc chiến tranh bảo vệ tổ quốc giành thắng lợi là nhờ sự đoàn kết toàn dân, trên dưới một lòng yêu nước, đây là nhân tố quyết định vận mệnh của dân tộc ta qua các thời kì đấu tranh.

b. Cuộc chiến tranh bảo vệ tổ quốc chỉ thắng lợi khi có sự đầu tư chiến thuật đúng đắn, sáng tạo của các tướng lĩnh tài giỏi.

c. Giá trị Độc lập Tự do được giành lại từ tay kẻ thù là tất yếu. Vì chúng là kẻ xâm lược, chỉ cần có sự dũng cảm kiên cường thì sẽ đánh bại mọi kẻ thù.

d. Dân tộc ta có truyền thống yêu nước và giá trị Độc lập Tự do có được từ những hy sinh lớn lao của các thế hệ cha ông, hình thành nên một dân tộc chiến binh, toàn dân đánh giặc.

Đáp án:

a- đúng

b- sai

c- sai

d- đúng

Câu 3:

Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Tiền Ngô Vương có thể lấy quân mới họp của nước Việt ta mà đánh tan được trăm vạn quân của Lưu Hoảng Tháo, mở nước xưng vương, làm cho người phương Bắc không dám lại sang nữa. Có thể nói là một lần nổi giận mà yên được dân, mưu giỏi mà đánh cũng giỏi vậy. Tuy chỉ xưng vương chưa lên ngôi đế, đời niên hiệu chính thống của nước Việt ta, ngô hầu đã nói lại được”.

- a. Ngô Quyền là vị tướng tài giỏi, đánh bại quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng lịch sử.
- b. Ngô Quyền xưng vương lên ngôi hoàng đế lập ra triều đại nhà nước phong kiến độc lập tự chủ cho dân tộc ta.
- c. Với trận thắng trên sông Bạch Đằng năm 938, Ngô Quyền đã góp phần kết thúc một ngàn năm Bắc thuộc, mở ra thời kì độc lập tự chủ cho dân tộc ta.
- d. Với chiến lược sáng tạo, Ngô Quyền đã đưa kế sách “đóng cọc gỗ trên sông Bạch Đằng” giúp cho quân ta thắng lớn trước quân Nam Hán

trả lời: a. Đúng

b. sai

c. Đúng

d. Đúng

Câu 4:

Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Lê Đại Hành (Lê Hoàn) cầm quyền mười đạo, giữ chức nhiếp chính, vua bé nước nguy, nhân thời chịu mệnh, giết vua Chiêm Thành để rửa cái nhục sứ thần bị bắt, phá quân Triệu Tống làm nhụt cái mưu tất thắng của chúng. Dùng bọn Hồng Hiến, Cự Lạng, Từ Mục, Từ An để làm tả hữu. Cày ruộng tịch điền ở Long Đội, mời người xử sĩ ở Tượng Sơn, kén dùng hiền tài, dựng mở trường học, có mưu lược to lớn của bậc đế vương”.

(Ngô Sĩ Liên, Đại Việt sử ký toàn thư, tập 1, Sđd, trang 122)

- a. Lê Hoàn là người lãnh đạo đánh bại quân Tống năm 981 trên sông Bạch Đằng lịch sử.
- b. Là vị vua đầu tiên đưa ra chính sách lễ cày tịch điền, khuyến khích sự phát triển kinh tế nông nghiệp.
- c. Là người lập nhà nước phong kiến đầu tiên, giành quyền tự chủ cho dân tộc ta.
- d. Là người được kế vị và lên ngôi vua nhà Tiền Lê sau khi đánh bại quân Tống.

trả lời: a. Đúng

b. đúng

c. sai

d. Sai

Câu 5:

“Hoàng Tháo là một đứa trẻ khờ dại, đem quân từ xa đến, quân lính còn mệt mỏi, lại nghe Công Tiễn đã chết, không có người làm nội ứng, đã mất vía trước rồi. Quân ta lấy sức khỏe địch với quân mệt mỏi, tất phá được. Nhưng bọn chúng có lợi ở chiến thuyền, ta không phòng bị trước thì thế thua được không biết sẽ ra sao. Nếu sai người đem cọc lớn vạt nhọn đầu, bịt sắt, đóng ngầm trước ở cửa biển, thuyền của bọn chúng theo nước triều lên vào trong hàng cọc thì sau đó ta dễ bề chế ngự, không có chiếc nào ra thoát”.

- a. Hoàng Tháo là người chỉ huy quân Nam Hán đánh chiếm nước ta năm 938.
- b. Ngô Quyền đã cho quân dân ta sử dụng kế sách “đóng cọc gỗ” dưới sông Bạch Đằng nhằm tiêu diệt quân Nam Hán.
- c. Quân Nam Hán thua to, vì quân của chúng yếu hơn ta rất nhiều. Đi từ xa đến mệt mỏi, quân ta đánh tất yếu sẽ giành chiến thắng.
- d. Trong trận đánh trên sông Bạch Đằng, ta giành thắng lợi nhờ lợi thế sông núi, chiến thuyền của ta mạnh hơn quân Hán rất nhiều.

Trả lời: a. Đúng

b. đúng

c. sai

d. Sai

Câu 6: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Vì vua tôi đồng tâm, anh em hòa mục, cả nước nhà góp sức, giặc phải bị bắt..., nó cậy trường trận, ta dựa vào đoản binh. Dùng đoản (binh) chế trường (trận) là sự thường của binh pháp. Nếu chỉ thấy quân nó kéo đến như lửa, như gió thì thế dễ chế ngự. Nếu nó tiến chậm như cách tầm ăn,

không cầu thắng chóng, thì phải chọn dùng tướng giỏi, xem xét quyền biến, như đánh cờ vậy, tùy thời tạo thế, có một đội quân một lòng như cha con thì mới dùng được. Vả lại, khoan thư sức dân để làm kế sâu rễ bền gốc, đó là thượng sách giữ nước vậy”.

(Ngô Sĩ Liên, Đại Việt sử ký toàn thư, tập 2, Sđd, trang 79)

- a. Một trong những nguyên nhân dẫn đến sự thắng lợi trong cuộc đấu tranh bảo vệ tổ quốc là sự đoàn kết toàn dân, trên dưới đồng lòng quyết tâm chống giặc cứu nước.
- b. Thắng lợi mọi kẻ thù xâm lược là nhờ sự lựa chọn các tướng chỉ huy giỏi, có cách đánh và nghệ thuật quân sự sáng tạo, tạo thế đánh nhanh thắng nhanh.
- c. Nhân tố quyết định dẫn đến sự thắng lợi của các cuộc đấu tranh bảo vệ tổ quốc là truyền thống yêu nước và ý chí kiên cường bất khuất trong đấu tranh bảo vệ độc lập.
- d. Đấu tranh bảo vệ tổ quốc là nhiệm vụ bắt buộc tất cả toàn dân tham gia đánh giặc, thời thế tạo anh hùng, tận dụng lợi thế địa hình sông, núi tạo thế lợi cho ta để đánh bại kẻ thù.

Đáp án: a - đúng b - sai c - đúng d - sai

GV LÀM BÀI 7: CÔ Nguyễn Thị Thúy Trang

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

CÂU 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm trong lịch sử Việt Nam đều mang tính chính nghĩa, nhằm mục đích bảo vệ độc lập dân tộc và chủ quyền lãnh thổ, chống lại hành động xâm lược và ý đồ nô dịch của thế lực ngoại bang. Tính chính nghĩa là cơ sở để tập hợp và phát huy sức mạnh toàn dân, đưa đến thắng lợi trước những kẻ thù hùng mạnh hơn từ bên ngoài.

Thắng lợi của các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm còn gắn liền với tinh thần đoàn kết dân tộc, từ đoàn kết trong nội bộ vương triều, giữa tướng lĩnh và binh sĩ đến đoàn kết giữa triều đình với nhân dân, giữa các tầng lớp nhân dân và các dân tộc. Bên cạnh đó, đường lối chiến lược, chiến thuật đúng đắn, hiệu quả cùng nghệ thuật quân sự sáng tạo, độc đáo và sự chỉ huy tài tình của các tướng lĩnh cũng là các yếu tố quan trọng, góp phần đưa đến thắng lợi của các cuộc kháng chiến”.

(SGK Lịch sử 11, bộ Cảnh điều, trang 49)

- a. Kẻ thù của các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm trong lịch sử Việt Nam trước 1858 đều là các triều đại phong kiến phương Bắc.
- b. Tất cả các cuộc chiến tranh bảo vệ tổ quốc trong lịch sử dân tộc Việt Nam trước năm 1858 đều giành được thắng lợi do có đường lối chiến lược, chiến thuật đúng đắn và hiệu quả.
- c. Các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm đã để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu cho công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc hiện nay.
- d. Các cuộc chiến tranh bảo vệ tổ quốc thắng lợi đều xuất phát từ nguyên nhân chung là đã phát huy được sức mạnh của toàn dân để tạo nên sức mạnh to lớn.

Đáp án : a. S b. S c. Đ d. Đ

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Triều đình đã né tránh mọi giải pháp tích cực để giữ gìn nền độc lập, luôn hi vọng cầu hòa, sợ sệt, hoặc đôi khi lại mang tư tưởng cầu viện phương bắc để giải quyết vấn đề sống còn của đất nước”.

(Võ Kim Cương (Chủ biên), Lịch sử Việt Nam, Tập 6, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2017, tr421)

- a. Triều Nguyễn đã tìm mọi cách để giữ gìn nền độc lập nhưng do vũ khí yếu kém nên phải chịu thất bại trước thực dân Pháp.
- b. Tư liệu trên là nguyên nhân chung dẫn đến thất bại của các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm trong lịch sử dân tộc Việt Nam.
- c. Xây dựng đường lối kháng chiến đúng đắn và phát huy sức mạnh đoàn kết toàn dân là bài học lịch sử được rút ra từ cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của triều Nguyễn.
- d. Trước sự xâm lược của ngoại bang, các triều đình phong kiến luôn cầu hòa phương bắc để giữ gìn nền độc lập.

Đáp án : a. S b. S c. Đ d. S

Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“ Chiến tranh bảo vệ tổ quốc có vai trò quan trọng đối với sự sinh tồn và phát triển của dân tộc Việt Nam. Thắng lợi của những cuộc kháng chiến góp phần bảo vệ vững chắc nền độc lập, giữ gìn bản sắc văn hóa và tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình xây dựng đất nước....Chiến tranh bảo vệ tổ quốc còn có ý nghĩa to lớn trong việc hình thành và nâng cao lòng tự hào, ý thức tự cường và tô đậm những truyền thống tốt đẹp của dân tộc, đồng thời để lại nhiều bài học kinh nghiệm sâu sắc....”

(SGK Lịch sử 11, bộ kết nối tri thức, trang 44-45).

- a. Tất cả các cuộc chiến tranh bảo vệ tổ quốc trong lịch sử dân tộc đều giành được thắng lợi.
- b. Chiến tranh bảo vệ tổ quốc góp phần hình thành truyền thống yêu nước.
- c. Chiến tranh bảo vệ tổ quốc tác động lớn đến tiến trình lịch sử dân tộc và quản lý đất nước.
- d. Chiến tranh bảo vệ tổ quốc thúc đẩy phát triển kinh tế và mở rộng lãnh thổ quốc gia.

Đáp án : a. S b. Đ c. Đ d. S

Câu 4. Đọc đoạn tư liệu sau:

“Việt Nam thuộc khu vực Đông Nam Á – khu vực nằm trên trục đường giao thông quan trọng kết nối châu Á và châu Đại Dương, Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương. Việt Nam cũng là cầu nối giữa Trung Quốc với khu vực Đông Nam Á, giữa Đông Nam Á lục địa với Đông Nam Á hải đảo. Cùng với nguồn tài nguyên phong phú, dân cư đông đúc,... Việt Nam trở thành một trong những quốc gia có vị trí chiến lược quan trọng. Vì vậy trong suốt tiến trình lịch sử, Việt Nam luôn phải đối phó với nhiều thế lực ngoại xâm và tiến hành nhiều cuộc chiến tranh bảo vệ tổ quốc.

(SGK Lịch sử 11, bộ kết nối tri thức, trang 44).

- a. Việt Nam có vị trí chiến lược quan trọng, là “cửa ngõ” tiến vào bán đảo Trung Ấn từ phía đông.
- b. Với vị trí chiến lược quan trọng, Việt Nam thường xuyên bị các nước phương tây xâm lược.
- c. Do vị trí địa lý quan trọng, Việt Nam phải trải qua hàng ngàn năm chống ngoại xâm bảo vệ tổ quốc.
- d. Việt Nam có vị trí đặc biệt vì vị trí của Việt Nam liên quan đến Trung quốc, Biển Đông và Đông Nam Á.

Đáp án : a. Đ b. S c. Đ d. Đ

Câu 5. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“ Khi nước triều lên, Quyền sai người đem thuyền nhẹ ra khiêu chiến, giả thua chạy để dụ địch đuổi theo. Hoàng Tháo quả nhiên tiến quân vào. Khi binh thuyền đã vào trong vùng đóng cọc, nước triều rút, cọc nhô lên Quyền bèn tiến quân ra đánh, ai nấy đều liều chết chiến đấu. Quân Hoàng Tháo không kịp sử thuyền mà nước triều rút rất gấp, thuyền đều mắc vào cọc mà lật úp, rối loạn tan vỡ”.

(Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Hậu Lê, Đại Việt sử ký toàn thư,

- a. Kháng chiến chống quân Nam Hán nhanh chóng thắng lợi vì Ngô Quyền đã đề ra cách đánh giặc độc đáo.
- b. Chiến thắng của Ngô Quyền trên sông Bạch Đằng mở ra thời kì độc lập cho dân tộc.
- c. Ngô Quyền được đánh giá là “vị tổ trung hưng”, “vua của các vua”.
- d. Trận thắng lợi của Ngô Quyền trên sông Bạch Đằng (938) là cơ sở sau này cho việc phục lại quốc thống.

Đáp án : a. Đ b. Đ c. Đ d. Đ

Câu 6. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Đầu năm 981, quân Tống dưới sự chỉ huy của Hầu Nhân Bảo tiến hành xâm lược Đại Cồ Việt. Lê Hoàn trực tiếp tổ chức và lãnh đạo cuộc kháng chiến. Khi tiến vào lãnh thổ Đại Cồ Việt, quân Tống liên tục bị chặn đánh. Nhiều trận chiến lớn đã diễn ra trên sông Lục Đầu, sông Bạch Đằng...”

(SGK Lịch sử 11, bộ Cánh diều, trang 44)

- a. Lê Hoàn đã kết hợp hai cách đánh “công” và “phòng” trên cả quy mô chiến lược và chiến thuật.
- b. Thắng lợi của cuộc kháng chiến đã khẳng định sự đoàn kết chiến đấu của quân dân ta.
- c. Lê Hoàn xứng đáng là “vua của các vua”.
- d. Trước thế cùng lực kiệt của địch, Lê Hoàn đã chủ động giảng hòa “Dùng biện sĩ bàn hòa, không nhọc tướng ta, khỏi tổn xương máu mà bảo toàn được tôn miếu”.

Đáp án : a. Đ b. Đ c. S d. S

Câu 7. Cho bảng dữ liệu về những cuộc chiến tranh bảo vệ tổ quốc trong lịch sử Việt Nam trước cách mạng tháng Tám.

Các cuộc kháng chiến thành công	<ul style="list-style-type: none">+ Năm 938, Ngô Quyền đánh thắng quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng.+ Năm 981, Lê Hoàn tổ chức, lãnh đạo quân và dân đánh thắng quân Tống trên sông Lục Đầu, sông Bạch Đằng khiến quân Tống rút lui.+ Từ năm 1258-1288, vua tôi nhà Trần 3 lần kháng chiến chống quân Mông-Nguyên, bảo vệ độc lập chủ quyền Đại Việt.
Các cuộc kháng chiến không thành công	<ul style="list-style-type: none">+ Năm 179 TCN, nhà Triệu hoàn thành thôn tính Âu Lạc.+ Năm 1407, cuộc kháng chiến chống quân Minh của nhà Hồ thất bại.+ Nửa sau thế kỉ XIX, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhà Nguyễn thất bại.

- a. Những cuộc chiến tranh bảo vệ tổ quốc trong lịch sử Việt Nam đều chống lại kẻ thù xâm lược đến từ phương Bắc.
- b. Các cuộc kháng chiến không thành công đều không có sự tham gia của quần chúng nhân dân.

- c. Các cuộc chiến tranh bảo vệ tổ quốc trong lịch sử Việt Nam đều giữ vững nền độc lập và chủ quyền của đất nước.
- d. Tất cả các cuộc kháng chiến thành công trong lịch sử đều có thủ lĩnh tài ba và kẻ thù đều đang lâm vào thời kì khủng hoảng.

Đáp án : a. S b. S c. S d. S

Câu 8. Cho bảng dữ liệu về những cuộc chiến tranh bảo vệ tổ quốc trong lịch sử Việt Nam trước cách mạng tháng Tám.

Các cuộc kháng chiến thành công	<ul style="list-style-type: none"> + Năm 938, Ngô Quyền đánh thắng quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng. + Năm 981, Lê Hoàn tổ chức, lãnh đạo quân và dân đánh thắng quân Tống trên sông Lục Đầu, sông Bạch Đằng khiến quân Tống rút lui. + Từ năm 1258-1288, vua tôi nhà Trần 3 lần kháng chiến chống quân Mông-Nguyên, bảo vệ độc lập chủ quyền Đại Việt.
Các cuộc kháng chiến không thành công	<ul style="list-style-type: none"> + Năm 179 TCN, nhà Triệu hoàn thành thôn tính Âu Lạc. + Năm 1407, cuộc kháng chiến chống quân Minh của nhà Hồ thất bại. + Nửa sau thế kỉ XIX, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhà Nguyễn thất bại.

- a. Những cuộc chiến tranh bảo vệ tổ quốc trong lịch sử trước cách mạng tháng Tám chủ yếu chống lại kẻ thù xâm lược đến từ phương Bắc.

- b. Các cuộc chiến tranh bảo vệ tổ quốc đều có sự tham gia của nhân dân.

- c. Các cuộc chiến tranh bảo vệ tổ quốc đều thể hiện tinh thần yêu nước của nhân dân ta

- d. Đến nửa cuối thế kỉ XIX, Việt Nam phải đối diện với kẻ thù xâm lược đến từ phương Tây.

Đáp án : a. Đ b. Đ c. Đ d. Đ

Câu 9. Đọc đoạn tư liệu sau:

“ Tháng 10-1075, trước những hành động chuẩn bị xâm lược Đại Việt của nhà Tống, nhà Lý thực hiện kế sách “Tiên phát chế nhân”, bất ngờ tấn công vào Ung Châu (Quảng Tây) và châu Khâm, châu Liêm (Quảng Đông). Sau khi rút quân về nước, nhà Lý khẩn trương chuẩn bị kháng chiến, xây dựng phòng tuyến quy mô lớn ở bờ nam sông cầu, phía bắc kinh thành Thăng Long.

Đầu năm 1076, hàng chục vạn quân Tống chia làm 2 đạo tiến vào Đại Việt.

Cuối mùa xuân năm 1077, Lý Thường Kiệt bất ngờ cho quân vượt sông, tấn công vào doanh trại địch. Quân Tống thiệt hại nặng

Giữa lúc quân Tống rơi vào tình thế khó khăn, bế tắc, thay vì tiếp tục tấn công tiêu diệt địch, nhà Lý chủ động kết thúc chiến tranh bằng cách đề nghị giảng hòa.”

(SGK Lịch sử 11, bộ Cánh diều, trang 45)

- a. Nhà Tống muốn xâm lược Đại Việt để giải quyết khó khăn trong nước.

- b. Cuộc kháng chiến chống Tống thắng lợi do tài thao lược của Lý Thường Kiệt.
- c. Dưới sự lãnh đạo của Lý Thường Kiệt, nhân dân Đại Việt đã dùng sức mạnh quân sự đè bẹp mọi ý đồ xâm lược của nhà Tống để kết thúc chiến tranh.
- d. Khi quân Tống rơi vào tình thế khó khăn, bế tắc nhà Lý đã chủ động kết thúc chiến tranh bằng cách đề nghị giảng hòa thể hiện qua Hội thề Đông Quan.

Đáp án : a. Đ b. Đ c. S d. S

Câu 10. Đọc đoạn tư liệu sau:

“ Tháng 10-1075, trước những hành động chuẩn bị xâm lược Đại Việt của nhà Tống, nhà Lý thực hiện kế sách “Tiên phát chế nhân”, bất ngờ tấn công vào Ung Châu (Quảng Tây) và châu Khâm, châu Liêm (Quảng Đông). Sau khi rút quân về nước, nhà Lý khẩn trương chuẩn bị kháng chiến, xây dựng phòng tuyến quy mô lớn ở bờ nam sông cầu, phía bắc kinh thành Thăng Long. Đầu năm 1076, hàng chục vạn quân Tống chia làm 2 đạo tiến vào Đại Việt. Cuối mùa xuân năm 1077, Lý Thường Kiệt bất ngờ cho quân vượt sông, tấn công vào doanh trại địch. Quân Tống thiệt hại nặng

Giữa lúc quân Tống rơi vào tình thế khó khăn, bế tắc, thay vì tiếp tục tấn công tiêu diệt địch, nhà Lý chủ động kết thúc chiến tranh bằng cách đề nghị giảng hòa.”

(SGK Lịch sử 11, bộ Cánh diều, trang 45)

- a. Trong kháng chiến chống Tống, nhà Lý luôn luôn ở thế chủ động.
- b. Cuộc kháng chiến chống Tống thời Lý diễn ra trong hoàn cảnh nước Đại Việt đang bước vào giai đoạn ổn định và phát triển.
- c. Trận quyết chiến giữa nhà Lý và quân Tống diễn ra ở phòng tuyến sông Như Nguyệt.
- d. Khi quân Tống rơi vào thế bế tắc, nhà Lý chủ động giảng hòa để thể hiện sự oai phong của mình.

Đáp án : a. Đ b. Đ c. Đ d. S

Câu 11. Đọc đoạn trích sau:

“Giữa năm 1784, 5 vạn quân Xiêm kéo vào Gia Định (Nam Bộ ngày nay) với danh nghĩa giúp Nguyễn Ánh. Đầu năm 1785, lực lượng Tây Sơn do Nguyễn Huệ chỉ huy tiến vào đặt đại bản doanh tại Mỹ Tho. Ngày 19.1.1785, trên sông Tiền (đoạn Rạch Gầm- Xoài Mút) đã diễn ra trận đánh quyết định giữa Tây Sơn và quân Xiêm”.

(SGK Lịch sử 11, bộ Cánh diều, trang 47)

- a. Nguyễn Huệ chọn Rạch Gầm- Xoài Mút làm trận quyết chiến với quân Xiêm.
- b. Nguyễn Huệ dùng chiến thuật: Đánh nhanh, tiêu diệt gọn, giải quyết chiến tranh trong trận quyết chiến.
- c. Nguyễn Huệ chủ động tấn công địch, đẩy địch vào thế bị động, sau đó chủ động giảng hòa kết thúc chiến tranh.
- d. Sau trận Rạch Gầm – Xoài Mút, “người Xiêm sợ quân Tây Sơn như sợ cọp”.

Đáp án : a. Đ b. Đ c. S d. Đ

Câu 12. Đọc đoạn trích sau:

“ Cuối năm 1788, theo cầu viện của vua Lê Chiêu Thống, nhà Thanh cử Tôn Sĩ Nghị dẫn 29 vạn quân tiến vào Đại Việt. Được tin, Nguyễn Huệ lên ngôi hoàng đế tại Phú Xuân (12-1788), lấy niên hiệu là Quang Trung, rồi nhanh chóng tiến quân ra Bắc.

Từ đêm 30 Tết Nguyên đán Kỷ Dậu (1789), quân Tây Sơn lần lượt tiêu diệt các đồn lũy của quân Thanh đóng ở phía nam Thăng Long. Mờ sáng mùng 5 tết, cánh quân do Quang Trung chỉ huy tiến

đánh và hạ đồn Ngọc Hồi. Cùng thời gian này, đạo quân của Đô đốc Long tấn công và hạ đồn Đống Đa. Quân Thanh nhanh chóng tan vỡ. Tôn sĩ Nghị hốt hoảng tháo chạy về nước”.

(SGK Lịch sử 11, bộ Cánh diều, trang 47)

- a. Nhà Thanh đem 29 vạn quân tấn công Đại Việt để giúp đỡ vua Lê Chiêu Thống.
- b. Quang Trung dùng chiến thuật: Đánh nhiều mũi, nhiều hướng, kết hợp chính binh với kì binh, đánh chính diện và đánh vu hồi, chia cắt, làm tan rã và tiêu diệt quân địch.
- c. Kháng chiến chống quân Xiêm và kháng chiến chống quân Thanh đều sử dụng nghệ thuật quân sự: Đánh nhanh, tiêu diệt gọn, giải quyết chiến tranh trong trận quyết chiến. Sau đó chủ động giải hòa để kết thúc chiến tranh.
- d. Quang Trung - Nguyễn Huệ là hoàng đế bách chiến bách thắng, lập nhiều chiến tích quân sự nhất trong lịch sử Việt Nam.

Đáp án : a. Đ b. Đ c. S d. Đ

Câu 13. Đọc đoạn tư liệu sau:

“Đầu năm 1258, thực hiện ý đồ đánh chiếm Nam Tống từ phía nam, 3 vạn quân Mông Cổ tràn vào Đại Việt. Nhà Trần chặn đánh địch tại Bình Lệ Nguyên (Vĩnh Phúc) nhưng không thành công.

Để bảo toàn lực lượng, triều đình nhà Trần rời Thăng Long, nhân dân thực hiện kế “thanh dã”. Quân Mông Cổ rơi vào tình thế khó khăn, bế tắc. Cuối tháng 1/1258, nhà Trần tổ chức phản công và giành thắng lợi lớn ở Đông Bộ Đầu, buộc Mông Cổ phải chạy về nước”.

(SGK Lịch sử 11, bộ Cánh diều, trang 47)

- a. Năm 1258, việc chiếm Đại Việt nằm trong chiến lược tổng thể của quân đội Mông Cổ nhằm tiêu diệt Nam Tống.
- b. Quân Mông Cổ muốn chiếm Đại Việt, sau đó biến thành 1 quận của mình và hoàn thành sự nghiệp mở rộng lãnh thổ.
- c. Nhà Trần sử dụng kế nghi binh, lừa địch vào trận địa mai phục.
- d. Chiến thắng của quân dân Đại Việt trong cuộc kháng chiến chống Mông Nguyên lần thứ nhất (1258) đã ghi dấu công lao của vua Trần Thái Tông và Trần Thủ Độ.

Đáp án : a. Đ b. S c. S d. Đ

Câu 14. Đọc đoạn tư liệu sau:

“Đầu năm 1285, 50 vạn quân Nguyên do Thoát Hoan chỉ huy từ phía bắc tràn vào lãnh thổ Đại Việt; Ở phía Nam, Toa Đô dẫn 10 vạn quân từ Chăm-pa, Thanh Hóa đánh ra. Trước thế giặc mạnh, quân nhà Trần buộc phải rời Thăng Long. Dưới sự lãnh đạo của triều đình, nhân dân tiếp tục thực hiện kế “thanh dã”, tiến hành chiến tranh du kích. Quân Nguyên từng bước rơi vào khó khăn.

Giữa năm 1285, dưới sự chỉ huy của Trần Quốc Tuấn, quân nhà Trần tổ chức phản công, giành thắng lợi lớn ở Tây Kết, Hàm Tử (Hưng yên); Chương Dương, Thăng Long (Hà Nội), Vạn Kiếp (Hải Dương),Quân Nguyên thiệt hại nặng nề, Thoát Hoan trốn chạy về nước”.

(SGK Lịch sử 11, bộ Cánh diều, trang 47)

- a. Chiến thắng của quân dân Đại Việt trong cuộc kháng chiến chống Mông Nguyên lần thứ hai đã ghi dấu công lao của vua Trần Thái Tông và Trần Quốc Tuấn.
- b. Các cuộc kháng chiến chống quân Mông Nguyên thời Trần giống nhau là đều thu hút được đông đảo quần chúng nhân dân tham gia.

- c. Thắng lợi của cuộc kháng chiến để lại bài học kinh nghiệm quý giá cho công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước hiện nay là củng cố khối đoàn kết toàn dân.
- d. Nhà Trần đã thực hiện kế sách “thanh dã” và chủ động rút lui để bảo toàn lực lượng.

Đáp án : a. S b. Đ c. Đ d. S

Câu 15. Đọc đoạn tư liệu sau:

“Đánh cho để dài tóc.

Đánh cho để đen răng.

Đánh cho nó chính luân bất phản.

Đánh cho nó phiến giáp bất hoàn.

Đánh cho sử tri nam quốc anh hùng chi hữu chủ”

- a. Đây là bài hiệu dụ của vua Quang Trung trước khi bước vào cuộc kháng chiến chống 29 vạn quân Thanh.
- b. Bài hiệu dụ nhằm mục đích khích lệ tinh thần binh sĩ trước khi bước vào trận đánh quyết định.
- c. Bài hiệu dụ có điểm tương đồng với bài thơ thần của Lý Thường Kiệt: Điều khẳng định chủ quyền độc lập dân tộc và thể hiện quyết tâm bảo vệ độc lập chủ quyền của nhân dân ta.
- d. Bài hiệu dụ khác biệt về mục đích với bài thơ Nam Quốc Sơn Hà của Lý Thường Kiệt.

Đáp án : a. Đ b. Đ c. Đ d. S

GV LÀM BÀI 7: THẦY(CÔ) HỒ THÀNH

BÀI 8 : MỘT SỐ CUỘC KHỞI NGHĨA VÀ CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (TỪ THẾ KỈ III TCN ĐẾN CUỐI THẾ KỈ XIX)

Câu 1: Đọc các đoạn tư liệu sau:

Tư liệu 1: Sử gia Lê Văn Hưu nói: “*Trung Trắc, Trung Nhị là đàn bà, hô một tiếng mà các quận Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố cùng 65 thành ở Lĩnh Ngoại đều hưởng ứng, việc dựng nước xưng vương dễ như trở bàn tay, có thể thấy hình thế đất Việt ta đủ dựng được nghiệp bá vương*”

(Ngô Sĩ Liên, *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1998, tr. 156, 157)

Tư liệu 2: Bà quê ở huyện Quân An, quận Cửu Chân (Thanh Hoá ngày nay). Căm thù chính sách đồng hoá, áp bức và bóc lột tàn bạo của nhà Ngô, Bà đã nêu ý chí: “*Tôi muốn cưỡi cơn gió mạnh, đạp đường sóng giữ, chém cá tròng kình ở bể đông, quét sạch bờ cõi, để cứu dân ra khỏi nơi đắm đuối, chứ không thềm bắt chước người đời cúi đầu cong lưng để làm tì thiếp người ta*”.

(Trần Trọng Kim, *Việt Nam sử lược*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2010, tr. 51)

- a. Đoạn tư liệu 2 nhắc đến nhân vật Trung Trắc
- b. Triệu Thị Trinh lãnh đạo cuộc khởi nghĩa chống triều đại nhà Ngô (Trung Quốc)
- c. Các cuộc khởi nghĩa được nhắc đến trong 2 đoạn tư liệu trên đều chống lại ách đô hộ của các triều đại phong kiến phương Bắc, trong thời kì nghìn năm Bắc thuộc
- d. *Quy mô cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng rất rộng lớn, gồm các quận Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố cùng 65 thành ở Lĩnh Ngoại*

a. S b. Đ c. Đ d. Đ

Câu 2: Đọc các đoạn tư liệu sau:

Tư liệu 1: “Nam đế nhà (Tiền) Lý dẫu sức không địch nổi giặc Lương đến nỗi công cuộc không thành, nhưng đã biết nhân thời cơ vùng dậy, tự làm chủ lấy nước mình, đủ làm thanh thế mở đường cho nhà Đinh, nhà Lý sau này...”.

(Quốc Sử quán Triều Nguyễn, *Khâm định Việt sử Thông giám cương mục*, tập 1, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1998, trang 164, 165)

Tư liệu 2: “Vị thế của người anh hùng Phùng Hưng không chỉ ở chỗ là người khởi xướng và lãnh đạo một cuộc khởi nghĩa chống chế độ đô hộ nhà Đường, mà còn ở chỗ là người mở đầu cho xu thế Việt trong lãnh đạo đất nước, là một vị “vua cha mẹ”.

(Trương Hữu Quỳnh, *Bảo tồn, tôn tạo và xây dựng Khu di tích lịch sử - văn hoá Đường Lâm*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2005, trang 24)

- a. Đoạn tư liệu 1 nhắc đến nhân vật Lý Bí
- b. Phùng Hưng lãnh đạo cuộc khởi nghĩa chống lại chế độ đô hộ của nhà Lương
- c. Các cuộc khởi nghĩa được nhắc đến trong 2 đoạn tư liệu trên đều giành được thắng lợi, lập được chính quyền tự chủ trong một khoảng thời gian
- d. Cuộc khởi nghĩa của Phùng Hưng thắng lợi đã mở đường cho sự thành lập của nhà Đinh, nhà Lý ở Đại Việt sau này

a. Đ b. S c. Đ d. S

Câu 3: Đọc đoạn trích sau đây trong bài thơ “Bình Ngô đại cáo” (Nguyễn Trãi):

“*Ninh Kiều máu chảy thành sông, hôi tanh muôn dặm
Tốt Động thầy phơi đày nổi, thói để nghìn thu
Tâm phúc giặc, Trần Hiệp phải bêu đầu
Sâu một dân, Lý Lượng cũng bỏ mạng
Vương Thông gỡ rối mà lửa lại càng bùng
Mã Anh cứu nguy mà giận càng thêm dữ*”

- a. Đoạn thơ trên phản ánh về cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tống của vương triều Lý
- b. Chiến thắng quân sự nổi bật được nhắc đến trong đoạn thơ trên là chiến thắng Tốt Động – Chúc Động
- c. Vương Thông, Mã Anh là những vị tướng chỉ huy tài giỏi của quân ta trong khởi nghĩa Lam Sơn
- d. Bình Ngô đại cáo được coi là bản tuyên ngôn độc lập thứ hai của nước ta sau “Nam quốc sơn hà”

a. S b. Đ c. S d. Đ

Câu 4: Đọc đoạn tư liệu sau:

“*Cuộc khởi nghĩa Tây Sơn là cuộc nông dân khởi nghĩa duy nhất trong thời phong kiến Việt Nam đã đánh bại kẻ thù trong và ngoài nước (...). Phong trào đã lật đổ nền thống trị của các tập đoàn phong kiến phản động, kết thúc tình trạng phân chia đất nước kéo dài trên hai thế kỉ, đánh tan quân xâm lược Xiêm và Thanh, đặt cơ sở cho công cuộc khôi phục quốc gia thống nhất sau này*”.

(Phan Huy Lê, *Tìm hiểu thêm về phong trào nông dân Tây Sơn*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1961, tr.37)

- a. Đoạn trích phản ánh đóng góp của phong trào Tây Sơn đối với lịch sử dân tộc thế kỉ XVIII
- b. Khởi nghĩa Tây Sơn là cuộc khởi nghĩa nông dân duy nhất trong lịch sử phong kiến Việt Nam
- c. Một trong những công lao to lớn của phong trào Tây Sơn là lật đổ các tập đoàn phong kiến phản động, thống nhất hoàn toàn quốc gia
- d. Khởi nghĩa Tây Sơn đã đánh tan quân xâm lược đến từ phương Tây, bảo vệ vững chắc độc lập dân tộc

a. Đ b. S c. S d. S

Câu 5: Đọc đoạn trích sau đây trong bài thơ “Bình Ngô đại cáo” (Nguyễn Trãi):

“ Nhân dân bốn cõi một nhà, dựng cần trúc ngọn cờ phấp phới
Tướng sĩ một lòng phụ tử, hòa nước sông chén rượu ngọt ngào
Thế trận xuất kì, lấy yếu chống mạnh
Dùng quân mai phục, lấy ít địch nhiều.

Trộn hay:

Đem đại nghĩa để thắng hung tàn,
Lấy chí nhân để thay cường bạo.

...

Chẳng đánh mà người chịu khuất, ta đây mưu phạt tâm công”

- a. Đoạn thơ trên là sự tổng kết về những nghệ thuật quân sự tài tình trong khởi nghĩa Lam Sơn
- b. Một trong những nghệ thuật quân sự được nhắc đến trong đoạn thơ trên là nghệ thuật tiến hành chiến tranh nhân dân
- c. “Mưu phạt tâm công” được nhắc đến trong đoạn thơ trên chính là một biểu hiện của nghệ thuật chiến tranh nhân dân
- d. “lấy yếu chống mạnh”, “lấy ít địch nhiều” được nhắc đến trong đoạn thơ trên không phải là một nghệ thuật quân sự đánh giặc

a. Đ b. Đ c. S d. S

Câu 6: Đọc đoạn tư liệu sau:

“Vào sáng ngày mùng 5 Tết, tiếng súng nổ liên hồi ở mạn tây nam làm Tôn Sĩ Nghị tỉnh giấc. Đồn Ngọc Hồi đã bị tấn công. Đang lo lắng hướng về phía đó đợi tin, Tôn Sĩ Nghị bỗng thấy lửa rực cháy ở phía Đống Đa và tiếng quân ta hò reo ngày càng gần. Y hốt hoảng, không còn biết xử trí sao nữa, đành nhảy lên “ngựa không kịp đóng yên, người không kịp mặc áo giáp” cùng một số tùy tùng chạy qua cầu phao, vượt sông Hồng lên mạn bắc. Quân sĩ thấy tướng đã chạy, bèn hùa nhau chạy theo chen chúc vượt qua cầu”

(Trương Hữu Quýnh, Đinh Xuân Lâm, Lê Mậu Hãn, Đại cương lịch sử Việt Nam toàn tập, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2008, tr. 42 – 423)

a. Đoạn trích phản ánh thắng lợi của nghĩa quân Lam Sơn trong cuộc kháng chiến chống quân Thanh

- b. Thắng lợi quân sự được nhắc đến trong đoạn trích diễn ra ở Ngọc Hồi, Đống Đa
- c. Tôn Sĩ Nghị là vị tướng chỉ huy của quân ta trong cuộc kháng chiến chống quân Thanh
- d. Đoạn trích chủ yếu nhằm phản ánh tinh thần đoàn kết của quân ta trong các trận quyền chiến chiến lược với kẻ thù

a. S b. Đ c. S d. S

Câu 7: Đọc đoạn tư liệu sau:

Đại cáo bình Ngô là bài cáo được viết bằng chữ Hán, do Nguyễn Trãi soạn thảo năm 1428, thay lời Lê Lợi để tuyên cáo về việc đã giành thắng lợi trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, khẳng định nền độc lập của quốc gia Đại Việt. Văn bản này vừa có giá trị đặc biệt đối với văn học, vừa giúp các nhà sử học tìm hiểu và trình bày lịch sử của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn một cách sống động, chi tiết về thời gian, không gian, nhân vật và sự kiện

- a. Đại cáo bình Ngô là bài cáo được viết bằng chữ Hán vào thế kỉ XVI
- b. Đại cáo bình Ngô là tài liệu có giá trị lớn về lịch sử, văn học và tư tưởng
- c. Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn chỉ có thể được khôi phục qua Đại cáo bình Ngô

d. Đại cáo bình Ngô là đối tượng nghiên cứu của một số ngành khoa học

a. S b. Đ c. S d. Đ

Câu 8: Cho bảng dữ kiện về diễn biến chính của khởi nghĩa Lam Sơn như sau

Giai đoạn	Diễn biến chính
1418 - 1423	Năm 1418, Lê Lợi dựng cờ khởi nghĩa ở Lam Sơn (Thanh Hóa). Quân Minh liên tục tổ chức tấn công, bao vây căn cứ Lam Sơn. Nghĩa quân ba lần phải rút lên núi Chí Linh, chịu nhiều tổn thất
1424 - 1426	Năm 1424, nghĩa quân chuyển vào Nghệ An, dựa vào đó quay ra đánh lấy Đông Đô. Nghĩa quân nhanh chóng giải phóng Nghệ An, Thanh Hóa rồi tấn công ra Bắc
1426 - 1427	Năm 1426, nghĩa quân đánh tan trên 5 vạn quân Minh trong trận Tốt Động – Chúc Động. Năm 1427, nghĩa quân đánh tan 15 vạn viện binh trong trận Chi Lăng – Xương Giang. Vương Thông ở thành Đông Quan chấp nhận nghị hòa, rút quân về nước

a. Khởi nghĩa Lam Sơn do Lê Lợi lãnh đạo bùng nổ vào cuối thế kỉ XV

b. Núi Chí Linh là nơi Lê Lợi chọn làm căn cứ lâu dài cho cuộc khởi nghĩa.

c. Tại trận Chi Lăng - Xương Giang, nghĩa quân Lam Sơn đã đánh tan đội quân cứu viện của nhà Minh.

d. Từ khi chuyển quân vào Nghệ An năm 1424, nghĩa quân đã mở rộng được nhiều vùng giải phóng

a. S b. S c. Đ d. Đ

Câu 9: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Khởi nghĩa Lam Sơn đã phát triển thành một cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc, có tính chất nhân dân rộng rãi. Cuộc khởi nghĩa thắng lợi đã chấm dứt thời kì đô hộ của nhà Minh, khôi phục nền độc lập dân tộc, đập tan âm mưu thủ tiêu nền văn hóa Đại Việt, mở ra thời kì phát triển mới của đất nước.

a. Khởi nghĩa Lam Sơn là một cuộc khởi nghĩa địa phương phát triển thành phong trào dân tộc.

b. Cuộc khởi nghĩa đã giành thắng lợi, quân Minh đã phải rút quân về nước.

c. Đây là cuộc khởi nghĩa có quy mô cả nước, mang tư tưởng nhân nghĩa.

d. Khởi nghĩa Lam Sơn thắng lợi đã đưa nước ta thành một cường quốc trong khu vực.

a.S

b. Đ

c.Đ

d.S

Câu 10. Hãy xác định câu đúng hoặc sai về : Sự kiện đã kết thúc hoàn toàn hơn 1000 đô hộ của phong kiến phương Bắc, mở ra thời kì độc lập, tự chủ lâu dài cho dân tộc Việt Nam.

a. Khởi nghĩa Phùng Hưng lật đổ ách đô hộ của nhà Đường, giành quyền tự chủ.

b. Khởi nghĩa Lý Bí chống nhà Lương thắng lợi, lập ra nhà nước Vạn Xuân.

c. Trận chiến trên sông Bạch Đằng (938) do Ngô Quyền lãnh đạo thắng lợi.

d. Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn do Lê Lợi lãnh đạo kết thúc thắng lợi hoàn toàn.

a.S

b. S

c.Đ

d.S

ĐÁP ÁN BÀI 8

Câu hỏi	Đáp án a	Đáp án b	Đáp án c	Đáp án d
1	S	Đ	Đ	Đ
2	Đ	S	Đ	S
3	S	Đ	S	Đ

4	Đ	S	S	S
5	Đ	Đ	S	S
6	S	Đ	S	S
7	S	Đ	S	Đ
8	S	S	Đ	Đ
9	S	Đ	Đ	S
10	S	S	Đ	S

GV LÀM BÀI 8: CÔ BÙI THỊ DIỆP

BÀI 9: CUỘC CẢI CÁCH CỦA HỒ QUÝ LY VÀ TRIỀU HỒ (CUỐI THẾ KỈ XIV, ĐẦU THẾ KỈ XV)

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1: Cho đoạn tư liệu sau:

“Cuối năm 1406 - 1407, quân Minh kéo vào xâm lược nước ta, cuộc kháng chiến của nhà Hồ đã thất bại thảm hại, kéo theo sự sụp đổ của vương triều Hồ và kết thúc cuộc cải cách còn đang dang dở của Hồ Quý Ly. Cuộc xâm lược của nhà Minh là một nhân tố bên ngoài góp phần làm cho công cuộc cải cách của Hồ Quý Ly nhanh chóng bị thất bại”.

Một số chuyên đề lịch sử Việt Nam - NXB Đại học quốc gia Hà Nội, tr.85

- A.** Nhân tố chủ quan góp phần làm cho cuộc cải cách của Hồ Quý Ly nhanh chóng thất bại là cuộc xâm lược của nhà Minh.
- B.** Cuộc cải cách của Hồ Quý Ly còn tồn tại một số hạn chế, đó cũng là một trong những nguyên nhân khiến cuộc cải cách của nhà Hồ nhanh chóng thất bại.
- C.** Những hạn chế trong cải cách của Hồ Quý Ly đã tác động xấu đến khả năng thu phục nhân tâm và tinh thần đoàn kết trong nước.
- D.** Sự sụp đổ của nhà Hồ do cả những yếu tố chủ quan và khách quan mang lại. Trong đó yếu tố quan trọng nhất là thế giặc quá mạnh, khó bề chống đỡ.

A. Sai. B. Đúng. C. Đúng. D. Sai

Câu 2: Cho đoạn tư liệu sau:

“Năm 1397, Hồ Quý Ly chủ trương mở trường học ở các châu, phủ, cử các quan Giáo thụ trông coi, đôn đốc việc học tập. Nhà nước quy định số lượng ruộng đất cấp để sử dụng việc học ở các địa phương gọi là Học điền. Tùy theo quy mô từng địa phương mà số lượng ruộng đất cấp từ 12 đến 15 mẫu. Năm 1404, trong các kì thi Hương có thêm kì thi môn làm tính và môn toán, thành ra 5 kì thi. Nhà nước giao trách nhiệm cho các quan, các lộ, phủ, châu phải tuyển chọn được người giỏi đưa vào triều sát hạch để bổ dụng”.

Một số chuyên đề lịch sử Việt Nam - NXB Đại học quốc gia Hà Nội, tr.80.

- A.** Hồ Quý Ly nhận thức đúng về vai trò của giáo dục đối với sự phát triển của đất nước.
- B.** Cải cách về giáo dục của Hồ Quý Ly chưa chú trọng tới việc đề cao tinh thần yêu nước, ý thức tự cường của dân tộc.
- C.** Nhà Hồ là triều đại đầu tiên đưa Toán học vào nội dung thi cử.
- D.** Nhà Hồ là triều đại đầu tiên đưa Khoa cử là phương thức tuyển chọn quan lại chủ yếu.

A. Đúng. B. Sai. C. Đúng. D. Sai.

Câu 3: Đọc tư liệu về sơ đồ tiến trình cải cách về kinh tế - xã hội của Hồ Quý Ly và triều Hồ:

“ - 1396: In và phát hành tiền giấy “Thông bảo hội sao”. Cấm và thu hết tiền đồng đời sang tiền giấy.

- 1397: Hạn chế sở hữu ruộng đất quy mô lớn của tư nhân. Quy định mức sở hữu tối đa về ruộng đất.

- 1398: Xóa bỏ tình trạng che giấu, gian dối về ruộng đất. Lập sổ ruộng trên cả nước.

- 1401: Hạn chế gia nô, chủ gia nô chỉ có được một số nô tì nhất định. Kiểm soát hộ tịch trên cả nước.

- 1402: Điều chỉnh thuế khóa, tăng thuế ruộng, hạ thuế bãi dâu và thu theo hạng đất, ...”

Sgk lịch sử 11. Bộ Cánh Diều. tr. 64.

A. Chính sách “hạn điền”, “hạn nô” giúp cho nhà nước có thêm ruộng đất công và nhân lực tự do, tạo nền tảng thúc đẩy kinh tế, xã hội.

B. Chính sách cải cách của Hồ Quý Ly đã sinh ra một bộ phận “người Việt ích kỉ” đặt lợi ích cá nhân cao hơn sự tồn vong của dân tộc.

C. Năm 1407, nước ta rơi vào ách đô hộ của nhà Minh, đó hoàn toàn là lỗi của Hồ Quý Ly và nhà Hồ.

D. Một trong những sai lầm trong cải cách của Hồ Quý Ly là độc đoán, nóng vội, thiếu sự mềm dẻo, dẫn đến khủng hoảng niềm tin trong dân.

A. Đúng.

B. Đúng.

C. Sai.

D. Đúng.

Câu 4: Cho đoạn tư liệu sau:

“ Năm 1397: Lộ đặt chức An phủ sứ và An phủ phó sứ. Phủ đặt chức Trấn phủ sứ và Trấn phủ phó sứ. Châu đặt chức Thông phán và Thiêm phán, Huyện đặt chức Lệnh úy và Chủ bạ để cai trị, Lộ thống nhiếp phủ, phủ thống nhiếp châu, châu thống nhiếp huyện. Các việc hộ tịch, tiền thóc, ngục tụng đều làm chung thành sổ sách của một lộ, đến cuối năm báo lên sảnh để làm bằng cứ mà khảo xét...”

Sgk lịch sử 11. Bộ Cánh Diều. tr. 64.

A. Sau khi thành lập nhà Hồ, Hồ Quý Ly bắt đầu tiến hành cải cách trên nhiều lĩnh vực: chính trị, kinh tế, xã hội, quốc phòng...

B. Hồ Quý Ly đã thành lập các đơn vị hành chính, các chức quan mới để thay thế hoàn toàn bộ máy nhà nước cũ.

C. Năm 1397, Hồ Quý Ly tập trung tiến hành cải cách chính trị, hành chính, tạm gác lại những cải cách về quân sự quốc phòng.

D. Những cải cách của Hồ Quý Ly nhằm mục đích xóa bỏ quyền lực của quý tộc Trần, không nhằm mục đích củng cố và phát triển đất nước, nên không được nhân dân ủng hộ

A. Sai.

B. Sai.

C. Sai.

D. Sai.

Câu 5: Cho đoạn tư liệu sau:

“Xã hội Đại Việt cuối thế kỉ XIV đang lâm vào cuộc khủng hoảng sâu sắc: chính quyền suy yếu, bọn nịnh thần chuyên quyền, dòng họ thống trị phân tán sa đọa, kinh tế nông nghiệp sa sút nghiêm trọng, đã dẫn đến chỗ nông dân nghèo, gia nô, nô tì nổi dậy chống đối hay chạy trốn. Trong lúc đó, những cuộc tấn công đánh phá của Chăm-pa lại liên tục diễn ra, - dù cuối cùng bị đẩy lùi hẳn-, đã làm cho đời sống của nhân dân thêm khổ cực. Đã thế, Đại Việt lại đứng trước nguy cơ một cuộc ngoại xâm ngày càng đến gần. Bên trong khủng hoảng, ngoài giặc đe dọa, đó là những tiền đề dẫn đến cuộc cải cách của Hồ Quý Ly”.

- A.** Cuối thế kỉ XIV, nhà Trần mất đi sự hưng thịnh trước đó, bắt đầu lâm vào khủng hoảng.
B. Cuộc khủng hoảng của nhà Trần cuối thế kỉ XIV, như một lối mòn, một quy luật chung của chế độ phong kiến.
C. Cuối thế kỉ XIV, nhà Trần phải đối phó với nhiều cuộc tấn công của ngoại bang, nhiều cuộc nổi loạn của nô tì. Điều đó càng làm nhân dân tin tưởng và ủng hộ nhà Trần.
D. Sự sụp đổ của nhà Trần (cuối thế kỉ XIV) là một tất yếu lịch sử.

A. Sai.

B. Đúng.

C. Sai.

D. Đúng.

Câu 6: Cho đoạn tư liệu sau:

“Cuối thế kỉ XIV, do mất mùa đói kém, nông dân đã phải bán vợ, bán con, bán mình làm nô tì cho các quý tộc, địa chủ giàu có. Bọn này nhân đó xâm chiếm hoặc mua rẻ ruộng đất mở rộng điền trang, tăng thêm số người làm. Các cuộc chiến tranh với Ai Lao, Chăm-pa lại buộc dân nghèo phải bỏ ruộng đồng. Nhà nước không còn sức quan tâm đến sản xuất nông nghiệp, sửa đắp và bảo vệ đê điều, các công trình thủy lợi. Trong nửa sau thế kỉ XIV đã có 9 lần vỡ đê, lụt lớn. Có những năm vừa hạn vừa lụt như năm 1348, 1355, 1393... Hậu quả tất yếu của thiên tai và chiến tranh là mất mùa, đói kém. Chỉ tính từ nửa đầu thế kỉ XIV cho đến năm 1379 đã có hơn 10 nạn đói lớn, dân nghèo đã phải bán cả nhà cửa, con cái, ruộng vườn...”

Đại cương lịch sử Việt Nam tập 1 - NXB Giáo Dục. tr 251.

- A.** Cuối thế kỉ XIV, nhà Trần rơi vào khủng hoảng trầm trọng trên tất cả các lĩnh vực: Chính trị, xã hội, kinh tế, quốc phòng...
B. Nguyên nhân chính dẫn đến cuộc khủng hoảng của nhà Trần cuối thế kỉ XIV, là do sự chia rẽ, chống phá của Hồ Quý Ly.
C. Mặc dù nhà Trần đã cố gắng tu sửa đê điều, chăm lo thủy lợi, nhưng vẫn không khắc phục được tình trạng vỡ đê lụt lội.
D. Đời sống của nhân dân Đại Việt cuối thế kỉ XIV có nhiều khổ cực. Đây là nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn xã hội gay gắt, bùng nổ nhiều cuộc khởi nghĩa.

A. Đúng.

B. Sai.

C. Sai.

D. Đúng.

Câu 7: Cho đoạn tư liệu sau:

“Nửa cuối thế kỉ XIV, vua Chăm-pa thường xuyên đánh phá vùng biên giới phía Nam Đại Việt, và cũng có vài ba lần tiến quân đánh phá kinh thành Thăng Long, vua Trần phải đi lánh nạn. Nhiều lần nhà Trần đem quân chống cự nhưng không ít lần bị thất bại như các lần vào năm 1376, 1378, 1383, 1389. Bây giờ, nhà Minh (Trung Quốc) lợi dụng sự suy yếu của nhà Trần, ra sức yêu sách, buộc nhà Trần phải chấp nhận...”

Một số chuyên đề lịch sử Việt Nam - NXB Đại học quốc gia Hà Nội,

tr.80

- A.** Sự suy thoái của nhà Trần cuối thế kỉ XIV, được thể hiện qua sự bất lực trước các cuộc xâm lược và sự sách nhiễu của nước ngoài.
B. Nhận được lời cầu cứu của Hồ Quý Ly, các thế lực ngoại bang đã tiến đánh Đại Việt.
C. Nguyên nhân chính khiến Ai Lao, Chăm-pa tiến đánh Đại Việt là do chính sách cai trị và bóc lột của nhà Trần.
D. Nhà nước Đại Việt cuối cùng đã bị nhà Minh đô hộ, bắt đầu thời kì Bắc thuộc kéo dài hai thập kỉ.

A. Đúng.

B. Sai.

C. Sai.

D. Sai.

Câu 8: Cho đoạn tư liệu sau:

“Năm 1405, nạn đói xảy ra. Nhà Hồ lệnh cho các quan địa phương đi khám xét nhà giàu có thừa thóc, bắt phải bán cho dân đói theo thời giá. Nhà Hồ cũng đặt Quảng tế thự để chữa bệnh cho dân...”

... Do nhu cầu tăng cường lực lượng quân sự, chuẩn bị chống ngoại xâm, những năm cuối thế kỉ XVI đầu thế kỉ XV, cũng xuất hiện những súng đại bác (súng Thần cơ), những thuyền lớn đi biển có lầu với tên gọi “Tải lương cổ lâu”, sự thực là những thuyền chiến...”

Đại cương lịch sử Việt Nam tập 1 - NXB Giáo Dục. tr 254 - 255.

A. Đầu thế kỉ XV, sau khi lật đổ nhà Trần, nhà Hồ đã thực hiện chính sách chăm lo đời sống nhân dân.

B. Những cải cách của Hồ Quý Ly hướng tới mục đích khắc phục khủng hoảng, ổn định và phát triển đất nước, giữ vững độc lập chủ quyền.

C. Cuối thế kỉ XIV đầu thế kỉ XV, Hồ Quý Ly xây dựng lực lượng quân sự mạnh, vũ khí hiện đại để chuẩn bị tấn công nhà Minh.

D. Những việc làm của Hồ Quý Ly (cuối XIV - đầu XX) chỉ đơn thuần là việc tranh giành ngôi báu, địa vị, quyền lợi cho bản thân.

A. Đúng.

B. Đúng.

C. Sai.

D. Sai..

Câu 9: Đọc đoạn tư liệu sau:

“Tiền giấy chẳng qua chỉ là mảnh giấy vuông, phí tổn chỉ đáng năm ba đồng tiền, mà đem đổi lấy vật đáng 5 - 6 trăm đồng của người ta, cố nhiên không phải là cái đạo đúng mức. Vả lại, người có tiền giấy cất giữ cũng dễ rách nát, mà kẻ làm giả mạo sinh ra không cùng, thực không phải là cách bình ổn vật giá mà lưu thông của cải của dân vậy. Quý Ly không xem xét kĩ đến cái gốc lợi hại, chỉ ham chuộng hư danh sáng chế, để cho tiền của hàng hoá thường vẫn lưu thông tức là sinh ra ứ đọng, khiến dân nghe thấy đã sợ, thêm mối xôn xao, thế có phải là chế độ bình trị đâu”.

(Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập 2, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2006, tr.112)

A. Tiền giấy “Thông bảo hội” mà Hồ Quý Ly ban hành dễ bị làm giả và khó cất giữ

B. Việc sử dụng tiền giấy thay tiền đồng không ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế hàng hóa lúc bấy giờ

C. Đoạn trích phê phán việc thay tiền đồng bằng tiền giấy của Hồ Quý Ly

D. Một trong những nhược điểm của việc sử dụng tiền giấy lúc bấy giờ là dễ bị làm giả

A. Đúng.

B. Sai.

C. Đúng.

D. Đúng.

Câu 10: Đọc đoạn tư liệu sau:

“Về văn hoá, tư tưởng, cải cách của Hồ Quý Ly thể hiện tinh thần phát huy văn hoá dân tộc, đề cao chữ Quốc ngữ (chữ Nôm), đồng thời bài bác tư tưởng các thánh hiền Trung Quốc mà gần như toàn thể giới nho sĩ bấy giờ vẫn coi là bất khả xâm phạm. Về giáo dục, nội dung cải cách thể hiện tinh thần yêu nước, tính đại chúng và gắn bó với cuộc sống.

(Phan Đăng Thanh - Trương Thị Hoà, *Cải cách Hồ Quý Ly*, NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh, 2012, tr.156)

A. Đoạn trích đề cập đến cải cách của Hồ Quý Ly trên tất cả mọi lĩnh vực

B. Cải cách về văn hóa, tư tưởng của Hồ Quý Ly thể hiện nhiều điểm tích cực, tiên bộ

C. Về chữ viết, Hồ Quý Ly đề cao và khuyến khích sử dụng chữ Hán, đồng thời vẫn cho phép người dân được sử dụng chữ Nôm trong sáng tác thơ văn

D. Một trong những ưu điểm trong cải cách của Hồ Quý Ly là nội dung giáo dục thể hiện tinh thần yêu nước, mang tính quần chúng sâu sắc

A. Sai.

B. Đúng.

C. Sai.

D. Đúng.

Câu 11: Đọc đoạn tư liệu sau:

“Năm 1397, tháng 6, xuống chiếu hạn chế danh điền (ruộng tư). Đại vương và trưởng công chúa thì số ruộng không hạn chế; đến thứ dân thì số ruộng là 10 mẫu. Người nào có nhiều nếu có tội, thì cho tùy ý được lấy ruộng để chuộc tội, bị biếm chức hay mất chức cũng được làm như vậy. Số ruộng thừa phải hiến cho nhà nước.”

(Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Hậu Lê, *Đại Việt sử kí toàn thư*, NXB Khoa học xã hội, tr.291, 293)

A. Chính sách hạn điền của Hồ Quý Ly đã hạn chế sự phát triển của chế độ tư hữu ruộng đất

B. Chính sách hạn điền được áp dụng với tất cả mọi đối tượng trong xã hội, kể cả Đại vương

C. Chính sách hạn điền chắc chắn sẽ vấp phải sự chống cự của quý tộc Trần và một bộ phận nông dân có ruộng tư

D. Với chính sách hạn điền, tùy theo chức vụ và cấp bậc, số lượng ruộng đất sở hữu của tư nhân sẽ ít dần đi

A. Đúng.

B. Sai.

C. Đúng.

D. Đúng.

Câu 12: Đọc đoạn tư liệu sau:

Năm 1402, “Định lại các lệ thuế và tô ruộng. Triều trước mỗi mẫu thu 3 thăng thóc, nay thu 5 thăng. Bãi dâu triều trước thu mỗi mẫu 9 quan hoặc 7 quan tiền, nay thu hạng thượng đẳng mỗi mẫu 5 quan tiền giấy, hạng trung đẳng mỗi mẫu 4 quan tiền giấy, hạng hạ đẳng 3 quan tiền giấy. Tiền nộp hàng năm của đình nam trước thu 3 quan, nay chiếu theo số ruộng, người nào chỉ có 5 sào ruộng thì thu 5 tiền giấy, từ 6 sào đến 1 mẫu thì thu 1 quan, ... Đình nam không có ruộng và trẻ mồ côi, đàn bà góa, thì dầu có ruộng cũng thôi không thu”

(Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Hậu Lê, *Đại Việt sử kí toàn thư*, NXB Khoa học xã hội, HN, 1998, tr.203, 204)

A. Trong cải cách của mình, Hồ Quý Ly đã cho điều chỉnh thể khóa, tăng thuế ruộng, hạ thuế bãi dâu

B. Nội dung cải cách trên đã hạn chế đáng kể sở hữu ruộng đất quy mô lớn của tư nhân

C. Thể lệ thu thuế trong cải cách của Hồ Quý Ly được chia theo các hạng đất chứ không cào bằng như trước

D. Chính sách thu thuế của Hồ Quý Ly thể hiện sự nhân đạo và tiến bộ với một số đối tượng đặc biệt khó khăn trong xã hội

A. Đúng.

B. Sai.

C. Đúng.

D. Đúng.

GV LÀM BÀI 9 : PHẠM ÁNH

Bài 10. CUỘC CẢI CÁCH CỦA LÊ THÁNH TÔNG

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1: Đọc tư liệu sau:

“Sau khi lên ngôi vua, Lê Thánh Tông đã nhận thức được tầm quan trọng của tầng lớp trí thức trong công cuộc xây dựng đất nước, nên ngay từ đầu ông đã chú trọng giáo dục khoa cử, coi

trọng con đường khoa cử là con đường chính thức để lựa chọn và đào tạo nhân tài. Để làm được điều đó, Lê Thánh Tông đã cho xây dựng hệ thống trường học, đội ngũ giảng dạy từ trung ương đến địa phương, ra sức chỉ đạo việc học tập, giáo dục con đường khoa cử lấy Nho học làm trung tâm. Giáo dục đào tạo lấy việc bồi dưỡng giáo dục nhân tài làm điều trọng yếu”.

(Trích “Giáo dục khoa cử Nho học; chính sách thu hút nhân tài của Lê Thánh Tông”, Tạp chí nghiên cứu lí luận, phát hành ngày 25/10/2017).

- a) Dưới thời Lê Thánh Tông, giáo dục được đề cao.
- b) Dưới thời Lê Thánh Tông con em thường dân có điều kiện thi thố tài năng.
- c) Tất cả quan lại dưới thời Vua Lê Thánh Tông đều được tuyển chọn qua khoa cử.
- d) Thi cử là phương pháp hữu hiệu nhất để lựa chọn được những nhân tài.

a) Đ b) Đ c) S d) Đ

Câu 2: “Ngay từ thời Lê Thái Tổ, nhà Lê không cho con cháu quan lại đi trấn các nơi, không được phân đi trấn giữ các ngoại trấn, hay giữ các chức vụ quan trọng trong triều nếu không có tài, học hành kém”

(Trích tạp chí khoa học trường Đại học Cần Thơ, số 54, năm 2008)

- a) Đoạn trích đề cập đến vấn đề sử dụng quan lại dưới thời Lê.
- b) Tất cả quan lại dưới triều Lê đều được tuyển chọn qua thi cử.
- c) Hạn chế việc anh em, họ hàng cùng làm quan một vùng.
- d) Để lại bài học cho việc bổ nhiệm cán bộ ngày nay.

a) Đ b) S. c) Đ d) Đ

Câu 3: Đọc đoạn trích sau, trả lời câu hỏi:

“Năm 1477, Lê Thánh Tông ban hành chế độ quân điền, chia ruộng đất công làng xã cho người dân, từ quan tam phẩm trở xuống đến binh lính, dân đinh, cư dân trong thôn xã theo tỉ lệ. Chính sách quân điền phủ định quyền chi phối ruộng đất công của làng xã theo tục lệ, buộc làng xã phải tuân thủ những nguyên tắc quy định về phân chia và hưởng thụ bộ phận ruộng đất công theo quy định của nhà nước. Trên nguyên tắc, ruộng đất công làng xã không được đem mua bán, chuyển nhượng, quyền đó thuộc về vua. Vua trở thành người chủ lớn nhất trong cả nước và nông dân làng xã trở thành tá điền của nhà nước, làng xã quản lý ruộng đất cho nhà nước trung ương và nhà vua”.

(Phan Huy Lê, *Lịch sử Việt Nam*, tập 2, Sdd, trang 109, 112).

- a) Chính sách quân điền đã tạo điều kiện cho người dân có ruộng để cày cấy.
- b) Ruộng đất công làng xã chỉ có vua mới được chuyển nhượng, mua bán.
- c) Các công thần có công được nhà nước ban thưởng bằng ruộng đất.
- d) Chính sách quân điền được thực hiện theo tục lệ của làng xã.

a) Đ b) Đ c) Đ d) S

Câu 4. Đọc đoạn tư liệu sau đây.

Cải cách dưới triều vua Lê Thánh Tông là một cuộc cải cách khá toàn diện về mọi mặt, trọng tâm là cải cách hành chính, bao gồm cả thể chế lẫn quan chế. Kết quả đã xây dựng được hệ thống hành chính thống nhất trên phạm vi cả nước theo hướng tinh gọn, phân cấp, phân nhiệm minh bạch, có sự ràng buộc và giám sát lẫn nhau, bảo đảm sự chỉ đạo và tập trung quyền lực của chính quyền trung ương và của nhà vua. Các hoạt động kinh tế, pháp luật, quân sự, văn hoá, giáo dục đều đạt được tiến bộ hơn hẳn so với các thời trước đó.

- a. Cuộc cải cách Lê Thánh Tông thực hiện khá toàn diện và đồng bộ, nhất là hành chính.
- b. Thành công của cuộc cải cách đã hoàn chỉnh bộ máy quân chủ chuyên chế tập quyền.

- c. Cuộc cải cách thành công đã góp phần xóa bỏ những mâu thuẫn giai cấp trong xã hội.
d. Đây là cuộc cải cách đầu tiên và lớn nhất có trong lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam.

a) Đ b) Đ c) S d) S

Câu 5: Đọc đoạn tư liệu sau đây.

Cuộc cải cách của Lê Thánh Tông “khiến cho quan to, quan nhỏ đều ràng buộc với nhau. Chức trọng chức khinh đề kiềm chế lẫn nhau. Uy quyền không bị lợi dụng, thế nước vậy là khí lay”

(Ngô Sĩ Liên, *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập II, Sđd, tr.454)

- a. Bộ máy nhà nước thời Lê sơ trở nên hoàn chỉnh, chặt chẽ.
b. Sự kiềm chế, giám sát lẫn nhau giữa các cơ quan dẫn đến mâu thuẫn nội bộ trong triều đình sâu sắc.
c. Đặt cơ sở cho hệ thống hành chính của Đại Việt nhiều thế kỉ sau đó.
d. Các cơ quan giám sát lẫn nhau để hạn chế sự lạm quyền và nâng cao trách nhiệm.

a) Đ b) S c) Đ d) Đ

Câu 6. Đọc đoạn tư liệu sau đây.

“Các chính sách cải cách về ruộng đất góp phần khẳng định quyền sở hữu tối cao của Nhà nước tạo nền tảng cho nền kinh tế nông nghiệp phát triển. Chính sách giáo dục khoa cử đã tạo được hệ thống quan lại trí thức có tài, đủ năng lực quản lí đất nước.”

(*Sách giáo khoa, Bộ KNTTVCS, trang 68*)

- a, Chính sách hạn điền của vua Lê Thánh Tông góp phần khẳng định quyền sở hữu tối cao của Nhà nước tạo nền tảng cho nền kinh tế nông nghiệp phát triển.
b, Tuyển chọn quan lại chủ yếu bằng khoa cử, nhằm hạn chế phe cánh và sự thao túng quyền lực.
c, Thời vua Lê Thánh Tông, Nhà nước chú trọng xây dựng đội ngũ quan lại có năng lực, phẩm chất đạo đức tốt thông qua con đường khoa cử.
d, Các chính sách cải cách về ruộng đất của vua Lê Thánh Tông góp phần triệt để vấn đề ruộng đất cho nông dân.

a) S b) S c) Đ d) S

Câu 7. Đọc đoạn tư liệu sau đây.

“Cuộc cải cách của vua Lê Thánh Tông có ý nghĩa quan trọng trong việc làm chuyển biến toàn bộ những hoạt động của quốc gia, tạo cơ sở cho vương triều Lê Sơ phát triển vững mạnh, đất nước hưng thịnh.”

(*Sách giáo khoa, Bộ KNTTVCS, trang 68*)

- a, Cuộc cải cách của vua Lê Thánh Tông góp phần làm cho các hoạt động kinh tế, pháp luật, quân sự, văn hoá, giáo dục thời Lê Sơ tiến bộ hơn so với các thời trước đó.
b, Cuộc cải cách của vua Lê Thánh Tông góp phần tăng cường hiệu quả của bộ máy quan lại và đưa nhà Lê sơ đạt đến đỉnh cao.
c, Tất cả những nội dung cải cách của vua Lê Thánh Tông vẫn còn nguyên giá trị cho đến tận ngày nay.
d, Mô hình nhà nước Lê sơ, trở thành thể chế chính thống ở Việt Nam từ thế kỉ XVI đến nay.

a) Đ b) Đ c) S d) S

Câu 8. Đọc đoạn tư liệu sau đây.

“Cuộc cải cách của vua Lê Thánh Tông có ý nghĩa quan trọng trong việc làm chuyển biến toàn

bộ những hoạt động của quốc gia, tạo cơ sở cho vương triều Lê sơ phát triển vững mạnh, đất nước hưng thịnh.”

(Sách giáo khoa, Bộ KNTTVCS, trang 68)

a, Cuộc cải cách của vua Lê Thánh Tông tạo cơ sở cho vương triều Lê Sơ phát triển vững mạnh, đất nước hưng thịnh.

b, Thành công của cuộc cải cách đã góp phần làm chuyển biến toàn bộ hoạt động của quốc gia, làm cho triều Lê sơ đạt đến đỉnh cao của mô hình dân chủ.

c, Mô hình dân chủ thời Lê sơ đã trở thành khuôn mẫu của các nhà nước phong kiến ở Việt Nam suốt từ thế kỉ XVI đến cuối thế kỉ XIX.

d, Cuộc cải cách của vua Lê Thánh Tông đã xây dựng một mô hình nhà nước thực sự do dân, vì dân.

a) Đ

b) S

c) S

d) S

Câu 9: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Năm 1477, vua Lê Thánh Tông ban hành chính sách lộc điền và quân điền. Với chế độ quân điền, người dân đều được cấp cho ruộng đất công để cày cấy. Thẻ lệ thuế khóa (thuế đinh, thuế ruộng, thuế đất bãi trồng dâu) được nhà nước quy định theo hạng. Việc canh nông được khuyến khích. Nhà nước đặt Hà đê quan và Khuyến nông quan để quản lý việc đê điều, nông nghiệp; đặt Đồn điền quan để khuyến khích việc khẩn hoang, mở rộng diện tích”

(Sách giáo khoa Lịch sử 11, Bộ chân trời sáng tạo, tr.70)

a. Chính sách quân điền và chính sách lộc điền được ban hành năm 1477 là một trong những cải cách của vua Lê Thánh Tông trên lĩnh vực chính trị, hành chính.

b. Người dân được nhận ruộng đất theo chế độ lộc điền phải thực hiện một số nghĩa vụ đối với Nhà nước.

c. Hà đê quan, Khuyến nông quan, Đồn điền quan là những chức quan phụ trách quản lý và phát triển nông nghiệp.

d. Thẻ lệ thuế khóa đối với người dân được cấp ruộng đất để cày cấy thu theo từng hạng đất

chứ không thu cào bằng.

a. S

b. S

c. Đ

d. Đ

VUI LÒNG TẢI XUỐNG BẢN WORD ĐỂ SỬ DỤNG ĐẦY ĐỦ NỘI DUNG

Câu 10: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Hiền tài là nguyên khí của nhà nước, nguyên khí mạnh thì trị đạo mới thịnh, khoa mục là đường thẳng của quan trường, đường thẳng mở thì chân nho mới có”. (Tiến sĩ triều Lê, Thân Nhân Trung)

a. Đoạn trích nói về chính sách coi trọng nhân tài và đào tạo quan lại qua khoa cử của nhà Lê.

b. Thời Lê thực hiện chính sách coi trọng nhân tài, loại bỏ hoàn toàn hình thức tiến cử.

c. Nhân tài là yếu tố duy nhất quyết định vận mệnh của quốc gia, dân tộc.

d. Nghĩa vụ và trách nhiệm của nhân tài đối với đất nước dưới thời Lê.

a. Đ

b. S

c. S

d. S

Câu 11. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Năm 1477, Lê Thánh Tông ban hành chế độ quân điền, chia ruộng đất công làng xã cho người dân, từ quan tam phẩm trở xuống đến binh lính, dân đinh, cư dân trong thôn xã theo tỉ lệ. Chính sách quân điền phủ định quyền chi phối ruộng đất công của làng xã theo tục lệ, buộc làng xã phải tuân thủ những nguyên tắc quy định về phân chia và hưởng thụ bộ phận ruộng đất công theo quy định của nhà nước. Trên nguyên tắc, ruộng đất công làng xã không được đem mua bán, chuyển

nhượng, quyền đó thuộc về vua. Vua trở thành người chủ lớn nhất trong cả nước và nông dân làng xã trở thành tá điền của nhà nước, làng xã quản lý ruộng đất cho nhà nước trung ương và nhà vua”.

(Phan Huy Lê, *Lịch sử Việt Nam*, tập 2, Sđd, trang 109, 112)

- a) Nhà nước nắm quyền quản lý tối cao về ruộng đất.
- b) Tất cả quan lại triều đình và nhân dân được chia ruộng đất theo tỉ lệ bằng nhau.
- c) Chính sách quân điền góp phần ổn định trật tự xã hội, khôi phục sản xuất nông nghiệp.
- d) Nông dân làng xã đã được giải phóng khỏi chính sách thuế khoá.

a. Đ b. S c. Đ d. S

Câu 12. Đọc đoạn tư liệu sau

Về bộ máy nhà nước thời Lê sơ: “Xuất phát từ những yêu cầu mới về chính trị, trong những năm 1460 – 1471, vua Lê Thánh Tông tiến hành một cuộc cải cách hành chính lớn. Các chức vụ trung gian giữa vua và các cơ quan hành chính như *Tướng quốc, Bộc xạ, Tư đồ, Đại hành khiển*,... đều bị bãi bỏ. Vua trực tiếp chỉ đạo sáu bộ. Giúp việc cụ thể có các *tự, Viện hàn lâm, Viện quốc sử, Quốc tử giám*,... Bộ phận thanh tra quan lại được tăng cường, ngoài *Ngự sử đài* còn có *sáu khoa* chịu trách nhiệm theo dõi các bộ. Về võ, vua là người chỉ huy tối cao, bên dưới có năm quân đô đốc phủ, các vệ quân bảo vệ kinh thành và kinh đô. Ở các đạo thừa tuyên, vua Lê Thánh Tông đặt ba ty: *Đô tổng binh* sứ ty phụ trách quân đội, *Thừa tuyên* sứ ty phụ trách các việc dân sự, *Hiển sát* sứ ty phụ trách việc thanh tra quan lại trong đạo thừa tuyên của mình. Các phủ có tri phủ; huyện, châu có tri huyện, tri châu đứng đầu. *Đứng đầu xã là xã trưởng*”.

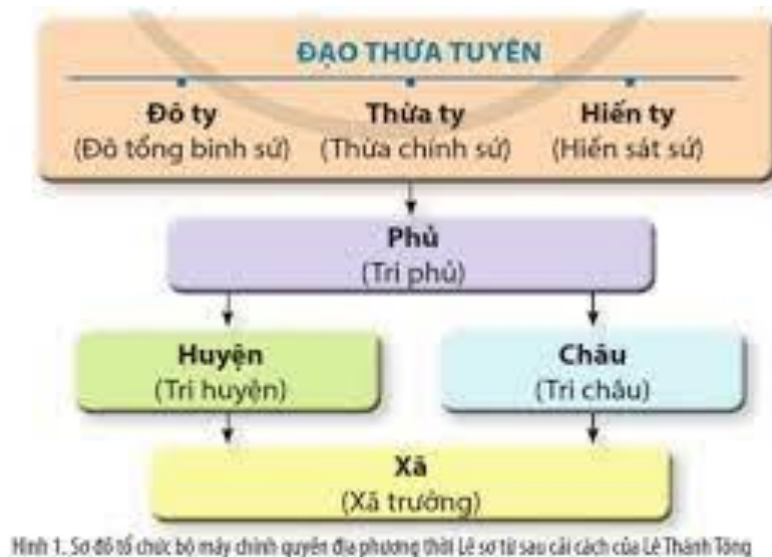
(Theo Trương Hữu Quýnh (Chủ biên), *Đại cương Lịch sử Việt Nam*, tập 1, NXB Giáo dục, 2005, tr. 320 - 321)

- a. Đoạn trích mô tả về cuộc cải cách luật pháp của vua Lê Thánh Tông.
- b. Vua Lê Thánh Tông rất coi trọng chức năng giám sát thông qua hoạt động của Lục khoa, Đô sát viện, Hiến ty.
- c. Để giảm quyền lực của những người đứng đầu các đạo, vua Lê Thánh Tông xóa bỏ hết các chức quan đại thần, trực tiếp chỉ đạo các cơ quan chuyên môn.
- d. Bộ máy nhà nước và những qui chế của nó do vua Lê Thánh Tông xây dựng đã đánh dấu một thời thịnh trị trong chế độ quân chủ chuyên phong kiến Việt Nam.

a. S b. Đ c. S d. Đ

Câu 13. Quan sát sơ đồ sau:

Sơ đồ tổ chức bộ máy chính quyền địa phương thời Lê sơ từ sau cải cách của Lê Thánh Tông



- Bộ máy nhà nước thời Lê sơ trở nên hoàn chỉnh, chặt chẽ
- Giảm bớt quyền lực của nhà Vua, nâng cao quyền lực của các quan lại địa phương
- Đặt cơ sở cho hệ thống hành chính của Đại Việt nhiều thế kỉ sau đó
- Các cơ quan giám sát lẫn nhau để hạn chế sự lạm quyền và nâng cao trách nhiệm.

a. Đ b. S c. Đ d. Đ

Câu 14: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Năm 1471, nhằm tăng cường sự kiểm soát chỉ đạo của vua đối với các triều thần, tăng cường tính hiệu lực và hiệu quả của bộ máy quan lại, Lê Thánh Tông đã bãi bỏ một số chức quan đại thần có công nhưng không có học thức, thay vào đó bằng các văn quan được tuyển chọn qua thi cử nhằm hạn chế chia bè, kéo cánh trong triều đình, hạn chế sự thao túng quyền lực của các công thần. Việc ông trực tiếp quản lí các bộ đã hạn chế sự công kênh, quan liêu của bộ máy hành chính”.

(Phan Huy Lê, *Lịch sử Việt Nam*, tập 2, NXB Giáo dục, Hà Nội, trang

91)

a. Đoạn trích cung cấp thông tin về một số biện pháp cải cách của vua Lê Thánh Tông trên lĩnh vực chính trị, quân sự

- Một số quan lại đương chức nhưng không có học thức đã bị Lê Thánh Tông bãi bỏ, thay thế vào đó là những người được tuyển chọn qua hình thức khoa cử
- Năm 1471, vua Lê Thánh Tông đã thực hiện một số biện pháp thể hiện sự trọng dụng đặc biệt đối với bộ phận công thần trong triều
- Những cải cách của Lê Thánh Tông năm 1471 đã khiến quyền lực được tập trung cao độ vào trong tay nhà vua

a. S b. Đ c. S d. Đ

Câu 15: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Con gái hứa gả chồng mà chưa thành hôn nếu người con trai bị ác tật hay phạm tội hoặc phá tán gia sản thì cho phép người con gái kêu quan mà trả lại đồ lễ. Nếu người con gái bị ác tật hay phạm tội thì không phải trả lại đồ lễ, trái luật bị phạt 80 trượng” (Điều 322).

“Phá trộm dê làm thiệt hại nhà cửa, lúa má của dân thì xử tội đồ hay tội lưu và bắt đền thiệt hại” (Điều 596).

(Quốc triều hình luật (Luật hình triều Lê) (Viện Sử học dịch), NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2017, tr.113 – 114, 190)

a. Quốc triều hình luật là bộ luật tiêu biểu của quốc gia Đại Việt được ban hành dưới triều vua Lê Thánh Tông.

b. Điều 322 của bộ Quốc triều hình luật là một điều luật tiến bộ, đã bảo vệ quyền lợi của người phụ nữ trong xã hội.

c. Điều 596 của bộ Quốc triều hình luật là một trong những điều luật quy định hình thức xử phạt của phạm nhân vi phạm trên lĩnh vực chính trị.

d. Với điều 596, ta có thể thấy rằng, bộ Quốc triều hình luật hướng tới bảo vệ những quyền lợi chân chính của nhân dân, nhất là nông dân.

a. Đ

b. Đ

c. S

d. Đ

ĐÁP ÁN BÀI 10

Câu hỏi	Đáp án a	Đáp án b	Đáp án c	Đáp án d
Câu 1	Đ	Đ	S	Đ
Câu 2	Đ	S	Đ	Đ
Câu 3	Đ	Đ	Đ	S
Câu 4	Đ	Đ	S	S
Câu 5	Đ	S	Đ	Đ
Câu 6	S	S	Đ	S
Câu 7	Đ	Đ	S	S
Câu 8	Đ	S	S	S
Câu 9	S	S	Đ	Đ
Câu 10	Đ	S	S	S
Câu 11	Đ	S	Đ	S
Câu 12	S	Đ	S	Đ
Câu 13	Đ	S	Đ	Đ
Câu 14	S	Đ	S	Đ
Câu 15	Đ	Đ	S	Đ

GV LÀM BÀI 10: CÔ HOÀNG HẬU

BÀI 11: CUỘC CẢI CÁCH CỦA MINH MẠNG (NỬA ĐẦU THẾ KỈ XIX)

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Nội các là một cơ yếu, phải đặc cách chọn lấy những bề tôi châu hầu tùy tùng ở bên nhà vua khiến cho ra vào gần gũi đề phòng khi cần hỏi han. Những người sung vào chức đó thì lấy ở hàng quan Tam, Tứ phẩm trong các bộ, các viện, còn các thuộc viên thì lấy những người có chức hàm trong Viện hàn lâm sung vào, các bậc thì ở dưới Lục bộ. Phàm những sắc, chiếu, sớ tấu, sách vở, ghi chép, hoặc xem xét giấy tờ, đều thuộc tòa Nội các cả; những viên chức đó đều tùy theo công việc nặng nhẹ, nhiều ít, chức lượng mà chia ra từng tào để cho có chuyên trách”.

(Lời dụ của Minh Mạng, trích trong: Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Tập 3, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2004)

- a. Nội các là một trong những cơ quan chủ chốt của triều đình phong kiến trung ương nhà Nguyễn từ thời vua Minh Mạng.
- b. Toàn bộ các thành viên của Nội các đều lấy từ các chức quan ở trong Lục bộ
- c. Theo lời dụ của Minh Mạng, một trong những nhiệm vụ của Nội các là giúp vua khởi thảo sắc, chiếu, sớ tấu...
- d. Nội các chịu trách nhiệm trực tiếp trước nhà vua, đồng thời chịu sự giám sát của Lục bộ và các cơ quan chuyên môn khác.

a. Đ b. S c. Đ d. S

Câu 2: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Từ năm 1832, đại diện của Đô sát viện, bộ Hình và Đại lý tự tạo thành Tam pháp ty – cơ quan chuyên nhận đơn của những người kêu oan, tố cáo, đồng thời thẩm tra, xét xử những việc oan ức. Hàng tháng, vào các ngày 6, 16, 26 âm lịch, Tam pháp ty họp để xét xử. Nếu không đúng những ngày đó, người đưa đơn có thể đến trước của Tam pháp ty đánh trống Đăng Văn để báo hiệu. Trống Đăng Văn đã phát huy được chức năng trong việc tạo điều kiện cho dân chúng thể hiện tiếng nói của mình mỗi khi bị kết án oan. Đồng thời, sự tồn tại của trống Đăng Văn đã phần nào hạn chế sự chuyên quyền, độc đoán và thói ức hiếp dân chúng của một số quan lại địa phương, thể hiện được sự nghiêm minh của pháp luật thời bấy giờ.

- a. Đoạn trích tập trung phản ánh sự bất cập, hạn chế trong xử lý các hình án dưới thời kì nhà Nguyễn.
- b. Tam pháp ty được tạo nên bởi các thành viên của 3 cơ quan, gồm: Đô sát viện, bộ Hình và Đại lý tự.
- c. Trống Đăng Văn có thể coi là một biểu tượng dân chủ dưới triều Nguyễn, góp phần hạn chế sự chuyên quyền, độc đoán của một số quan lại.
- d. Tam pháp ty là cơ quan chuyên nhận đơn của những người kêu oan và họp bàn xét xử vào một

số ngày cố định trong tháng.

a. S b. Đ c. Đ d. Đ

Câu 3: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Dưới thời vua Minh Mạng, đứng đầu tỉnh là Tổng đốc (phụ trách một tỉnh lớn và một tỉnh nhỏ liền kề) hoặc Tuần phủ (phụ trách một tỉnh nhỏ). Hai cơ quan giúp việc cho Tổng đốc và Tuần phủ là Bố chính ty (do Bố chính sứ đứng đầu) và Án sát ty (do Án sát sứ đứng đầu). Bố chính ty phụ trách thuế khóa, đình điền, hộ tịch. Án sát ty phụ trách hình án.

- a. Đoạn trích phản ánh bộ máy chính quyền dưới thời vua Minh Mạng ở cấp trung ương.
- b. Một trong những cải cách hành chính của vua Minh Mạng là chia nước ta ra thành các tỉnh.
- c. Dưới thời vua Minh Mạng, Bố chính ty và Án sát ty là hai cơ quan giúp việc cho người đứng đầu cấp tỉnh.
- d. Tổng đốc thường là người phụ trách hai tỉnh, trực tiếp cai trị một tỉnh. Tỉnh còn lại do Tuần phủ đứng đầu, đặt dưới sự kiểm quản của Tổng đốc.

a. S b. Đ c. Đ d. Đ

Câu 4: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Năm 1802, nhà Nguyễn thành lập với lãnh thổ mới rộng lớn, kéo dài từ ải Nam Quan đến mũi Cà Mau. Thời gian đầu, bộ máy chính quyền về cơ bản tiếp tục kế thừa mô hình nhà Lê trung hưng

kết hợp với một số biện pháp tạm thời. Thời Gia Long, triều đình trung ương ở Phú Xuân chỉ trực tiếp kiểm soát 4 dinh và 7 trấn từ Thanh Hóa đến Bình Thuận. Quản lý 11 trấn ở phía bắc là Bắc Thành, quản lý 5 trấn ở phía nam là Gia Định Thành. Đứng đầu Bắc Thành và Gia Định Thành là chức Tổng trấn.

- a. Đoạn trích cung cấp thông tin về tình hình nhà Nguyễn dưới thời vua Gia Long trên các mặt chính trị, kinh tế, xã hội
- b. Bộ máy chính quyền dưới thời vua Gia Long thiếu sự thống nhất và đồng bộ trên phạm vi cả nước.
- c. Dưới thời vua Gia Long, quyền lực của nhà vua và triều đình phong kiến trung ương bị hạn chế.
- d. Sự tồn tại của Bắc Thành và Gia Định thành bộc lộ tính phân quyền và tiềm ẩn nhiều nguy cơ lạm quyền ở địa phương.

a. S b. Đ c. Đ d. Đ

Câu 5: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“ Trong thì Nội các ở bên tả, Cơ mật viện ở bên hữu, ngoài thì võ có Ngũ quân Đô thống phủ, văn có đường quan Lục bộ: tả hữu có người, trong ngoài giúp nhau. Phàm những việc Lục bộ làm chưa đúng, thì Nội các hạch ra, những việc Nội các làm chưa hợp lẽ thì Cơ mật viện hạch ra, khiến cho ràng rịt nhau mới mong đến được thịnh trị”.

(Lời dụ của Minh Mạng, trích trong Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Tập 3, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2004, tr.435)

- a. Lời dụ của vua Minh Mạng phản ánh tổ chức bộ máy chính quyền phong kiến ở cấp trung ương và địa phương
- b. Nội các, Cơ mật viện, Lục bộ là những cơ quan chủ chốt trực tiếp giúp việc cho vua và chịu trách nhiệm trước nhà vua
- c. Vua Minh Mạng rất coi trọng việc kiểm tra, giám sát lẫn nhau giữa các cơ quan chủ chốt trong triều

d. Ngũ quân Đô thống phủ là cơ quan chuyên môn giúp đỡ Lục bộ về tổ chức quân đội, võ bị ở các địa phương

a. S b. Đ c. Đ d. S

Câu 6: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Tháng 9 năm 1832, Minh Mạng lập ra Đô sát viện. Nhiệm vụ của Đô sát viện là giám sát hoạt động của các quan chức trong hệ thống cơ quan hành chính từ trung ương đến địa phương. Đây là một cơ quan hoạt động độc lập, không chịu sự kiểm soát của bất kì một cơ quan nào ở triều đình ngoài nhà vua. Các quan chức của Đô sát viện có nhiệm vụ phối hợp với các Giám sát ngự sử 16 đạo để hoạt động kiểm soát và kiểm tra công việc của bộ máy quan lại ở địa phương”

(Nguyễn Cảnh Minh, Đào Tố Uyên, *Một số chuyên đề lịch sử cổ trung đại Việt Nam*, NXB Đại học Sư phạm, 2009, tr.104)

- a. Đô sát viện là một cơ quan chủ chốt của triều đình phong kiến trung ương được vua Minh Mạng thành lập thế kỉ XVIII
- b. Đô sát viện là cơ quan chỉ chịu sự kiểm soát và giám sát duy nhất của nhà vua
- c. Đô sát viện có nhiệm vụ giám sát các cơ quan, quan lại các cấp từ trung ương đến địa phương
- d. Trong việc kiểm tra, giám sát công việc của bộ máy quan lại ở địa phương, Đô sát viện hoạt động độc lập với các Giám sát ngự sử 16 đạo.

a. S b. Đ c. Đ d. S

Câu 7: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Cuộc cải cách của vua Minh Mạng diễn ra trên nhiều lĩnh vực và lĩnh vực nào cũng để lại dấu ấn tích cực và bài học lịch sử cho hậu thế. Một trong những dấu ấn cải cách trên lĩnh vực văn hóa của vua Minh Mạng là việc thành lập Quốc sử quán vào tháng 7 – 1820. Quốc sử quán vừa là một nội dung trong cải cách của Minh Mạng, vừa là cơ quan ghi lại rõ nhất những nội dung của cuộc cải cách dưới thời Minh Mạng và hoạt động của triều Nguyễn. Trong 125 năm tồn tại, Quốc sử quán đã để lại rất nhiều công trình đồ sộ về lịch sử, địa lý, văn hóa và con người Việt Nam. Đây là nguồn tài liệu quý giá cho các nhà nghiên cứu hiện nay trong việc nghiên cứu về Việt Nam thời Nguyễn”.

(Sách giáo khoa Lịch sử 11, Bộ chân trời sáng tạo, tr. 75)

- a. Đoạn trích cung cấp thông tin về những dấu ấn cải cách của vua Minh Mạng trên các lĩnh vực chính trị, xã hội, văn hóa
- b. Quốc sử quán được thành lập dưới thời vua Minh Mạng là một cơ quan chuyên làm nhiệm vụ thu thập và biên soạn sách sử
- c. Việc tìm hiểu, nghiên cứu về Việt Nam dưới thời Nguyễn chỉ có thể được thực hiện thông qua nguồn tài liệu mà Quốc sử quán triều Nguyễn ghi chép và để lại
- d. Cuộc cải cách của vua Minh Mạng diễn ra trên nhiều lĩnh vực, nhưng để lại dấu ấn sâu sắc nhất là lĩnh vực văn hóa.

a. S b. Đ c. S d. S

Câu 8: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Hiệu quả cải cách hành chính của Minh Mạng là đã tăng cường được tính thống nhất quốc gia, củng cố được vương triều Nguyễn, phần nào ổn định được xã hội sau hàng thế kỷ chiến tranh, vừa chống ngoại xâm vừa nội chiến liên miên. Nhưng bị hạn chế và không tạo được sức mạnh kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội và quan hệ quốc tế tốt đẹp, có khả năng kiềm chế được ngoại xâm”

(Văn Tao, *Mười cuộc cải cách, đổi mới lớn trong lịch sử Việt Nam*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2006, tr.251)

- a. Đoạn tư liệu phản ánh tác động tích cực và hạn chế trong cải cách của vua Minh Mạng trên lĩnh vực hành chính.
- b. Một trong những hiệu quả tích cực trong cải cách của vua Minh Mạng là tạo dựng được mối quan hệ tốt đẹp với bên ngoài, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc
- c. Cải cách của vua Minh Mạng đã thống nhất các đơn vị hành chính địa phương trong cả nước, thông qua đó hoàn thành thống nhất đất nước về mặt hành chính.
- d. Cải cách của vua Minh Mạng đã góp phần ổn định tình hình đất nước nhưng không tạo được động lực thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế, chính trị đất nước.

a. Đ b. S c. Đ d. Đ

Câu 9: Cho bảng dữ kiện một số nội dung cải cách trên lĩnh vực hành chính, chính trị của Hồ Quý Ly, Lê Thánh Tông và vua Minh Mạng như sau

	Nội dung cải cách
Hồ Quý Ly	- Sửa đổi các đơn vị hành chính, chia cả nước thành các lộ và trấn - Thành lập nhiều cơ quan, chức quan mới, bãi bỏ nhiều cơ quan, chức quan cũ

	- Tăng cường kiểm tra, giám sát quan lại, đặc biệt ở cấp địa phương
Lê Thánh Tông	<ul style="list-style-type: none"> - Bãi bỏ nhiều cơ quan, chức quan có nhiều quyền lực; thành lập Lục bộ đảm trách những công việc chính yếu của quốc gia - Thành lập Lục tự và Lục khoa để hỗ trợ và giám sát Lục bộ - Chia cả nước thành 12 (sau là 13) đạo thừa tuyên, thành lập các cơ quan phụ trách đạo thừa tuyên gồm: Đô ty, Thừa ty, Hiến ty
Vua Minh Mạng	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thiện cơ cấu, chức năng của Lục bộ - Thực hiện chế độ giám sát, thanh tra chéo giữa các cơ quan trung ương thông qua Đô sát viện và Lục khoa - Chia cả nước thành 30 tỉnh và phủ Thừa Thiên

- a. Lục bộ được thành lập từ thời vua Lê Thánh Tông nhằm đảm nhiệm những công việc chính yếu của quốc gia
- b. Chế độ kiểm tra, giám sát lẫn nhau giữa các cơ quan, chức quan trong bộ máy hành chính nhà nước chỉ bắt đầu được thực hiện từ thời vua Lê Thánh Tông
- c. Điểm mới trong cải cách của vua Minh Mạng so với Lê Thánh Tông là chia cả nước thành các tỉnh
- d. Điểm chung trong mục đích cải cách hành chính, chính trị của Hồ Quý Ly, Lê Thánh Tông và vua Minh Mạng là đều nhằm tập trung quyền lực vào tay vua và chính quyền trung ương.

a. Đ b. S c. Đ d. Đ

Câu 10. Cho bảng dữ liệu về một số nội dung của cải cách hành chính Minh Mạng

Nội dung
<ul style="list-style-type: none"> - Bộ máy chính quyền trung ương: <ul style="list-style-type: none"> + Cải tổ hệ thống Văn thư phòng và thành lập Cơ mật viện. + Hoàn thiện lục Bộ và cải tổ các cơ quan chuyên môn. + Thực hiện chế độ giám sát, thanh tra chéo giữa các cơ quan trung ương. - Bộ máy chính quyền địa phương: <ul style="list-style-type: none"> + Xóa bỏ Bắc Thành và Gia Định Thành, chia cả nước thành 30 tỉnh và phủ Thừa Thiên. + Đối với vùng dân tộc thiểu số: cho đổi các động, sách thành xã, đồng thời bãi bỏ chế độ cai trị của các tù trưởng địa phương. - Về bộ máy quan lại: <ul style="list-style-type: none"> + Tuyển chọn quan lại qua khoa cử; trọng dụng người có năng lực và phẩm chất tốt. + Mở rộng diện và đối tượng áp dụng của chế độ “hồi ty”.

- a. Bộ máy chính quyền trung ương thời Minh Mạng có Cơ mật viện, Quốc sử viện, Hàn lâm viện. **S**
- b. Ở địa phương chia cả nước thành các tỉnh, huyện. **S**
- c. Cải cách hành chính của Minh Mạng có ảnh hưởng đến các đơn vị hành chính của Việt Nam ngày nay. **Đ**
- d. Hệ thống cơ quan, chức quan các cấp được hoàn thiện và có sự giám sát, ràng buộc chặt chẽ với nhau. **Đ**

Câu 11. Đọc tư liệu sau đây

Cải cách hành chính của vua Lê Thánh Tông đưa tới sự xác lập của thể chế quân chủ chuyên chế trung ương tập quyền mang tính quan liêu theo đường lối pháp trị. Bộ máy nhà nước thời Lê sơ

trở nên hoàn chỉnh, chặt chẽ. Đời sống kinh tế, xã hội, văn hoá của Đại Việt cũng có những biến đổi lớn, trong đó nổi bật là sự phát triển của nền kinh tế tiểu nông và sự thống trị của tư tưởng Nho giáo.

- a. Chế độ phong kiến Việt Nam thời Lê sơ đạt đỉnh cao. **Đ**
- b. Sau cải cách của Lê Thánh Tông hình thành chế độ quân chủ chuyên chế quan liêu. **Đ**
- c. Tư tưởng Nho giáo, Phật giáo trở thành tư tưởng thống trị trong xã hội phong kiến Việt Nam. **S**
- d. Thời Lê Thánh Tông phát triển kinh tế công- thương nghiệp. **S**

GV LÀM BÀI 11: CÔ ĐÌNH LỰA

BÀI 12: VỊ TRÍ VÀ TẦM QUAN TRỌNG CỦA BIỂN ĐÔNG

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1: Biển Đông là một trong những biển lớn và là đường vận chuyển huyết mạch của khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Các nước giáp Biển Đông có sản lượng đánh bắt và nuôi trồng hải sản đứng hàng đầu thương mại hàng hải, khai thác hải sản và dầu dẫn đầu thế giới như: Trung Quốc, Thái Lan, khá rất sôi động trên vùng biển này... Biển Đông có ảnh hưởng trực tiếp tới cuộc sống của người dân ở một số nước thuộc khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Các nước Đông Nam Á ven biển đang được hưởng lợi ích trực tiếp từ Biển Đông trong phát triển kinh tế và giải quyết các vấn đề xã hội.

- a. Biển Đông là biển thuộc Thái Bình Dương, có diện tích khoảng 3,5 triệu km², trải dài khoảng 3000 km theo trục đông bắc - tây nam, nối liền Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương.
- b. Biển Đông được bao bọc bởi 9 quốc gia: Việt Nam, Trung Quốc, Philippin, Indônêxia, Malaixia, Brunây, Xingapo, Thái Lan, Campuchia và vùng lãnh thổ Đài Loan.
- c. Biển Đông là tên do người Việt Nam đặt từ xa xưa cho vùng biển nằm ở phía đông của đất nước. Tên tiếng Anh của Biển Đông là: South China Sea, do Tổ chức Thủy đặc Quốc tế đặt theo thông lệ quốc tế (dựa vào tên địa danh của một quốc gia ven biển có diện tích lãnh thổ đất liền lớn nhất) nhưng tên gọi này không có hàm ý về chủ quyền.
- d. Biển Đông là biển thuộc Ấn Độ Dương, có diện tích khoảng 3,5 triệu km², trải dài khoảng 3000 km theo trục đông bắc - tây nam, nối liền Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương.

a: sai

b: sai

c: sai

d. sai

Câu 2: Biển Đông có tầm chiến lược quan trọng. Đây là tuyến đường giao thông biển huyết mạch. Biển Đông có vị trí quan trọng trong giao thông hàng hải quốc tế. Khu vực này tập trung các tuyến đường biển chiến lược kết nối Thái Bình Dương - Ấn Độ Dương, châu Âu - châu Á, Trung Đông - Đông Á. 5 trong số 10 tuyến đường vận tải biển trọng yếu của thế giới liên quan đến Biển Đông. Giao thông đường biển trong khu vực này nhện nhíp vào hàng thứ hai thế giới, với nhiều tàu có trọng tải trên 5 000 tấn, trong số đó phần lớn là tàu chở dầu. Khu vực Biển Đông có nhiều eo biển quan trọng như: eo Đài Loan, Ba-si, Ga-xpa, Ka-li-man-tan và đặc biệt là Ma-lắc-ca. Eo Ma-lắc-ca là điểm điều tiết giao thông đường biển quan trọng bậc nhất châu Á, tạo nên "hành lang" hàng hải chính, kết nối nhiều nước, trong đó có 3 nước đông dân của thế giới là Ấn Độ, Trung Quốc và In-đô-nê-xi-a.

a. Biển Đông là tuyến đường giao thông huyết mạch và là địa bàn chiến lược quan trọng ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

b. Biển Đông rất giàu tài nguyên, tạo điều kiện thuận lợi để các quốc gia và vùng lãnh thổ ven biển có thể phát triển tổng hợp các ngành kinh tế biển, như: đánh bắt và nuôi trồng thủy sản; khai thác tài nguyên khoáng sản; du lịch biển, đảo; vận tải đường biển,...

c. Biển Đông đảm bảo nguồn an ninh lương thực cho nhân dân Việt Nam. Là tuyến đường duy nhất để Việt Nam xuất khẩu hàng nông sản.

d. Biển Đông là nền tảng duy nhất để Việt Nam phát triển công nghiệp nặng.

a: Đúng

b: Đúng

c. Sai

d. Sai

Câu 3: Biển Đông là biển thuộc Thái Bình Dương, trải rộng từ khoảng 3°N đến 26°B và khoảng 100°Đ đến 121°Đ . Biển Đông có diện tích khoảng 3,5 triệu km, trải dài khoảng 3 000 kmh Đường đông bắc - tây nam, nối liền Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương. Đây là biển tương đối kín vì các đường thông ra Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương đều có đảo, quần đảo bao bọc. Biển Đông có nhiều cấu trúc địa lí như đảo san hô, bãi cạn, bãi ngầm,... Khí hậu mang tính chất nhiệt đới với nhiệt độ, lượng mưa thay đổi theo vĩ độ và mùa. Đặc biệt, đây là khu vực hình thành và hoạt động nhiều của áp thấp nhiệt đới, bão. Biển Đông là một trong những biển lớn nhất thế giới, có diện tích gấp khoảng 1,5 lần Địa Trung Hải và 8 lần Biển Đen; độ sâu trung bình khoảng 1 140 m, nơi sâu nhất khoảng hơn 5 000 m.

a. Biển Đông là biển thuộc Thái Bình Dương, trải rộng từ khoảng 3°N đến 26°B và khoảng 100°Đ đến 121°Đ .

b. Biển Đông có diện tích khoảng 3,5 triệu km^2 , trải dài khoảng 3000 km theo trục đông bắc - tây nam, nối liền Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương.

c. Đây là biển tương đối kín vì các đường thông ra Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương đều có đảo, quần đảo bao bọc.

d. Góp phần giảm thiểu chi phí trong ngành vận tải đường biển, rút ngắn thời gian vận chuyển, giao lưu kinh tế được dễ dàng.

a: Đúng

b: Đúng

c: Đúng

Câu 4: Biển Đông được coi là khu vực địa – chính trị quan trọng đối với các nước thuộc khu vực châu Á-Thái Bình dương. Đảo Hoàng Sa nằm giữa kinh tuyến từ khoảng 111°Đ đến 113°Đ),... trải từ khoảng vĩ tuyến $15^{\circ}45'\text{B}$ đến $17^{\circ}15'\text{B}$ với các đảo lớn như đảo Phú Lâm, đảo Lin Côn,... Một số đảo rất gần lục địa Việt Nam như đảo Tri Tôn, đảo Hoàng Sa. Quần đảo Trường Sa nằm ở phía đông nam của bờ biển Việt Nam, bao gồm hơn 100 đảo, đá, bãi ngầm, bãi san hô nằm trong vùng biển rộng gấp nhiều lần so với quần đảo Hoàng Sa. Quần đảo Trường Sa nằm ở vĩ tuyến từ khoảng $6^{\circ}30'\text{B}$ đến 12°B và kinh tuyến từ khoảng $111^{\circ}30'\text{Đ}$ đến $117^{\circ}20'\text{Đ}$. Đảo gần đất liền nhất là đảo Trường Sa, đảo cao nhất so với mực nước biển là Song Tử Tây và đảo có diện tích lớn nhất là Ba Bình (0,6 km^2). Quần đảo được chia làm 8 cụm: Song Tử, Thị Tứ, Loại Ta, Nam Yết, Sinh Tồn, Trường Sa, Thám Hiểm, Bình Nguyên.

a. Địa bàn cạnh tranh ảnh hưởng truyền thống của các nước. Tình trạng tranh chấp biển đảo trên biển Đông diễn ra sớm và khá phức tạp.

- b. Các nước lớn cạnh tranh ảnh hưởng ở biển Đông
- c. Các nước phương Tây xâm lược, cai trị, thiết lập ảnh hưởng ở ĐNA (nơi có 10/11 nước tiếp giáp hoặc nằm trên biển Đông).
- d. Là nền tảng duy nhất để Việt Nam phát triển công nghiệp nặng.

a: Đúng

b: Đúng

c: Đúng

Câu 5: Biển Đông là địa bàn chiến lược quan trọng ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Biển Đông có vị trí chiến lược quan trọng ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương về quốc phòng - an ninh, giao thông vận tải và các hoạt động kinh tế khác.

a. Biển Đông là tuyến đường di chuyển ngắn nhất nối Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương. Các đảo và quần đảo trên Biển Đông cũng tạo thành tuyến phòng thủ tự nhiên đối với nhiều nước ven biển.

b. Các nước như Ấn Độ, Nhật Bản, Trung Quốc, Xingapo, Malaixia, Việt Nam,... đều có các hoạt động thương mại hàng hải, khai thác hải sản và dầu khí rất sôi động trên vùng biển này.

c. Các cảng biển lớn trong Biển Đông là điểm trung chuyển của tàu thuyền, trao đổi và bốc dỡ hàng hóa quan trọng nhất trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương như các cảng: Xingapo, Kuantan (Malaixia), Manila (Philippin), Đà Nẵng (Việt Nam), Hồng Công (Trung Quốc),...

d. Biển Đông là tuyến đường duy nhất để Việt Nam xuất khẩu hàng nông sản, là nền tảng duy nhất để Việt Nam phát triển công nghiệp nặng.

a: Đúng

b: Đúng

c: Đúng

Câu 6: Biển Đông là địa bàn chiến lược quan trọng ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Biển Đông có ảnh hưởng trực tiếp tới cuộc sống của hàng trăm triệu dân của các quốc gia thuộc châu Á - Thái Bình Dương. Các quốc gia Đông Nam Á ven biển đang được hưởng lợi ích từ Biển Đông trong phát triển kinh tế và giải quyết các vấn đề xã hội.

a. Các quốc gia Đông Nam Á ven biển đang được hưởng lợi ích từ Biển Đông trong phát triển kinh tế và giải quyết các vấn đề xã hội.

b. Giúp kiểm soát và đảm bảo an ninh cho các tuyến đường giao thông trên biển, trên không.

c. Xây dựng thành cơ sở hậu cần - kỹ thuật phục vụ hoạt động kinh tế tại các đảo, quần đảo.

d. Phát triển bền vững một số ngành kinh tế biển như du lịch, nuôi trồng và chế biến thủy sản.

a: Đúng

b: Đúng

c: Đúng

d: Đúng

Câu 7: Biển Đông là nơi cư trú của trên 12.000 loài sinh vật, trong đó có khoảng 2040 loài cá, 350 loài san hô, 662 loài rong biển, 12 loài có vú.... Trong khu vực này tập trung 221 loài cây nước mặn tạo nên diện tích rừng ngập mặn tương đối lớn. Khu vực thềm lục địa của Biển Đông có tiềm năng dầu khí cao như bồn chũng Brunei, Nam Côn Sơn, Hoàng Sa.....

(Theo Nguyễn Văn Âu, Địa lí tự nhiên Biển Đông, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2002, tr.33, 71 - 72)

a. Biển Đông là khu vực có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú với trữ lượng lớn như: sinh vật biển, khoáng sản (ti-tan, thiếc, chì, kẽm,...). Đặc biệt, Biển Đông là một trong năm bồn trũng chứa dầu khí lớn nhất thế giới.

b. Nguồn tài nguyên thiên nhiên đa dạng của Biển Đông có giá trị cao đối với hoạt động nghiên cứu khoa học, phục vụ đời sống hằng ngày của cư dân và phát triển kinh tế - xã hội của các nước trong khu vực.

c. Biển Đông là khu vực thiếu nghiêm trọng nước ngọt, có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú với trữ lượng lớn như: sinh vật biển, khoáng sản (ti-tan, thiếc, chì, kẽm,...). Đặc biệt, Biển Đông là một trong năm bồn trũng chứa dầu khí lớn nhất thế giới.

d. Nguồn tài nguyên thiên nhiên đa dạng của Biển Đông không có giá trị cao đối với hoạt động nghiên cứu khoa học, phục vụ đời sống hằng ngày của cư dân và phát triển kinh tế - xã hội của các nước trong khu vực.

a: Đúng

b: Đúng

Câu 8. Theo Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên hợp quốc (FAO), Biển Đông là vùng biển có sản lượng đánh bắt hải sản hàng đầu thế giới với khoảng 6 triệu tấn, chiếm 10% tổng khối lượng toàn thế giới, riêng sản lượng cá xếp thứ 4/19 thế giới.

a. Hệ thống đảo, quần đảo trên Biển Đông chỉ thuận lợi để đầu tư và phát triển du lịch.

b. Việt Nam được đánh giá là quốc gia có lợi thế và tiềm năng to lớn về tài nguyên biển.

c. Vùng biển rộng lớn với nhiều đảo là không gian trọng yếu để phát triển văn hóa.

d. Biển đảo là nguồn cung cấp lương thực chủ yếu cho cuộc sống của nhân dân Việt Nam.

b: Đúng

Câu 9: Khu vực biển của quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa chứa đựng tài nguyên bằng cháy rất lớn, được coi là nguồn năng lượng thay thế dầu khí trong tương lai. Kinh tế du lịch biển được đẩy mạnh nhờ hệ sinh vật đa dạng dưới đáy biển, cảnh quan thiên nhiên đẹp ven biển và trên nhiều hòn đảo. Tại các đảo còn có thể xây dựng các khu bảo tồn biển, trung tâm nghiên cứu để duy trì và phát triển các loài sinh vật hoang dã, các loài quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng. Nằm trong 10 tuyến vận tải hàng hải lớn nhất thế giới đều liên quan đến Biển Đông, nhiều mặt hàng quan trọng nhất thế giới được vận chuyển qua biển Đông như dầu mỏ, khí đốt. Lượng dầu khí vận chuyển qua biển Đông gấp 15 lần qua kênh đào Pa-na-ma. Biển Đông có vị trí quan trọng trong giao thông hàng hải quốc tế, tập trung các tuyến đường biển huyết mạch kết nối Thái Bình Dương - Ấn Độ Dương, châu Âu - châu Á, Trung Đông - Đông Á.

a. Có 5 trong số 10 tuyến đường vận tải biển trong yếu của thế giới liên quan đến Biển Đông.

b. Giao thông đường biển qua Biển Đông nhộn nhịp vào hàng thứ 2 thế giới, với nhiều tàu có trọng tải trên 5000 tấn.

c. Đảm bảo nguồn an ninh lương thực cho nhân dân Việt Nam.

d. Là nền tảng duy nhất để Việt Nam phát triển công nghiệp nặng.

a: đúng

b: Đúng

Câu 10: Quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa có vị trí chiến lược quan trọng, trong khu vực Biển Đông, giúp kiểm soát và bảo đảm an ninh cho các tuyến đường giao thông trên biển, trên không. Với nguồn tài nguyên sinh vật, khoáng sản và du lịch đa dạng, các đảo, quần đảo trên Biển Đông là không gian hoạt động kinh tế có tầm quan trọng chiến lược. 1 số ngành kinh tế biển có thể phát triển bền vững như du lịch, nuôi trồng và chế biến thủy sản, khai thác dược liệu biển và khoáng sản,... Nằm trải rộng trên một vùng biển lớn, quần đảo Trường Sa và quần đảo Hoàng Sa tạo nên ngư trường đánh bắt hải sản khổng lồ với nhiều loài quý hiếm và có giá trị kinh tế cao như: tôm hùm, hải sâm, đồi mồi, ốc tai voi,... Nguồn tài nguyên khoáng sản ở các đảo và vùng biển xung quanh gồm dầu mỏ, khí đốt, phốt phát, cát, vỏ sò,... có thể khai thác với trữ lượng lớn.

a. Quần đảo Hoàng Sa thuộc thành phố Đà Nẵng của Việt Nam hiện nay. Quần đảo này nằm giữa kinh tuyến từ khoảng 111°Đ đến 113°Đ , trải từ khoảng vĩ tuyến $15^{\circ}45'\text{B}$ đến $17^{\circ}15'\text{B}$ với các đảo lớn, như: đảo Phú Lâm, đảo Lin Côn,...

b. Quần đảo Trường Sa thuộc tỉnh Khánh Hòa của Việt Nam hiện nay. Quần đảo này nằm ở vĩ tuyến khoảng $6^{\circ}30'\text{B}$ đến 12°B và kinh tuyến từ khoảng $111^{\circ}30'\text{Đ}$ đến $117^{\circ}20'\text{Đ}$, và được chia thành 8 cụm đảo là: Song Tử, Thi Tứ, Loại Ta, Nam Yết, Sinh Tồn, Trường Sa, Thám Hiểm và Bình Nguyên.

c. Là tuyến đường duy nhất để Việt Nam xuất khẩu hàng nông sản.

d. Quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa có vị trí chiến lược quan trọng, giúp kiểm soát và bảo đảm an ninh cho các tuyến đường giao thông trên biển, trên không trong khu vực Biển Đông, có vị trí, điều kiện thích hợp để phát triển nền kinh tế biển toàn diện.

a: sai

b: sai

c: sai

d: Đúng

Câu 11: Khu vực biển của quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa chứa đựng tài nguyên băng cháy rất lớn, được coi là nguồn năng lượng thay thế dầu khí trong tương lai. Kinh tế du lịch biển được đẩy mạnh nhờ hệ sinh vật đa dạng dưới đáy biển, cảnh quan thiên nhiên đẹp ven biển và trên nhiều hòn đảo. Tại các đảo còn có thể xây dựng các khu bảo tồn biển, trung tâm nghiên cứu để duy trì và phát triển các loài sinh vật hoang dã, các loài quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng.

a. Là cửa ngõ để Việt Nam giao thương với khu vực và thế giới.

b. Hiện nay, Biển Đông là một trong những biển lớn nhất trên thế giới.

c. Là cửa ngõ để Việt Nam giao thương với các nhiều nước trên thế giới.

d. Có vị trí chiến lược quan trọng ở khu vực châu Á – Thái Bình Dương.

a: Đúng

Câu 12: Với nguồn tài nguyên sinh vật, khoáng sản và du lịch đa dạng, các đảo, quần đảo trên Biển Đông là không gian hoạt động kinh tế có tầm quan trọng chiến lược. Một số ngành kinh tế biển có thể phát triển bền vững như du lịch, nuôi trồng và chế biến thủy sản, khai thác dược liệu biển và khoáng sản,...

a. Nằm trải rộng trên một vùng biển lớn, quần đảo Trường Sa và quần đảo Hoàng Sa tạo nên ngư trường đánh bắt hải sản khổng lồ với nhiều loài quý hiếm và có giá trị kinh tế cao như tôm hùm, hải sâm, đồi mồi, vich, ốc tai voi, rau câu,...

b. Nguồn tài nguyên khoáng sản ở các đảo và vùng biển xung quanh gồm: dầu mỏ, khí đốt, photphát, bùn đa kim, cát, vỏ sò,... có thể khai thác với trữ lượng lớn. Đặc biệt, khu vực biển của quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa chứa đựng tài nguyên băng cháy rất lớn, được coi là nguồn năng lượng thay thế dầu khí trong tương lai.

c. Kinh tế du lịch biển cũng có thể đẩy mạnh nhờ hệ sinh vật đa dạng dưới đáy biển, cảnh quan thiên nhiên đẹp ven biển và trên nhiều hòn đảo.

d. Tại các đảo cũng có thể xây dựng các khu bảo tồn biển, các trung tâm nghiên cứu để duy trì và phát triển các loài sinh vật hoang dã, các loài quý hiếm.

a: Đúng

b: Đúng

c: Đúng

d. Đúng

Câu 13: Các quốc gia trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương đặc biệt quan tâm tới Biển Đông và các đảo, quần đảo trên Biển Đông.

a. Biển Đông có vị trí quan trọng trong giao thông hàng hải quốc tế, tập trung các tuyến đường biển huyết mạch kết nối Thái Bình Dương - Ấn Độ Dương, châu Âu - châu Á, Trung Đông - Đông Á.

b. Biển Đông có vị trí chiến lược quan trọng ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương về quốc phòng - an ninh, giao thông vận tải và các hoạt động kinh tế khác.

c. Biển Đông là khu vực có nguồn tài nguyên phong phú, đa dạng, bao gồm: tài nguyên sinh vật, tài nguyên khoáng sản (ti-tan, thiếc, chì, băng cháy, dầu mỏ, khí tự nhiên,...). Bên cạnh đó, Biển Đông cũng có địa hình bờ biển đa dạng, có nhiều bãi cát đẹp, nhiều vũng, vịnh biển... Tất cả các yếu tố trên, đã tạo điều kiện để các quốc gia và vùng lãnh thổ ven Biển Đông có thể phát triển tổng hợp các ngành kinh tế biển, như: đánh bắt và nuôi trồng thủy sản; khai thác khoáng sản, du lịch biển, vận tải đường biển,...

d. Biển Đông cũng có địa hình bờ biển phong phú, có nhiều bãi cát mịn, nhiều vũng, vịnh biển... Tất cả các yếu tố trên, đã tạo điều kiện để các quốc gia và vùng lãnh thổ ven Biển Đông có thể phát triển tổng hợp các ngành kinh tế biển, như: đánh bắt và nuôi trồng nông nghiệp; khai thác gỗ, du lịch biển, vận tải đường bộ,...

a: Đúng

b: Đúng

c: Đúng

Câu 14: Quần đảo Trường Sa và quần đảo Hoàng Sa thuộc chủ quyền của Việt Nam nằm ở trung tâm của Biển Đông. Hệ thống đảo, quần đảo trên Biển Đông nằm trên những tuyến đường hàng hải quốc tế quan trọng, kết nối các châu lục nên có ý nghĩa chiến lược về quốc phòng, an ninh đối với nhiều quốc gia ven biển. Một số đảo, quần đảo có vị trí, điều kiện tự nhiên thích hợp để phát triển nền kinh tế biển toàn diện, xây dựng thành cơ sở hậu cần - kỹ thuật phục vụ hoạt động quân sự và kinh tế..

a. Xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển kinh tế biển toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm, gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh và hợp tác quốc tế. Hoàn thiện hệ thống pháp luật về quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo.

b. Kiên quyết, kiên trì giải quyết tranh chấp chủ quyền trên biển, đảo bằng biện pháp hòa bình trên cơ sở luật pháp quốc tế.

c. Tuyên truyền, giáo dục để nâng cao ý thức trách nhiệm của người dân trong việc: đấu tranh bảo vệ chủ quyền; khai thác hợp lý, bền vững và bảo vệ môi trường biển, đảo.

d. Chủ động tăng cường và mở rộng hợp tác quốc tế trong việc: quản lý, khai thác tài nguyên và bảo vệ chủ quyền biển, đảo.

a: Đúng

b: Đúng

c: Đúng

d. Đúng

Câu 15: Sơ tư tài liệu từ sách, báo, internet, nêu đề xuất của em về các biện pháp để khai thác hiệu quả, bền vững vị trí và tài nguyên thiên nhiên của Biển Đông.

a. Kiên quyết, kiên trì giải quyết tranh chấp chủ quyền trên biển, đảo bằng biện pháp hòa bình trên cơ sở luật pháp quốc tế.

b. Tuyên truyền, giáo dục để nâng cao ý thức trách nhiệm của người dân trong việc: đấu tranh bảo vệ chủ quyền; khai thác hợp lý, bền vững và bảo vệ môi trường biển, đảo.

c. Chủ động tăng cường và mở rộng hợp tác quốc tế trong việc: quản lý, khai thác tài nguyên và bảo vệ chủ quyền biển, đảo.

d. Khu vực Biển Đông có nhiều eo biển quan trọng: Eo Đài Loan, Basi, Gaxpa, Kalimantan và đặc biệt là Malacca.

a: Đúng

b: Đúng

c: Đúng

d. Đúng

Câu 16: Biển Đông hiện nay có khoảng 530 cảng biển. Có hai cảng biển lớn và hiện đại bậc nhất là cảng Xin ga po và cảng Hồng Kông. Khoảng 45% khối lượng hàng hóa xuất khẩu của Nhật Bản và 55% lượng hàng hóa xuất khẩu của các nước ASEAN đi qua biển Đông. Cảng Xin-ga-po một trong những cảng biển quốc tế quan trọng trên biển Đông, trung tâm hàng hải hàng đầu thế giới. Cảng biển Xin ga po kết nối hơn 600 cảng ở 123 quốc gia, trung chuyển khoảng 1/5 khối lượng hàng hóa vận chuyển bằng công-te-nơ trên thế giới, nửa nguồn cung cấp dầu thô hàng năm trên thế giới.

a. Nằm trên tuyến đường giao thông hàng hải quốc tế huyết mạch.

b. Là tuyến hàng hải quốc tế nhộn nhịp thứ hai trên thế giới.

c. Có vị trí chiến lược quan trọng ở khu vực châu Á – Thái Bình Dương.

d. Xây dựng các trung tâm nghiên cứu để duy trì và phát triển các di sản văn hóa thiên nhiên.

a: Đúng

b: Đúng

ĐÁP ÁN CÂU HỎI ĐÚNG SAI BÀI 12

Câu	a	B	C	D
1	S	S	S	S
2	Đ	Đ	S	S
3	Đ	Đ	Đ	S
4	Đ	Đ	Đ	S
5	Đ	Đ	Đ	S

6	Đ	Đ	Đ	Đ
7	Đ	Đ	S	S
8	S	Đ	S	S
9	Đ	Đ	S	S
10	S	S	S	Đ
11	Đ	S	S	S
12	Đ	Đ	Đ	Đ
13	Đ	Đ	Đ	S
14	Đ	Đ	Đ	Đ
15	Đ	Đ	Đ	Đ
16	Đ	Đ	S	S



VUI LÒNG TẢI XUỐNG BẢN WORD ĐỂ SỬ DỤNG ĐẦY ĐỦ NỘI DUNG